

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC -
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**



**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NGOÀI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH CỦA
Học viện BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN
(Theo tiêu chuẩn Đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)**









Nghệ An, tháng 12/2022

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC -
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NGOÀI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
CỦA HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN
Theo tiêu chuẩn Đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo
(*Giai đoạn đánh giá: 2017 - 2022*)**

Nghệ An, tháng 12/2022

DANH SÁCH
CÁC THÀNH VIÊN ĐOÀN ĐÁNH GIÁ NGOÀI

TT	Họ và tên, cơ quan công tác	Trách nhiệm được giao	Chữ ký
1	PGS.TS. Bùi Duy Cam Nguyên Hiệu trưởng, Trường ĐH KHTN - ĐHQGHN	Trưởng đoàn	
2	TS. Trần Đình Quang Giám đốc Trung tâm KĐCLGD - Trường ĐH Vinh	Thành viên thường trực	
3	TS. Phan Hùng Thư Trung tâm KĐCLGD - Trường ĐH Vinh	Thư ký	
4	TS. Trần Ái Cẩm Hiệu trưởng Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	Thành viên	
5	PGS.TS. Nguyễn Thị Nhị Phó trưởng khoa Sư phạm Vật lí Trường ĐH Vinh	Thành viên	
6	TS. Nguyễn Thị Thu Hà Hiệu trưởng Trường ĐH Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương	Thành viên	
7	TS. Nguyễn Duy Mộng Hà Trưởng phòng ĐBCL – Trường ĐH KHXH&NV - ĐHQGHCM	Thành viên	
8	ThS. Nguyễn Thị Minh Trung tâm KĐCLGD - Trường ĐH Vinh	Giám sát	

© Bản quyền và sở hữu thuộc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh. Mọi thông tin trong Báo cáo được bảo vệ theo quy định của pháp luật. Nghiêm cấm mọi hình thức sao chép, công bố bất cứ nội dung nào của Báo cáo này trái với các quy định liên quan trong pháp luật hiện hành.

MỤC LỤC

Danh mục các chữ viết tắt	iv
Phần I. TỔNG QUAN	1
1. Giới thiệu chung	1
2. Tóm tắt quá trình đánh giá ngoài	1
3. Tóm tắt kết quả đánh giá ngoài	3
3.1. Tóm tắt những điểm mạnh của chương trình đào tạo	3
3.2. Tóm tắt những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo	7
3.3. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá và đánh giá ngoài	10
Phần II. ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN	13
I. Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và CDR của chương trình đào tạo	13
<i>Tiêu chí 1.1</i>	<i>13</i>
<i>Tiêu chí 1.2</i>	<i>13</i>
<i>Tiêu chí 1.3</i>	<i>14</i>
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 1	15
II. Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo	16
<i>Tiêu chí 2.1</i>	<i>16</i>
<i>Tiêu chí 2.2</i>	<i>17</i>
<i>Tiêu chí 2.3</i>	<i>18</i>
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 2	19
III. Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	20
<i>Tiêu chí 3.1</i>	<i>20</i>
<i>Tiêu chí 3.2</i>	<i>21</i>
<i>Tiêu chí 3.3</i>	<i>22</i>
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 3	23
IV. Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	24
<i>Tiêu chí 4.1</i>	<i>24</i>
<i>Tiêu chí 4.2</i>	<i>25</i>
<i>Tiêu chí 4.3</i>	<i>26</i>
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 4	27
V. Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học	28
<i>Tiêu chí 5.1</i>	<i>28</i>
<i>Tiêu chí 5.2</i>	<i>29</i>
<i>Tiêu chí 5.3</i>	<i>30</i>
<i>Tiêu chí 5.4</i>	<i>32</i>
<i>Tiêu chí 5.5</i>	<i>33</i>
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 5	34

VI. Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	36
<i>Tiêu chí 6.1</i>	36
<i>Tiêu chí 6.2</i>	38
<i>Tiêu chí 6.3</i>	39
<i>Tiêu chí 6.4</i>	40
<i>Tiêu chí 6.5</i>	41
<i>Tiêu chí 6.6</i>	42
<i>Tiêu chí 6.7</i>	43
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 6	45
VII. Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	48
<i>Tiêu chí 7.1</i>	48
<i>Tiêu chí 7.2</i>	50
<i>Tiêu chí 7.3</i>	51
<i>Tiêu chí 7.4</i>	52
<i>Tiêu chí 7.5</i>	53
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 7	55
VIII. Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	56
<i>Tiêu chí 8.1</i>	56
<i>Tiêu chí 8.2</i>	57
<i>Tiêu chí 8.3</i>	59
<i>Tiêu chí 8.4</i>	60
<i>Tiêu chí 8.5</i>	62
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 8	63
IX. Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị	64
<i>Tiêu chí 9.1</i>	64
<i>Tiêu chí 9.2</i>	65
<i>Tiêu chí 9.3</i>	66
<i>Tiêu chí 9.4</i>	68
<i>Tiêu chí 9.5</i>	69
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 9	70
X. Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng	71
<i>Tiêu chí 10.1</i>	71
<i>Tiêu chí 10.2</i>	72
<i>Tiêu chí 10.3</i>	73
<i>Tiêu chí 10.4</i>	74
<i>Tiêu chí 10.5</i>	75
<i>Tiêu chí 10.6</i>	76

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 10	77
XI. Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	78
<i>Tiêu chí 11.1</i>	78
<i>Tiêu chí 11.2</i>	80
<i>Tiêu chí 11.3</i>	81
<i>Tiêu chí 11.4</i>	83
<i>Tiêu chí 11.5</i>	85
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 11	87
Phần III. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ	89
Phần IV. PHỤ LỤC	vi

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

TT	VIẾT TẮT	CỤM TỪ ĐẦY ĐỦ
1.	BLQ	Bên liên quan
2.	CB	Cán bộ
3.	CĐR	Chuẩn đầu ra
4.	CNTT	Công nghệ thông tin
5.	CSGD	Cơ sở giáo dục
6.	CSVC	Cơ sở vật chất
7.	CTDH	Chương trình dạy học
8.	CTĐT	Chương trình đào tạo
9.	CVHT	Cổ vấn học tập
10.	ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
11.	ĐCCT	Đề cương chi tiết
12.	ĐGN	Đánh giá ngoài
13.	ĐH	Đại học
14.	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
15.	GS	Giáo sư
16.	GV	Giảng viên
17.	KQHT	Kết quả học tập
18.	KTĐG	Kiểm tra đánh giá
19.	HVBC&TT	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
20.	HVCTQGHCM	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
21.	NCKH	Nghiên cứu khoa học
22.	NH	Người học
23.	NTD	Nhà tuyển dụng
24.	PGS	Phó giáo sư
25.	PPDH	Phương pháp dạy học
26.	PVCĐ	Phục vụ cộng đồng
27.	SV	Sinh viên
28.	SVTN	Sinh viên tốt nghiệp
29.	TĐG	Tự đánh giá
30.	ThS	Thạc sĩ
31.	TS	Tiến sĩ

PHẦN I. TỔNG QUAN

1. Giới thiệu chung

Đoàn chuyên gia Đánh giá ngoài (ĐGN) thực hiện đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Ngôn ngữ Anh của Học viện báo chí và Tuyên truyền (HVBC&TT) được thành lập theo Quyết định số 517/QĐ-KĐCLV ngày 25/8/2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh (Trung tâm) và Quyết định số 526/QĐ-KĐCLV ngày 30/9/2022 về việc điều chỉnh danh sách Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài 03 chương trình đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Đoàn gồm có 07 chuyên gia ĐGN và 01 cán bộ (CB) giám sát, do PGS.TS. Bùi Duy Cam (số thẻ KĐV: 2017.01.244) làm Trưởng đoàn. Đoàn đã tổ chức các hoạt động ĐGN đúng theo quy định hiện hành.

Bản báo cáo này khái quát quá trình ĐGN, các kết quả đạt được, những kiến nghị đối với CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh của Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Báo cáo có các phụ lục:

- Phụ lục 1: Giới thiệu Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Khoa Ngoại ngữ;
- Phụ lục 2: Tóm tắt kết quả tự đánh giá (TĐG) CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh;
- Phụ lục 3: Quyết định thành lập đoàn ĐGN;
- Phụ lục 4: Lịch trình ĐGN;
- Phụ lục 5: Công văn của Học viện Báo chí và Tuyên truyền phản hồi Dự thảo Báo cáo ĐGN;

Các nhận định, kết luận, đánh giá trong Báo cáo ĐGN này căn cứ trên các minh chứng, dữ liệu được Học viện cung cấp tính đến thời điểm ngày 25/10/2022, từ thực trạng của Học viện cùng các thông tin phản hồi và kết quả khảo sát, phỏng vấn các bên liên quan (BLQ) trong quá trình đánh giá.

2. Tóm tắt quá trình đánh giá ngoài

Công cụ mà Đoàn ĐGN sử dụng là Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT được ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), gồm 11 tiêu chuẩn với 50 tiêu chí, mức đánh giá mỗi tiêu chí theo thang đánh giá 7 mức.

Các phương pháp đánh giá đã được Đoàn ĐGN sử dụng:

- + Nghiên cứu Hồ sơ TĐG do Học viện và Trung tâm cung cấp để xác định những vấn đề cần làm rõ trong các hoạt động của Nhà trường, đối chiếu với các yêu cầu của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT;
- + Nghiên cứu, kiểm tra hồ sơ, minh chứng tại thực địa để đánh giá độ tin cậy và tính xác thực của các thông tin mà Học viện đã thể hiện trong Báo cáo TĐG;

+ Khảo sát, điều tra tại chỗ để xác thực tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp (SVTN) và lấy ý kiến đánh giá, góp ý cho Học viện từ các BLQ;

+ Phòng vấn, thảo luận với các đối tượng liên quan; quan sát, kiểm tra cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị và các hoạt động của Trường để xác thực các thông tin và nhận định, đánh giá về thực trạng của Trường.

Đoàn đã triển khai ĐGN theo các bước cụ thể như sau:

(1) *Nghiên cứu Hồ sơ TĐG*: Từ ngày 01 - 09/9/2022

Đoàn ĐGN và Trung tâm trao đổi, thống nhất nguyên tắc, phương pháp, tiêu chí đánh giá; lập kế hoạch ĐGN và phân công trách nhiệm phụ trách các tiêu chuẩn, tiêu chí cho các thành viên trong Đoàn. Các thành viên Đoàn nghiên cứu, nhận xét hồ sơ TĐG và đánh giá sơ bộ về những vấn đề đã rõ/chưa rõ; xác định các thông tin, minh chứng còn thiếu đối với các tiêu chuẩn, tiêu chí được phân công.

(2) *Họp Đoàn*: ngày 09/9/2022

Đoàn ĐGN và Trung tâm đã họp online từ 20h - 22h30 để thảo luận về các vấn đề đã rõ/chưa rõ khi nghiên cứu hồ sơ TĐG; trao đổi, thống nhất về các hồ sơ, tài liệu, minh chứng yêu cầu Học viện bổ sung; các CSVC cần quan sát, kiểm tra; các đối tượng và thành phần cần phỏng vấn; những công tác hậu cần mà Nhà trường, Trung tâm và Đoàn ĐGN cần chuẩn bị. Đồng thời, thống nhất nội dung làm việc trong đợt khảo sát sơ bộ và dự kiến lịch trình khảo sát chính thức.

(3) *Khảo sát sơ bộ*: ngày 13/9/2022

Trưởng đoàn ĐGN, Giám đốc Trung tâm, Thư ký đã tiến hành khảo sát sơ bộ tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Các đại diện Đoàn ĐGN đã làm việc với Lãnh đạo Trường, Hội đồng TĐG và các phòng, trung tâm, khoa, bộ môn của Trường. Đoàn đã báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ TĐG và trao đổi, thống nhất về lịch trình và công tác hậu cần chuẩn bị cho khảo sát chính thức của Đoàn tại Trường. Đoàn đã thảo luận với Học viện và thống nhất về các tài liệu, minh chứng yêu cầu Học viện bổ sung; các CSVC cần quan sát, kiểm tra tại cơ sở của Trường; số lượng và thành phần các đối tượng cần phỏng vấn...

Kết thúc đợt khảo sát sơ bộ, Trưởng đoàn ĐGN cùng Hiệu trưởng Học viện đã ký Biên bản ghi nhớ.

(4) *Khảo sát chính thức*: từ ngày 21 – 25/10/2022

Đoàn đã thực hiện các hoạt động: kiểm tra hồ sơ, minh chứng, phỏng vấn trực tiếp với nhóm CB phụ trách các mảng: Đào tạo, Khảo thí; Công tác sinh viên (SV), Đảm bảo chất lượng (ĐBCL), Thanh tra giáo dục; Nghiên cứu khoa học (NCKH), Tài chính, Tuyển sinh, Quan hệ doanh nghiệp, Hợp tác quốc tế, Quản trị, Thư viện, Công nghệ thông tin (CNTT)... thảo luận và phỏng vấn chính thức, đồng thời lấy ý kiến đánh giá, góp ý của 06 nhóm đối tượng gồm tất cả các BLQ (94 người); gặp gỡ và phỏng vấn

không chính thức với SV tại nhà ăn SV, ký túc xá, thư viện, phòng thực hành; thực hiện quan sát hoạt động của thư viện, kiểm tra ngẫu nhiên nhiều đầu sách/ giáo trình của các học phần (HP) của CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh; kiểm tra CSVC, trang thiết bị và quan sát hoạt động lên lớp của một số lớp học; khảo sát về tình hình việc làm (qua điện thoại) đối với 15 sinh viên tốt nghiệp đại học hệ chính quy tốt nghiệp năm 2020 và 2021; Trong đó, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm trong vòng 6 tháng là 76,9% (kết quả khảo sát năm 2021); tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp làm đúng chuyên môn được đào tạo là 80,8% (kết quả khảo sát năm 2021).

Đoàn cũng đã thu được từ các BLQ đến tham dự phỏng vấn 94 phiếu góp ý, tổng cộng có 156 ý kiến của CB, giảng viên (GV), SV, cựu SV và NTD về các hoạt động của Nhà trường.

Sau mỗi ngày làm việc, Đoàn tập trung thảo luận, tổng kết các vấn đề và thống nhất các nội dung đánh giá. Đồng thời, Đoàn dành thời gian để tiếp CB, GV và SV có nhu cầu gặp và trao đổi với Đoàn.

(4) *Viết dự thảo Báo cáo ĐGN*: Từ 26/10/2022 đến ngày 05/11/2022, Đoàn tiếp tục thảo luận, thống nhất và viết dự thảo Báo cáo ĐGN. Dự thảo Báo cáo ĐGN được toàn bộ thành viên trong Đoàn và CB giám sát của Trung tâm KĐCLGD-ĐH Vinh thông qua và được gửi để lấy ý kiến phản hồi của Học viện vào ngày 04/12/2022.

(5) *Hoàn thiện Báo cáo ĐGN*: sau khi nhận được văn bản phản hồi đồng ý hoàn toàn với Dự thảo Báo cáo ĐGN CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh của Học viện Báo chí và Tuyên truyền (ngày 07/12/2022), Đoàn chuyên gia ĐGN đã rà soát và hoàn thiện Báo cáo ĐGN. Báo cáo ĐGN chính thức đã được tất cả các thành viên của Đoàn ĐGN nhất trí thông qua ngày 08/12/2022. Đoàn đã gửi lại Báo cáo ĐGN chính thức cho Học viện (qua Trung tâm KĐCLGD-ĐHV) theo đúng quy định.

3. Tóm tắt kết quả đánh giá ngoài

Đoàn chuyên gia ĐGN đã triển khai khảo sát chính thức tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền từ ngày 21 - 25/10/2022 theo đúng kế hoạch, quy trình, đảm bảo tính khách quan, trung thực, độc lập và dựa trên minh chứng. Các phát hiện chính như sau:

3.1. Tóm tắt những điểm mạnh của chương trình đào tạo

Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh được xác định rõ ràng, gồm mục tiêu chung và các mục tiêu cụ thể, bao quát kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đạo đức, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Học viện và Khoa Ngoại ngữ, với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học; CĐR của CTĐT cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh được xác định rõ ràng, gồm 15 CĐR đã được tinh gọn, phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam, được rà soát, điều chỉnh trên cơ sở tiếp thu ý kiến

của các BLQ, được thông qua Hội đồng thẩm định năm 2018 và 2020 và được công bố công khai qua nhiều kênh.

Bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT và các ĐCHP của ngành Ngôn ngữ Anh năm 2018 và năm 2020 bao gồm đầy đủ các nội dung cơ bản, có rà soát, bổ sung, điều chỉnh và cập nhật theo kế hoạch của nhà trường, thông qua các cuộc họp ở tổ bộ môn, được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau, như qua trang thông tin điện tử của Học viện, các buổi học đầu tiên, ...

Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

CTDH ngành Ngôn ngữ Anh được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, có mô tả tổ hợp các PPDH, phương pháp KTĐG kết quả học tập của NH phù hợp, góp phần đạt được CĐR, thể hiện ở Bảng ma trận thể hiện sự tương thích giữa các PPDH và CĐR chung của CTĐT cũng như của các HP trong các ĐCHP; các HP được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, được bố trí hợp lý theo từng học kỳ, có mô tả số tin chỉ lý thuyết và thực hành cho mỗi HP; CTDH được định kỳ rà soát/điều chỉnh, bổ sung và cập nhật 2 năm 1 lần vào năm 2018 và năm 2020; tổ chức nhiều cuộc họp về sửa đổi CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh, điều chỉnh tăng giờ tự học, rèn luyện kỹ năng mềm.

Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Học viện có văn bản tuyên bố chính thức về giá trị cốt lõi cấp Học viện BC&TT và cấp Khoa ngoại ngữ, Triết lý giáo dục (cuối năm 2021), được giới thiệu/phổ biến tới các BLQ qua nhiều kênh. Các GV xây dựng và sử dụng các hoạt động và PPGD đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR; có khá nhiều Hội thảo, tọa đàm liên quan PPGD, có hướng dẫn thiết kế và sử dụng PPDH đáp ứng CĐR, GV sử dụng các PPDH phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng mềm như hỏi đáp, thảo luận, thuyết trình, làm việc nhóm, cặp đôi, peer review, sử dụng một số công cụ app luyện phát âm, ... hoạt động tự học góp phần nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH; có nhiều hoạt động ngoại khóa đa dạng theo đặc thù và lợi thế của Học viện, buổi chia sẻ kỹ năng mềm cho SV của BCH Đoàn-Hội. Số lượng SV thực hiện khóa luận tốt nghiệp và NCKH tăng dần hằng năm.

Đánh giá kết quả học tập của người học

Học viện có xây dựng và ban hành các quy định, hướng dẫn rõ ràng về việc đánh giá kết quả học tập của NH, các kế hoạch khung thời gian và lịch thi, thông tin về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, cơ chế phản hồi về đánh giá kết quả học tập của NH. Các hoạt động và phương pháp KTĐG kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp, đa dạng để đo lường được mức đạt CĐR về kiến thức, kỹ năng thực hành chuyên

môn. Các quy định khá chặt chẽ về quản lý tổ chức bảo mật đề thi, coi thi, chấm thi nghiêm túc đúng quy trình; có quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của NH, làm rõ thời điểm chấm và công bố kết quả học tập cho NH, Quy định phúc khảo bài thi HP, được công bố công khai, kịp thời đến GV và NH qua các buổi tiếp tân SV đầu khóa và qua trang điện tử, được hướng dẫn về việc đăng ký học cải thiện, điều kiện xét tốt nghiệp. Việc xin phúc khảo về kết quả học tập được xử lý, giải quyết kịp thời, thoả đáng đúng quy định và quy trình.

Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Học viện có ban hành Chiến lược phát triển của HV/Khoa và kế hoạch xây dựng Quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý của Học viện trong từng giai đoạn; tỷ lệ GV/NH đáp ứng theo quy định; có xác định rõ ràng mức chuẩn và quy đổi khối lượng công việc theo từng chức danh. Kết quả thực hiện nhiệm vụ được thống kê định kỳ để đánh giá mức độ hoàn thành công việc, đánh giá phân loại GV và xét danh hiệu thi đua khen thưởng; ban hành các văn bản quy định liên quan đến công tác tuyển dụng và lựa chọn GV, thông tin tuyển dụng được công khai trên trang thông tin điện tử. Việc đánh giá, phân loại GV dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết quả phản hồi của NH. Công tác đào tạo/bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ dựa trên nhu cầu đăng ký, thực hiện và giám sát bởi Ban TCCB; có các văn bản qui định về các loại hình, số lượng sản phẩm NCKH mà GV phải thực hiện, trong đó giờ NCKH được định mức theo chức danh, học hàm học vị của giảng viên. Hoạt động NCKH của GV được giám sát và làm cơ sở cho đánh giá xếp loại hàng năm.

Đội ngũ nhân viên

Học viện đã có đề án vị trí việc làm năm 2020 trong đó có quy định vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ; có quy định về tuyển dụng và tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm; Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển đều được phân tích trên tình hình thực tế của Học viện được bàn bạc dân chủ rộng rãi tại các đơn vị trực và được công bố công khai; có hệ thống các văn bản quy định về khối lượng và nghĩa vụ lao động cho nhân viên nhằm quản lý sử dụng và đánh giá nhân viên theo hiệu quả công việc; triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên dựa trên các quy định, hướng dẫn về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công.

Việc đánh giá nhân viên được thực hiện hằng năm và là cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của nhân viên, để xét danh hiệu thi đua, xét nâng lương và đề nghị các cấp khen thưởng. Nhân viên được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc; hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Học viện và các cấp có thẩm quyền.

Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Học viện có đề án tuyển sinh bao gồm các chính sách và quy định cụ thể đối với từng ngành đào tạo, Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng, theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, được cập nhật hằng năm và được công khai trên các phương tiện thông tin; có bộ phận chuyên trách và các quy trình/quy định giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH và cảnh báo học vụ, tư vấn việc làm và tư vấn hỗ trợ NH trong học tập, NCKH; có cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của NH trong học tập và theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ và thôi học của NH; hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa, thi đua, và nhiều dịch vụ hỗ trợ khác đã khuyến khích SV phấn đấu học tập, NCKH cũng như tu dưỡng, rèn luyện để đạt được những thành tích tốt trong học tập, NCKH; ngoài ra SV còn được học tập, nghiên cứu, rèn luyện và phát triển đầy đủ cả về thể chất lẫn tinh thần trong một môi trường cảnh quan, xã hội và tâm lý thuận lợi.

Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Khuôn viên rộng rãi, thoáng mát, an ninh, an toàn tốt, cây xanh nhiều, thiết kế đẹp, thân thiện; khu KTX riêng (373 phòng) bố trí trong một khu vực liên hợp cả khu thể thao, căng-tin, y tế rất tiện lợi cho sinh hoạt của NH; hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng phong phú (6,7m²/NH), có đủ trang thiết bị phù hợp phục vụ đào tạo, NCKH và PVCĐ; hệ thống CNTT, thư viện, thiết bị thực hành (03 phòng thực hành tiếng chuyên dụng) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ: Có đủ học liệu, không gian tự học; công tác tin học hoá việc quản lý trường học và an toàn dữ liệu bước đầu được chú trọng.

Nâng cao chất lượng

Học viện có hệ thống văn bản quy định và hướng dẫn các đơn vị triển khai thực hiện lấy ý kiến của các BLQ trong quá trình thiết kế và phát triển CTDH; có quy trình xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT, có các bước thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực và phản hồi từ các BLQ, có các quy định về quản lý quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập của người học đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR; có đề tài NCKH được vận dụng có hiệu quả trong hoạt động và giảng dạy.

Các đơn vị của Học viện có sự phối hợp triển khai các đợt khảo sát và có báo cáo đánh giá mức độ đáp ứng của các hoạt động hỗ trợ dịch vụ và tiện ích đối với người học; hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các BLQ và có hệ thống các đơn vị thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi của các BLQ có sự điều chỉnh sau mỗi năm nhằm đáp ứng việc thu thập đầy đủ thông tin. Việc rà soát, cập nhật điều chỉnh CTĐT thực hiện định kỳ 2 năm/lần theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, việc thiết kế và phát triển CTDH đã được cải tiến sau khi rà soát.

Kết quả đầu ra

Tỉ lệ SV thôi học, tốt nghiệp đúng hạn, thời gian tốt nghiệp trung bình của SV được giám sát, xác lập, cập nhật và đối sánh giữa các CTĐT của Học viện. Tỉ lệ SV thôi học thấp và tỉ lệ SV tốt nghiệp có việc làm và làm việc phù hợp với ngành đào tạo cao. Công tác NCKH của SV được quản lý, tổ chức tương đối chặt chẽ và có chính sách tạo động lực khuyến khích SV tham gia và GV nhiệt tình hướng dẫn. Công tác khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan được thực hiện định kỳ, đa dạng về phương thức khảo sát và kết quả khảo sát đã được sử dụng tương đối hiệu quả để cải tiến chất lượng.

3.2. Tóm tắt những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo

Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Cần mô tả thêm mục tiêu đào tạo NH có năng lực hội nhập quốc tế theo Luật giáo dục đại học và đặc thù ngành học; cần tiếp tục rà soát toàn bộ các phát biểu CĐR theo đúng nguyên tắc SMART; tăng cường đối sánh nhiều với CĐR của các CTĐT tương đương trong và ngoài nước và làm rõ việc tiếp thu/sử dụng thông tin từ việc đối sánh, từ các ý kiến của cựu SV và nhà sử dụng lao động; tổ chức tọa đàm trực tiếp với cựu SV và NTD về các CĐR và CTĐT để khai thác hiệu quả các ý kiến đóng góp.

Bản mô tả chương trình đào tạo

Cần xây dựng và ban hành đúng Bản mô tả CTĐT được điều chỉnh trong năm 2018 và 2020 với các nội dung theo đúng hướng dẫn trong CV1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục KTKĐCL của Bộ GD&ĐT; cần định hướng tích hợp tên các học phần kỹ năng thực hành ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) theo xu hướng chung của thế giới; cần rà soát, điều chỉnh các phát biểu trong CĐR của các ĐCHP sao cho đo lường được và bỏ các danh từ mở đầu ở các CĐR sao cho bắt đầu bằng động từ; cần lấy ý kiến các BLQ định kỳ về hình thức và nội dung cũng như cách thức phổ biến các bản mô tả CTĐT và các ĐCHP để có cơ sở cải tiến.

Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Cần nêu rõ hơn các PPDH và KTĐG theo CĐR về các kỹ năng mềm và ý thức, thái độ trong các ĐCHP, thiết kế thêm HP tự chọn phong phú giúp NH đạt được các CĐR định hướng việc làm đa dạng theo yêu cầu của thị trường lao động; cần mô tả rõ mức độ đóng góp theo thang bậc năng lực ngoại ngữ và mô tả ý nghĩa từng cấp bậc theo thang Bloom, theo HLM trong các bảng ma trận phân nhiệm CĐR của CTĐT vào các HP, rà soát sự cân đối của việc phân nhiệm số lượng CĐR vào các HP và nhất quán với các ĐCHP, khai thác các góp ý chuyên sâu của các chuyên gia về CTĐT, tham khảo nhiều hơn với các CTĐT tiên tiến tương đương chuyên ngoại ngữ trong nước hoặc quốc tế; đối sánh đầy đủ các nội dung và giải trình kết luận hay tiếp thu.

Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Cần lấy ý kiến các BLQ về nội hàm triết lý giáo dục, rà soát số lượng và nội hàm các giá trị cốt lõi được tuyên bố trong giai đoạn đánh giá; cần tập huấn chuyên sâu để

GV và NH biết cách lồng ghép vào các hoạt động dạy và học; cần tăng cường tỷ lệ GV sử dụng các hình thức dạy học qua dự án, đóng kịch, sắm vai, thực tế môn học, kiến tập; cần có nhiều hoạt động giao lưu đa dạng với các trường chuyên ngữ khác, tăng số buổi giao lưu, tọa đàm với học giả quốc tế, nhà tuyển dụng chuyên ngành, thúc đẩy nhiều SV tích cực nghiên cứu, tìm đọc tài liệu ở các thư viện nhiều hơn.

Đánh giá kết quả học tập của người học

Cần có các quy định, hướng dẫn chuyên sâu về KTĐG, hướng dẫn xây dựng và sử dụng các rubrics để đo lường, đánh giá các CDR về các kỹ năng mềm và thái độ, mức tự chủ, trách nhiệm của NH, các rubrics đánh giá các bài thuyết trình, bài luận, bài nghiên cứu, bài tập nhóm, tiểu luận,... trong các ĐCHP đại cương, tăng cường sử dụng rubrics chi tiết (analytical rubrics) cho bài tập dự án dịch thuật, bài tập lớn; cần có giải pháp cải tiến cụ thể và phân công triển khai thực hiện sau khi phân tích phổ điểm và báo cáo kết quả khắc phục ở các học kỳ sau đó, phân tích và đánh giá định kỳ hiệu quả sử dụng các hình thức, phương pháp, công cụ KTĐG; cần khảo sát ý kiến NH về việc phản hồi kết quả KTĐG, có cơ chế, quy định rõ ràng cho phép NH được biết đáp án bài thi kết thúc HP, các nguyên nhân được hay không được thay đổi điểm sau phúc khảo để NH rút kinh nghiệm.

Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Học viện cần rà soát các mục tiêu chiến lược của Khoa/ngành, chi tiết hoá lộ trình triển khai kế hoạch với chỉ số định lượng cụ thể đặt ra hàng năm làm cơ sở cho hoạt động rà soát, đánh giá; cần phân bổ số giờ thực hiện hoạt động giảng dạy chuyên môn của ngành và các học phần tiếng Anh không chuyên cho phù hợp; cần bổ sung quy định về hoạt động PVCĐ của GV và quy đổi giờ bình quân hàng năm; cần rà soát và ban hành văn bản riêng phù hợp với quy định và bối cảnh thực tế của Học viện về việc lựa chọn đội ngũ để tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển. Xây dựng tiêu chí và quy định về việc đánh giá năng lực của đội ngũ GV với các tiêu chí bao hàm được các năng lực giảng dạy, NCKH và PVCĐ. Xây dựng cơ chế phối hợp giữa Ban TCCB và các khoa/đơn vị trong việc lựa chọn các nội dung tập huấn bám sát với các năng lực của GV. Rà soát, bổ sung quy trình và tiêu chí đánh giá cụ thể hơn, phân loại rõ ràng đối với năng lực của GV trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định; cần rà soát Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên trong đó có quy định nhiệm vụ NCKH của GV trên cơ sở cập nhật Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/07/2020 của Bộ GDĐT về chế độ làm việc của GV thuộc cơ sở giáo dục đại học.

Học viện/Khoa cần chủ động xây dựng các hướng nghiên cứu, thành lập các nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh, đẩy mạnh hợp tác NCKH với các cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước, tích cực tìm hiểu thị trường KHCN trong nước để có thêm nhiều đề tài dự án các cấp nhằm tăng số lượng và chất lượng nghiên cứu; cần tập trung nguồn

lực đầu tư, có chính sách khuyến khích, thúc đẩy GV của Khoa Ngoại ngữ và Chương trình Ngôn ngữ Anh tham gia các đề tài, dự án các cấp; hỗ trợ tương xứng cho các GV công bố sản phẩm khoa học ngoài nước đồng thời nên tổ chức các khóa tập huấn về công bố quốc tế cho GV của Khoa cũng như của toàn Học viện.

Đội ngũ nhân viên

Học viện/Khoa cụ thể hóa hơn chiến lược phát triển nhân lực, trong đó có đội ngũ nhân viên hỗ trợ, phục vụ, tiếp tục rà soát lại tính phù hợp của các vị trí công việc, điều chuyển, bổ sung, phân bổ hợp lý đội ngũ nhân viên nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD; nên rà soát, điều chỉnh Quy định về việc tuyển dụng công chức viên chức, Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển gắn với Đề án vị trí việc làm và Nghị định 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ, trong đó cần quan tâm đến các chính sách thu hút đội ngũ nhân viên có năng lực cao; nên rà soát, bổ sung các văn bản quy định về việc sử dụng thông tin phản hồi của các BLQ làm căn cứ đánh giá cũng như đánh giá chất lượng hoàn thành công việc của nhân viên một cách chi tiết hơn; cần tiến hành tổng kết về tính hiệu quả của các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ nhân viên sau khi đã thực hiện để làm căn cứ cho cải tiến chất lượng; cần chú trọng hơn các khóa tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ của từng lĩnh vực hỗ trợ cho đội ngũ nhân viên, chẳng hạn các khóa tập huấn về chuyển đổi số trong các lĩnh vực cụ thể, phát triển CTĐT.

Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Học viện và Khoa cần phân tích dự báo nhu cầu nguồn nhân lực ngành Ngôn ngữ Anh sát với đối tượng mà Khoa đang đào tạo để có những điều chỉnh trong đề án tuyển sinh hàng năm; Cần triển khai lấy ý kiến đóng góp từ BLQ về phương pháp xét tuyển và tiêu chí tuyển sinh của Học viện nói chung, chuyên ngành nói riêng; cần tuyển thêm GV chuyên Ngành để việc tuyển sinh sẽ phù hợp chỉ tiêu đề ra; cần có kế hoạch định kỳ rà soát, đánh giá hiệu quả của đội ngũ CVHT; cần tạo thêm không gian tổ chức cho các hoạt động CLB, sinh hoạt đội nhóm cho SV; cần bố trí thêm không gian riêng cho hoạt động chuyên môn giữa CVHT và SV.

Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Tăng số lượng phòng học ứng dụng công nghệ hiện đại (smart classroom); tăng cường việc kết nối nguồn học liệu số với các trường đại học khác; tăng số máy khử từ. Đảm bảo chất lượng học liệu thông qua thúc đẩy việc xuất bản tài liệu lưu hành nội bộ và cập nhật tài liệu học tập thường xuyên hơn. Trang bị phòng thực hành luyện âm và phòng dịch cacbin chuyên dụng. Đẩy mạnh công tác ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục: Đầu tư phần mềm quản lý tương tác giữa GV và người học trong dạy-học trực tuyến, tăng cường sản xuất học liệu e-learning; đầu tư thêm chức năng thống kê số lượng tài liệu theo ngành, theo năm cho Phần mềm quản lý thư viện Kipos phục

vụ công tác thống kê, quản lí; phát triển/đầu tư phần mềm quản lí minh chứng phục vụ công tác ĐBCL và KDCLGD.

Nâng cao chất lượng

Khoa Ngoại ngữ cần mở rộng đối tượng khảo sát để tăng số lượng NTD góp ý về CTĐT nhằm thu thập dữ liệu một cách có hệ thống, đa dạng phục vụ tốt hơn cho việc thiết kế và phát triển CTDH; cần có quy định, quy trình làm rõ việc phân tích các phổ điểm sau mỗi đợt thi kết thúc học phần. Khoa Ngoại ngữ cần nghiên cứu để từng bước cải tiến, áp dụng các hình thức KTĐG tiên tiến hơn, đảm bảo đánh giá tốt hơn năng lực người học; cần có kế hoạch thu thập ý kiến phản hồi từ các BLQ đối với các hoạt động riêng với mẫu phiếu khảo sát đầy đủ thông tin chuyên sâu phục vụ việc cải tiến chất lượng cho đơn vị mình. Báo cáo kết quả khảo sát của các đơn vị cần có nội dung phân tích những điểm tồn tại cho từng hoạt động và đề xuất kế hoạch cải tiến cụ thể để lãnh đạo Học viện xem xét phê duyệt đưa vào kế hoạch chung; cần quan tâm bồi dưỡng nâng cao năng lực NCKH của GV và đặc biệt đội ngũ GV trẻ trong Khoa để họ có thể đảm nhiệm được vị trí chủ nhiệm Đề tài NCKH cấp bộ và cấp Nhà nước.

Kết quả đầu ra

Học viện cần ban hành quy định chi tiết về công tác giám sát, thống kê, phân tích đối sánh tỉ lệ SV thôi học, tốt nghiệp đúng hạn và tính thời gian tốt nghiệp trung bình của SV các khoá đào tạo và hoàn thiện phần mềm quản lí đào tạo để thuận lợi cho các đơn vị triển khai thực hiện; cần có giải pháp để tăng số SV tốt nghiệp đúng hạn và tăng cường hơn chất lượng NCKH của SV. Hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá năng lực SV tốt nghiệp để từ đó thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của NTD, GV, cựu người học về kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, trách nhiệm xã hội của SV sau tốt nghiệp làm cơ sở triển khai đánh giá mức độ đạt được CĐR của CTĐT. Nâng cao hiệu quả của hoạt động đối sánh trong việc cải tiến chất lượng và khảo sát chất lượng SV tốt nghiệp.

3.3. Bảng tổng hợp kết quả Tự đánh giá và Đánh giá ngoài

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí		Tổng hợp theo tiêu chuẩn					
	TĐG	ĐGN	TĐG			ĐGN		
			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
<i>Tiêu chuẩn 1</i>								
Tiêu chí 1.1	5	4	4,66	3	100	4,00	3	100
Tiêu chí 1.2	4	4						
Tiêu chí 1.3	5	4						
<i>Tiêu chuẩn 2</i>			4,66	3	100	3,67	2	66,67

Tiêu chí 2.1	5	3						
Tiêu chí 2.2	5	4						
Tiêu chí 2.3	5	4						
Tiêu chuẩn 3								
Tiêu chí 3.1	4	4	5,00	3	100	3,67	2	66,67
Tiêu chí 3.2	4	3						
Tiêu chí 3.3	5	4						
Tiêu chuẩn 4								
Tiêu chí 4.1	5	4	5,00	3	100	4,00	3	100
Tiêu chí 4.2	5	4						
Tiêu chí 4.3	4	4						
Tiêu chuẩn 5								
Tiêu chí 5.1	5	4						
Tiêu chí 5.2	5	4	5,00	5	100	3,80	4	80,00
Tiêu chí 5.3	5	3						
Tiêu chí 5.4	5	4						
Tiêu chí 5.5	5	4						
Tiêu chuẩn 6								
Tiêu chí 6.1	5	5						
Tiêu chí 6.2	5	4						
Tiêu chí 6.3	5	4	5,00	7	100	4,00	6	85,71
Tiêu chí 6.4	5	3						
Tiêu chí 6.5	5	4						
Tiêu chí 6.6	5	4						
Tiêu chí 6.7	5	4						
Tiêu chuẩn 7								
Tiêu chí 7.1	5	4						
Tiêu chí 7.2	5	4	4,80	5	100	4,00	5	100
Tiêu chí 7.3	4	4						
Tiêu chí 7.4	5	4						
Tiêu chí 7.5	5	4						
Tiêu chuẩn 8								
Tiêu chí 8.1	5	4						
Tiêu chí 8.2	4	4	4,80	5	100	4,20	5	100
Tiêu chí 8.3	5	4						
Tiêu chí 8.4	5	4						
Tiêu chí 8.5	5	5						
Tiêu chuẩn 9								
Tiêu chí 9.1	5	5	5,00	5	100	4,40	5	100
Tiêu chí 9.2	5	4						
Tiêu chí 9.3	5	4						

Tiêu chí 9.4	5	4						
Tiêu chí 9.5	5	5						
<i>Tiêu chuẩn 10</i>								
Tiêu chí 10.1	5	4	5,00	6	100	3,67	4	66,67
Tiêu chí 10.2	5	4						
Tiêu chí 10.3	5	3						
Tiêu chí 10.4	5	4						
Tiêu chí 10.5	5	4						
Tiêu chí 10.6	5	3						
<i>Tiêu chuẩn 11</i>								
Tiêu chí 11.1	5	4	5,00	5	100	4,00	5	100
Tiêu chí 11.2	5	4						
Tiêu chí 11.3	5	4						
Tiêu chí 11.4	5	4						
Tiêu chí 11.5	5	4						
Đánh giá chung CTĐT			4,90	50	100	3,96	44	88

Phần II. ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN

I. Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và CDR của chương trình đào tạo

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh năm 2018 và 2020 được xác định rõ ràng, bao gồm mục tiêu chung và các mục tiêu cụ thể (15 mục tiêu cụ thể năm 2020), bao quát kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đạo đức, phù hợp với đặc thù của HVBC TT, có điều chỉnh, bổ sung năng lực tự chủ và học tập suốt đời năm 2020 và có đối sánh với mục tiêu của CTĐT Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM; mục tiêu hướng về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có khả năng tự học, tự nghiên cứu, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Học viện và của Khoa Ngoại ngữ; mục tiêu phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học, trong đó có mục tiêu về kiến thức chuyên môn, năng lực thực hành nghề nghiệp biên dịch và ý thức trách nhiệm, khả năng giải quyết vấn đề, sáng tạo.

2. Điểm tồn tại

Chưa mô tả mục tiêu đào tạo NH có năng lực hội nhập quốc tế theo Luật giáo dục đại học và đặc thù ngành học; chưa làm rõ nhu cầu của thị trường lao động đối với chuyên ngành biên dịch và các lĩnh vực biên dịch đa dạng để chuyển tải vào mục tiêu của CTĐT cũng như chưa làm rõ việc sử dụng kết quả đối sánh các mục tiêu của CTĐT tương đương.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần mô tả mục tiêu đào tạo NH có năng lực hội nhập quốc tế theo Luật giáo dục đại học và đặc thù ngành học; cần làm rõ nhu cầu của thị trường lao động đối với chuyên ngành biên dịch và các lĩnh vực biên dịch đa dạng để chuyển tải vào mục tiêu của CTĐT cũng như làm rõ việc sử dụng kết quả đối sánh các mục tiêu của CTĐT tương đương.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

1. Điểm mạnh

Bộ CĐR của CTĐT cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh được xác định rõ ràng, trong đó phiên bản CĐR năm 2020 có nhiều cải tiến so với phiên bản năm 2018, bao gồm 15 CĐR đã được chọn lọc, tổng hợp và tinh gọn hơn, tương ứng với các mục tiêu cụ thể của CTĐT; có nêu cụ thể 6 CĐR về kiến thức, 6 CĐR về kỹ năng và 3 CĐR về mức tự chủ và trách nhiệm đối với NH tốt nghiệp, phù hợp với yêu cầu theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở bậc cử nhân. Đồng thời, triển vọng việc làm trong tương lai với nhiều vị trí việc làm sau tốt nghiệp đa dạng cũng được xác định như là biên tập viên, biên dịch viên tại các cơ sở phát thanh, truyền hình, nhà xuất bản, cơ quan ngoại giao, kinh doanh, nghiên cứu, đào tạo, hướng dẫn viên du lịch....

2. Điểm tồn tại

Còn một số CĐR chưa được phát biểu đúng nguyên tắc SMART (sử dụng động từ “hiểu” ở PLO2 không đo lường được) hoặc chưa nêu rõ bối cảnh sử dụng kiến thức, chưa xác định rõ mức năng lực tiếng Anh tương đương bậc C1 đối với PLO11; chưa làm rõ CĐR về kiến thức và năng lực quản lý, điều hành, cải tiến hoạt động chuyên môn và dẫn dắt, khởi nghiệp theo yêu cầu đổi mới trong Khung trình độ quốc gia.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần tiếp tục rà soát và điều chỉnh toàn bộ các phát biểu CĐR của CTĐT Ngôn ngữ Anh theo đúng nguyên tắc SMART, bổ sung rõ bối cảnh vận dụng kiến thức, xác định rõ mức năng lực tiếng Anh tương đương bậc C1 đối với PLO11, bỏ các cụm từ “Kỹ năng” và “Năng lực” từ PLO7 đến PLO14 vì CĐR phải bắt đầu bằng động từ; cần làm rõ CĐR về kiến thức và năng lực quản lý, điều hành, cải tiến hoạt động chuyên môn và dẫn dắt, khởi nghiệp theo yêu cầu đổi mới trong Khung trình độ quốc gia.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT Ngôn ngữ Anh phản ánh được yêu cầu của NTD, được điều chỉnh trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các BLQ; có sự tham gia góp ý của các GV trong Khoa trong quá trình xây dựng, rà soát và điều chỉnh qua nhiều buổi họp ở cấp khoa và cấp bộ môn vào năm 2018 và 2020, đồng thời thông qua Hội đồng thẩm định chương trình khung đào tạo đại học theo hệ thống tin chỉ ngành Ngôn ngữ Anh vào năm 2018 và 2020 (bao gồm các chuyên gia ngoài Học viện).

CĐR của CTĐT Ngôn ngữ Anh được định kỳ rà soát, điều chỉnh vào năm 2018 và 2020 theo kế hoạch của nhà trường, bao gồm Kế hoạch 2872/KH-HVBCTT-ĐT ngày 15/6/2018, *Hướng dẫn đổi mới và hoàn thiện CTĐT đại học số 3094/HD-HVBCTT-ĐT*

ngày 18/6/2018, *Hướng dẫn ra soát, cập nhật CTĐT đại học số 2645/HD-HVBCCTT-ĐT* ngày 31/5/2020, tuân thủ bước xây dựng CĐR theo *Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá CTĐT tại HVBC&TT số 2244/QĐ-HVBCCTT-ĐT* ngày 25/5/2018, *Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá CTĐT tại HVBC&TT số 2643/QĐ-HVBCCTT-ĐT* ngày 29/4/2020; CĐR được công bố công khai qua nhiều kênh, bao gồm trang thông tin điện tử của Học viện, tài liệu giới thiệu về CTĐT, các buổi sinh hoạt/tiếp tân SV đầu khóa và thông qua các buổi họp công bố mục tiêu và CĐR CTĐT để định hướng PPGD, KTĐG và xây dựng đề cương chi tiết các HP vào các năm 2018 và 2020 ở Khoa. Cơ hội việc làm cũng được giới thiệu trong các tờ rơi để quảng bá cho tuyển sinh ngành học. Khoa có xây dựng bảng đối sánh CĐR của các phiên bản CTĐT khác nhau trong giai đoạn đánh giá.

2. Điểm tồn tại

Chưa đối sánh nhiều với CĐR của các CTĐT tương đương trong và ngoài nước và chưa làm rõ việc tiếp thu/sử dụng thông tin từ việc đối sánh này. Qua phỏng vấn, SV cũng chưa hiểu rõ và đầy đủ về khái niệm CĐR; chưa nêu rõ nội dung tiếp thu, chọn lọc từ các ý kiến của cựu SV và nhà sử dụng lao động để điều chỉnh CĐR hoặc xây dựng lộ trình bổ sung CĐR mới theo yêu cầu của thị trường lao động; chưa hệ thống hóa cách thức tổ chức tọa đàm, khảo sát ý kiến trực tiếp với cựu SV và NTD về các CĐR của CTĐT để khai thác hiệu quả các ý kiến đóng góp.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần tăng cường đối sánh nhiều hơn với CĐR của các CTĐT tương đương trong và ngoài nước và làm rõ việc tiếp thu/sử dụng thông tin từ việc đối sánh này; cần truyền thông rõ hơn khái niệm và nội hàm CĐR cho SV; cần nêu rõ nội dung tiếp thu, chọn lọc từ các ý kiến của cựu SV và nhà sử dụng lao động để điều chỉnh CĐR hoặc xây dựng lộ trình bổ sung CĐR mới theo yêu cầu của thị trường lao động; hệ thống hóa cách thức tổ chức tọa đàm, khảo sát ý kiến trực tiếp với cựu SV và NTD về các CĐR của CTĐT để khai thác hiệu quả hơn các ý kiến đóng góp.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có) Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 1:

1. Điểm mạnh cơ bản của CTĐT

Mục tiêu của CTĐT cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh được xác định rõ ràng, bao gồm mục tiêu chung và các mục tiêu cụ thể, bao quát kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đạo đức, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Học viện và của Khoa Ngoại ngữ, với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

Bộ CĐR của CTĐT cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh được xác định rõ ràng, trong đó phiên bản năm 2020 gồm 15 CĐR đã được tinh gọn gồm 6 CĐR về kiến thức, 6 CĐR về kỹ năng và 3 CĐR về mức tự chủ và trách nhiệm đối với NH tốt nghiệp, phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc cử nhân; CĐR của CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh phản ánh được yêu cầu của NTD, được rà soát, điều chỉnh trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các BLQ, được thông qua Hội đồng thẩm định chương trình khung đào tạo đại học năm 2018 và 2020, được công bố công khai qua nhiều kênh.

2. Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT

Chưa mô tả mục tiêu đào tạo NH có năng lực hội nhập quốc tế theo Luật giáo dục đại học và đặc thù ngành học; chưa làm rõ nhu cầu của thị trường lao động đối với chuyên ngành biên dịch và các lĩnh vực biên dịch đa dạng để chuyển tải vào mục tiêu của CTĐT; còn một số CĐR chưa được phát biểu đúng nguyên tắc SMART, chưa xác định rõ mức năng lực tiếng Anh tương đương bậc C1 đối với PLO11; chưa làm rõ CĐR về kiến thức và năng lực quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn và dẫn dắt, khởi nghiệp theo yêu cầu đổi mới trong Khung trình độ quốc gia; chưa đối sánh nhiều với CĐR của các CTĐT tương đương trong và ngoài nước và chưa làm rõ việc tiếp thu/sử dụng thông tin từ việc đối sánh, từ các ý kiến của cựu SV và nhà sử dụng lao động; chưa tổ chức tọa đàm trực tiếp với cựu SV và NTD về các CĐR và CTĐT để khai thác hiệu quả các ý kiến đóng góp.

3. Khuyến nghị đối với CTĐT

Cần mô tả thêm mục tiêu đào tạo NH có năng lực hội nhập quốc tế theo Luật giáo dục đại học và đặc thù ngành học, làm rõ nhu cầu của thị trường lao động đối với chuyên ngành biên dịch và các lĩnh vực biên dịch đa dạng để chuyển tải vào mục tiêu của CTĐT; cần tiếp tục rà soát toàn bộ các phát biểu CĐR theo đúng nguyên tắc SMART, xác định rõ mức năng lực tiếng Anh tương đương bậc C1 đối với PLO11; làm rõ CĐR về kiến thức và năng lực quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn và dẫn dắt, khởi nghiệp theo yêu cầu đổi mới trong Khung trình độ quốc gia.

Tăng cường đối sánh nhiều với CĐR của các CTĐT tương đương trong và ngoài nước và làm rõ việc tiếp thu/sử dụng thông tin từ việc đối sánh, từ các ý kiến của cựu SV và nhà sử dụng lao động; tổ chức tọa đàm trực tiếp với cựu SV và NTD về các CĐR và CTĐT để khai thác hiệu quả các ý kiến đóng góp.

II. Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh được ban hành theo *Quyết định ban hành CTĐT đại học theo hệ thống tín chỉ ngành Ngôn ngữ Anh số 4973/QĐ-HVBCTT-ĐT*

ngày 26/10/2018 và số 3915/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 20/9/2020 bao gồm đầy đủ các nội dung như tên Học viện; tên gọi của văn bằng; tên CTĐT; thời gian đào tạo (4 năm); mục tiêu (gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể), CĐR của CTĐT; tiêu chí tuyển sinh, cấu trúc CTDH; ma trận kỹ năng; đề cương các HP; thời điểm điều chỉnh bản mô tả CTĐT.

Bản mô tả CTĐT năm 2018 và 2020 có cập nhật một số vấn đề mới có liên quan như cập nhật các nội dung về các HP tự chọn so với phiên bản 2016, điều chỉnh bảng ma trận phân nhiệm CĐR và các HP của CTĐT, bổ sung nội dung thông tin vắn tắt về các HP.

2. Điểm tồn tại

Chưa xây dựng và ban hành đúng Bản mô tả CTĐT được điều chỉnh trong năm 2018 và 2020 với các nội dung theo đúng hướng dẫn trong Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐDH ngày 28/6/2016 của Cục KTKĐCL của Bộ GD&ĐT; chưa bổ sung thông tin về thời gian đào tạo trong bản mô tả CTĐT năm 2020 và chưa mô tả số giờ tự học trong chương trình khung. Mặc dù có thay đổi CĐR của CTĐT năm 2020 nhưng không có thay đổi nào về tên và số lượng HP cũng như số tín chỉ chung của CTĐT và các HP; chưa xem xét định hướng tích hợp các học phần kỹ năng thực hành ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) theo xu hướng chung của thế giới.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần xây dựng và ban hành đúng Bản mô tả CTĐT được điều chỉnh trong năm 2018 và 2020 với các nội dung theo đúng hướng dẫn trong CV1074/KTKĐCLGD-KĐDH ngày 28/6/2016 của Cục KTKĐCL của Bộ GD&ĐT; cần bổ sung thông tin về thời gian đào tạo trong bản mô tả CTĐT năm 2020 và mô tả số giờ tự học trong chương trình khung; cần có những thay đổi phù hợp về tên và số lượng HP cũng như số tín chỉ chung của CTĐT và các HP; cần xem xét định hướng tích hợp các học phần kỹ năng thực hành ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) theo xu hướng chung của thế giới.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: chưa đạt (Mức 3)

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Điểm mạnh

Tất cả các ĐCHP trong CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh có đầy đủ thông tin cơ bản gồm: tên Viện và Khoa, tên GV đảm nhận HP, tên HP, số tín chỉ (bao gồm cả tín chỉ lý thuyết và thực hành), mục tiêu, CĐR của HP, ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR; các yêu cầu của HP; cấu trúc HP; PPDH; phương thức KTĐG; tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo.

Tất cả các ĐCHP của CTĐT cũng được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh và cập nhật theo kế hoạch của nhà trường, thông qua các cuộc họp ở tổ bộ môn biên dịch Ngôn

ngữ Anh vào năm 2018 và 2020. Một số điều chỉnh tiêu biểu về ĐCHP năm 2020 bao gồm: thay đổi, bổ sung một số tài liệu mới (nhiều HP tiếng Anh có cập nhật tài liệu năm 2020) và hệ thống câu hỏi ôn tập, bài tập về nhà cho hình thức học tập trực tuyến, đề tài tiểu luận, điều chỉnh CĐR các HP cho tương thích với CĐR của CTĐT, cập nhật việc phân bổ tín chỉ lý thuyết và thực hành cũng như một số nội dung giảng dạy và KTĐG theo hình thức trực tuyến, định hướng PPGD phù hợp CĐR cả về kiến thức, kỹ năng và thái độ (tăng cường nghiên cứu trường hợp, sắm vai, thực tế). Các mục tiêu HP phiên bản 2020 cũng xác định rõ hơn cấp độ theo khung 6 bậc theo CEFR, đa dạng hóa các hình thức KTĐG, bổ sung trọng số điểm trực tuyến. Tổ bộ môn ngoại ngữ tổ chức họp hằng năm để góp ý và thông qua các ĐCHP (nội dung, chủ đề, số tín chỉ, PPGD, KTĐG, tài liệu,...) và chương trình giảng dạy biên dịch, đề cương khóa luận của SV.

2. Điểm tồn tại

Nhiều phát biểu trong CĐR của các ĐCHP chưa đo lường được, nhất là các HP đại cương và nhiều CĐR của các HP chuyên ngữ chưa bắt đầu bằng động từ; mẫu ĐCHP chưa nhất quán giữa các HP môn chung và HP chuyên ngành (Ví dụ: Bảng ma trận CĐR có thêm cột bậc trong các ĐCHP chuyên ngữ, thông tin về GV để trước thông tin chung về HP ở các ĐCHP môn chung nhưng các ĐCHP thì ngược lại, có ĐCHP có bảng ma trận CĐR có ĐCHP không có bảng ở các HP đại cương).

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần rà soát và tập huấn lại cho GV cách điều chỉnh các phát biểu trong CĐR của các ĐCHP sao cho đo lường được theo nguyên tắc SMART, nhất là các HP đại cương và rà soát các CĐR của các HP chuyên ngữ phải bắt đầu bằng động từ; cần rà soát và thống nhất các mẫu ĐCHP sao cho nhất quán giữa các HP môn chung và HP chuyên ngành.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh sau mỗi lần cập nhật được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau, như qua trang thông tin điện tử của Khoa, Viện, các ngày hội tư vấn tuyển sinh, buổi gặp mặt SV đầu khóa hàng năm bao gồm thông tin về CTĐT và cơ hội việc làm; các ĐCHP trong CTĐT đều được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau, nhất là qua các buổi học đầu tiên qua slide giới thiệu tóm tắt những nội dung chính của ĐCHP hoặc gửi trực tiếp đến SV (qua email, group Zalo,...), ĐCHP tóm tắt được công bố trên trang điện tử.

Các BLQ như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, GV, NH, NH đã tốt nghiệp ... đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT một cách dễ dàng và thuận tiện qua trang điện tử của Khoa và của Học viện. Có các buổi họp thông qua mục tiêu, CDR CTĐT, ĐCHP cập nhật ở các bộ môn nhằm phổ biến đến toàn bộ GV của Khoa về tổng thể CTĐT.

2. Điểm tồn tại

Chưa lấy ý kiến các BLQ định kỳ về hình thức và nội dung cũng như cách thức phổ biến các bản mô tả CTĐT và các ĐCHP để có cơ sở cải tiến.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần lấy ý kiến các BLQ định kỳ về hình thức và nội dung cũng như cách thức phổ biến các bản mô tả CTĐT và các ĐCHP để có cơ sở cải tiến.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 2:

1. Điểm mạnh cơ bản của CTĐT

Bản mô tả CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh năm 2018 và năm 2020 bao gồm đầy đủ các nội dung cơ bản, có cập nhật một số vấn đề mới có liên quan như cập nhật các nội dung về các HP tự chọn, điều chỉnh các bảng ma trận, bổ sung nội dung thông tin vắng tất về các HP. Tất cả các ĐCHP trong CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh có đầy đủ thông tin cơ bản, được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh và cập nhật theo kế hoạch của nhà trường, thông qua các cuộc họp ở tổ bộ môn biên dịch Ngôn ngữ Anh vào năm 2018 và 2020.

Bản mô tả CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau, như qua trang thông tin điện tử của Khoa, Viện, các ngày hội tư vấn tuyển sinh, buổi gặp mặt SV đầu khóa hàng năm bao gồm thông tin về CTĐT và cơ hội việc làm. Tất cả các ĐCHP trong CTĐT đều được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau, nhất là qua các buổi học đầu tiên, qua trang điện tử của HVBCCTT.

2. Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT

Chưa mô tả số giờ tự học trong chương trình khung và chưa xem xét định hướng tích hợp các học phần kỹ năng thực hành ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) theo xu hướng chung của thế giới. Nhiều phát biểu trong CDR của các ĐCHP chưa đo lường được, nhất là các HP đại cương và nhiều CDR của các HP chuyên ngữ chưa bắt đầu bằng động từ. Mẫu ĐCHP chưa nhất quán giữa các HP môn chung và HP chuyên ngành; chưa lấy ý kiến các BLQ định kỳ về hình thức và nội dung cũng như cách thức phổ biến các bản mô tả CTĐT và các ĐCHP để có cơ sở cải tiến.

3. Khuyến nghị đối với CTĐT

Học viện cần mô tả số giờ tự học trong chương trình khung và xem xét định hướng tích hợp các học phần kỹ năng thực hành ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) theo xu hướng chung của thế giới; cần rà soát, điều chỉnh các phát biểu trong CĐR của các ĐCHP sao cho đo lường được, nhất là các HP đại cương và bỏ các danh từ mở đầu ở các CĐR của các HP chuyên ngữ sao cho bắt đầu bằng động từ. Rà soát các mục theo mẫu ĐCHP nhất quán giữa các HP môn chung và HP chuyên ngành; cần lấy ý kiến các BLQ định kỳ về hình thức và nội dung cũng như cách thức phổ biến các bản mô tả CTĐT và các ĐCHP để có cơ sở cải tiến.

III. Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra.

1. Điểm mạnh

CTDH được ban hành theo Quyết định số 3915-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 20/9/2020 được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. CTDH có đủ các HP được thiết kế nhằm đáp ứng các CĐR của CTĐT.

Việc xác định tổ hợp các PPGD, học tập, phương pháp KTĐG kết quả học tập của NH của tất cả các HP trong CTDH phù hợp, góp phần đạt được CĐR, thể hiện ở Bảng ma trận thể hiện sự tương thích giữa các PPDH và CĐR chung của CTĐT cũng như các bảng ma trận thể hiện sự tương thích PPDH và KTĐG với CĐR của các HP trong các ĐCHP, có nhiều hoạt động nhóm, cặp đôi giúp SV đạt được các CĐR về các kỹ năng mềm.

2. Điểm tồn tại

Còn một số HP chưa nêu rõ PPDH góp phần giúp SV đạt được đầy đủ các CĐR về các kỹ năng mềm và ý thức, thái độ cũng như hình thức KTĐG mức đạt các CĐR này với dung lượng phù hợp; chưa thiết kế nhiều HP tự chọn phong phú giúp NH đạt được các CĐR định hướng việc làm đa dạng theo yêu cầu của thị trường lao động đối với ngành Ngôn ngữ Anh.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần nêu rõ PPDH trong các ĐCHP góp phần giúp SV đạt được đầy đủ các CĐR về các kỹ năng mềm và ý thức, thái độ cũng như hình thức KTĐG mức đạt các CĐR này với dung lượng phù hợp; cần xem xét thiết kế thêm các HP tự chọn mới theo hướng liên thông với các ngành khác của Học viện giúp NH đạt được các CĐR định hướng việc làm đa dạng theo yêu cầu của thị trường lao động đối với ngành Ngôn ngữ Anh.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.

1. Điểm mạnh

Tất cả các HP trong CTDH ngành Ngôn ngữ Anh có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp nhằm đạt được CĐR của CTĐT thể hiện qua bảng ma trận phân nhiệm CĐR của CTĐT vào các HP trong năm 2018 và 2020. 100% các HP trong CTDH xác định rõ tổ hợp các PPDH, phương pháp KTĐG phù hợp trong các ĐCHP phù hợp với CĐR của HP thể hiện qua mục mô tả các kế hoạch hoạt động dạy và học chi tiết và kế hoạch KTĐG có cột tương thích với CĐR của HP.

Nội dung các HP trong CTDH thể hiện việc đạt được CĐR chung và chuyên ngành và định kỳ được lấy ý kiến phản hồi của các BLQ như NH qua định kỳ các khảo sát ý kiến NH về từng HP và qua nhiều buổi họp rà soát/sinh hoạt chuyên môn ở Khoa.

2. Điểm tồn tại

Chưa mô tả rõ mức độ đóng góp từ thấp đến cao theo thang bậc năng lực ngoại ngữ và chưa mô tả ý nghĩa từng cấp bậc theo thang Bloom, theo HLM trong các bảng ma trận phân nhiệm CĐR của CTĐT vào các HP. Một số CĐR của CTĐT chỉ phân nhiệm vào một HP như PLO5, PLO6, PLO8, PLO11 trong khi có nhiều CĐR lại phân nhiệm vào quá nhiều HP mà chưa rõ mức độ phụ trách giảng dạy. Một số bảng ma trận trong các ĐCHP về sự tương thích giữa các CĐR của các HP với CĐR của CTĐT chưa thể hiện chính xác so với bảng phân nhiệm CĐR và các HP (nhất là các HP chung, đại cương) hoặc chưa phù hợp, chưa đầy đủ.

Số tín chỉ của một số HP còn ít chưa đủ giúp cho NH đủ vững khả năng biên tập, biên dịch theo ý kiến một số nhà sử dụng lao động qua phỏng vấn như HP *Thực hành văn bản tiếng Việt, Phương pháp nghiên cứu*. Các ngoại ngữ 2 chưa đa dạng theo xu hướng của bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần rà soát mức độ đóng góp từ thấp đến cao theo thang bậc năng lực ngoại ngữ và mô tả ý nghĩa từng cấp bậc theo thang Bloom, theo HLM trong các bảng ma trận phân nhiệm CĐR của CTĐT vào các HP; cần rà soát việc phân nhiệm CĐR của CTĐT vào các HP sao cho tránh sự chênh lệch và kiểm tra sự chính xác, đầy đủ của việc mô tả tương thích CĐR của HP với CĐR của CTĐT so với bảng phân nhiệm CĐR và các HP; cần xem xét tăng cường số tín chỉ của một số HP giúp cho NH đủ vững vàng hơn khi biên tập, biên dịch như HP *Thực hành văn bản tiếng Việt*, xem xét bổ sung các môn (tự chọn hoặc bắt buộc) *Văn bản Tiếng Việt*, môn *Quản lý dự án*, *Văn phong báo chí tiếng Việt*, các môn về truyền thông-Marketing, môn *Dẫn nhập ngành/ giới thiệu ngành học* (tích hợp với HP *Kỹ năng thuyết trình*), tăng cường thực tế môn học từ năm 1-2 để NH có thể đáp ứng tốt hơn yêu cầu của nhà sử dụng lao động, từng bước điều

chỉnh thành chuyên ngành Biên phiên dịch; cần xem xét, tham khảo ý kiến NH hằng năm về nhu cầu ngoại ngữ 2 đa dạng theo xu hướng của bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa để điều chỉnh bổ sung khi NH có nhu cầu.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Chưa đạt (Mức 3)

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

1. Điểm mạnh

Các HP trong CTDH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo CTĐT trở thành một khối thống nhất và phù hợp với ngành Ngôn ngữ Anh với tỷ lệ phân bổ đúng quy định các cấp. Tất cả các HP trong CTDH được bố trí hợp lý theo từng học kỳ, có mô tả HP và điều kiện tiên quyết; thời lượng, số tín chỉ lý thuyết và thực hành cho mỗi HP.

CTDH được định kỳ rà soát/điều chỉnh, bổ sung và cập nhật 2 năm 1 lần vào năm 2018 và năm 2020 theo *Kế hoạch điều chỉnh CTĐT theo hệ thống tin chỉ số 2872/KH-HVBCTT-ĐT* ngày 15/6/2018 theo đúng Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá CTĐT tại HVBCTT số 2244/QĐ-HVBCTT ngày 23/5/2018 và Hướng dẫn đổi mới và hoàn thiện CTĐT đại học số 3094/HD-HVBCTT-ĐT ngày 18/6/2018, có biên bản thẩm định CTĐT ngày 4/10/2018 bao gồm các chuyên gia từ bên ngoài Học viện trong Hội đồng thẩm định (điều chỉnh HP tự chọn, tăng thực hành). Đến năm 2020 tiếp tục theo *Kế hoạch điều chỉnh CTĐT theo hệ thống tin chỉ số 3056/KH-HVBCTT* ngày 25/5/2020, Hướng dẫn rà soát cập nhật CTĐT đại học số 2645/HD-HVBCTT-ĐT ngày 31/5/2020, theo Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá CTĐT tại HVBCTT số 2643/QĐ-HVBCTT ngày 29/4/2020, với Quyết định thành lập các Hội đồng thẩm định chương trình khung đào tạo trình độ đại học số 2588-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 8/7/2020.

Khoa Ngoại ngữ tổ chức nhiều cuộc họp về sửa đổi CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh (điều chỉnh CDR, vị trí việc làm, PPGD và KTĐG bằng hình thức trực tuyến, bổ sung tài liệu dạy học và ghi rõ nhiệm vụ học tập của SV), có biên bản thẩm định CTĐT Ngôn ngữ Anh ngày 8/8/2020, điều chỉnh tăng giờ tự học, rèn luyện kỹ năng mềm; có Bản giải trình cải tiến CTĐT năm 2018 và 2020, tổng hợp các góp ý của các BLQ ưu tiên tăng tính thực tế môn học, bổ sung môn tự chọn, có đối sánh với CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh của ĐH Sư phạm kỹ thuật TP.HCM, Trường Đại học ngoại ngữ và tin học TP.HCM và CTĐT ngành ngôn ngữ học ứng dụng của Trường Đại học Melbourne, Úc.

2. Điểm tồn tại

Chưa có nhiều góp ý chuyên sâu và góp ý qua các câu hỏi mở của các chuyên gia về CTĐT trong Hội đồng thẩm định CTĐT năm 2020; CTDH khi được điều chỉnh chưa

tham khảo nhiều với CTĐT tiên tiến tương đương trong nước hoặc quốc tế để có cơ sở điều chỉnh đảm bảo tốt hơn tính hiện đại và tích hợp, nhất là các trường chuyên ngoại ngữ. Chưa đối sánh về các tên gọi HP cũng như số lượng, số tín chỉ, nội dung và rút ra kết luận giải trình tiếp thu những nội dung nào, chưa chọn lọc đúng CTĐT quốc tế tương đương chuyên ngành Biên dịch để đối sánh.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần có nhiều thảo luận sâu với các chuyên gia có kinh nghiệm về thiết kế CTĐT và khai thác thêm nhiều góp ý chuyên sâu và góp ý qua các câu hỏi mở của các chuyên gia về CTĐT trong Hội đồng thẩm định CTĐT năm 2020; CTDH khi được điều chỉnh cần tham khảo thêm nhiều với các CTĐT tiên tiến tương đương trong nước hoặc quốc tế để có cơ sở điều chỉnh đảm bảo tốt hơn tính hiện đại và tích hợp, nhất là các trường chuyên ngoại ngữ. Cần đối sánh về các tên gọi HP cũng như số lượng, số tín chỉ, nội dung và rút ra kết luận giải trình những nội dung tiếp thu, chọn lọc đúng CTĐT quốc tế tương đương chuyên ngành Biên dịch để đối sánh.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 3:

1. Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

CTDH ngành Ngôn ngữ Anh được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, có mô tả và xác định tổ hợp các PPDH, phương pháp KTĐG kết quả học tập của NH phù hợp, góp phần đạt được CĐR, thể hiện ở Bảng ma trận thể hiện sự tương thích giữa các PPDH và CĐR chung của CTĐT cũng như các bảng ma trận thể hiện sự tương thích PPDH và KTĐG với CĐR của các HP trong các ĐCHP.

Các HP trong CTDH xác định rõ tổ hợp các PPDH, phương pháp KTĐG phù hợp trong các ĐCHP phù hợp với CĐR của HP thể hiện qua mục mô tả các kế hoạch hoạt động dạy và học chi tiết và kế hoạch KTĐG có cột tương thích với CĐR của HP. Nội dung các HP trong CTDH thể hiện việc đạt được CĐR chung và chuyên ngành và định kỳ được lấy ý kiến phản hồi của các BLQ.

Các HP trong CTDH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, được bố trí hợp lý theo từng học kỳ, có mô tả số tín chỉ lý thuyết và thực hành cho mỗi HP. CTDH được định kỳ rà soát/điều chỉnh, bổ sung và cập nhật 2 năm 1 lần vào năm 2018 và năm 2020. Khoa Ngoại ngữ tổ chức nhiều cuộc họp về sửa đổi CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh, điều chỉnh tăng giờ tự học, rèn luyện kỹ năng mềm.

2. Điểm tồn tại **cơ bản của CTĐT**

Một số HP chưa nêu rõ PPDH góp phần giúp SV đạt được các CDR về các kỹ năng mềm và ý thức, thái độ cũng như hình thức KTĐG mức đạt các CDR này; chưa thiết kế nhiều HP tự chọn phong phú giúp NH đạt được các CDR định hướng việc làm đa dạng theo yêu cầu của thị trường lao động đối với ngành Ngôn ngữ Anh; chưa mô tả rõ mức độ đóng góp từ thấp đến cao theo thang bậc năng lực ngoại ngữ và chưa mô tả ý nghĩa từng cấp bậc theo thang Bloom, theo HLM trong các bảng ma trận phân nhiệm CDR của CTĐT vào các HP. Việc phân nhiệm vào các HP còn chênh lệch nhiều và chưa nhất quán với các ĐCHP. Số tín chỉ của một số HP còn ít; chưa có nhiều góp ý chuyên sâu của các chuyên gia về CTĐT.

CTDH khi được điều chỉnh chưa tham khảo nhiều với CTĐT tiên tiến tương đương chuyên ngoại ngữ trong nước hoặc quốc tế để có cơ sở điều chỉnh đảm bảo tốt hơn tính hiện đại và tích hợp. Chưa đối sánh về các tên gọi HP cũng như số lượng, số tín chỉ, nội dung và rút ra kết luận giải trình những nội dung tiếp thu.

3. Khuyến nghị đối với CTĐT

Học viện cần nêu rõ hơn các PPDH và KTĐG theo CDR về các kỹ năng mềm và ý thức, thái độ trong các ĐCHP, thiết kế thêm HP tự chọn phong phú giúp NH đạt được các CDR định hướng việc làm đa dạng theo yêu cầu của thị trường lao động đối với ngành Ngôn ngữ Anh; cần mô tả rõ mức độ đóng góp theo thang bậc năng lực ngoại ngữ và mô tả ý nghĩa từng cấp bậc theo thang Bloom, theo HLM trong các bảng ma trận phân nhiệm CDR của CTĐT vào các HP, rà soát sự cân đối của việc phân nhiệm số lượng CDR vào các HP và nhất quán với các ĐCHP, khai thác các góp ý chuyên sâu của các chuyên gia về CTĐT.

CTDH khi được điều chỉnh cần tham khảo thêm nhiều với các CTĐT tiên tiến tương đương chuyên ngoại ngữ trong nước hoặc quốc tế để có cơ sở điều chỉnh đảm bảo tốt hơn tính hiện đại và tích hợp; đối sánh về các tên gọi HP cũng như số lượng, số tín chỉ, nội dung và rút ra kết luận giải trình những nội dung tiếp thu.

IV. Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.

1. Điểm mạnh

Học viện có văn bản tuyên bố chính thức về giá trị cốt lõi “Đoàn kết-dân chủ-Đổi mới-Chất lượng-Công hiến” thể hiện qua Chiến lược phát triển HVBCTT số 770/QĐ-HVBCTT ngày 20/2/2017 và số 6528-QĐ/HVBCTT ngày 31/12/2018. Khoa ngoại ngữ có công bố giá trị cốt lõi “Năng động, Sáng tạo, Nhiệt huyết, Chất lượng” và khẩu hiệu của riêng Khoa “Nâng tầm trí tuệ - Vươn tới giá trị toàn cầu” trong chiến lược phát triển của riêng Khoa đến năm 2035, tầm nhìn 2050 ngày 2/1/2020. Học viện cũng ban hành

Triết lý giáo dục “Học để làm việc, làm người, làm cán bộ; học để phụng sự đoàn thể, phụng sự giai cấp và nhân dân, phụng sự tổ quốc và nhân loại” (số 6900-QĐ0/HVBCTT ngày 31/12/2021)

Mục tiêu, triết lý giáo dục và các giá trị cốt lõi được các cán bộ, GV, NH của Học viện và Khoa Ngoại ngữ tiếp thu và có tinh thần phấn đấu thực hiện, thể hiện trách nhiệm, ý thức kỷ luật, tinh thần phụng sự theo đặc thù nhiệm vụ công tác Đảng của Học viện; Triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục và các giá trị cốt lõi của Học viện và Khoa được giới thiệu/phổ biến tới các BLQ qua nhiều kênh như các buổi sinh hoạt với tân NH đầu khóa, trang thông tin điện tử của Học viện, một số bảng hiệu trong khuôn viên Học viện.

2. Điểm tồn tại

Chưa lấy ý kiến các BLQ về nội hàm triết lý giáo dục, chưa rà soát số lượng và nội hàm các giá trị cốt lõi được tuyên bố trong giai đoạn đánh giá. Qua phỏng vấn, còn một số SV chưa để ý, chưa nhớ hết nội dung triết lý giáo dục và giá trị cốt lõi của Học viện/Khoa; chưa thấy thể hiện triết lý giáo dục trong các chiến lược phát triển của Học viện cũng như của Khoa Ngoại ngữ, chưa làm rõ nội hàm của khẩu hiệu hành động cho GV và SV hiểu rõ để biết cách lồng ghép vào các hoạt động dạy và học. Chưa bổ sung triết lý giáo dục vào Sổ tay SV.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần lấy ý kiến các BLQ về nội hàm triết lý giáo dục, định kỳ rà soát số lượng và nội hàm các giá trị cốt lõi được tuyên bố; cần thể hiện triết lý giáo dục trong các chiến lược phát triển của Học viện cũng như của Khoa Ngoại ngữ, làm rõ nội hàm của triết lý và khẩu hiệu hành động cho GV và SV trong dạy và học cũng như cách lồng ghép vào các hoạt động dạy và học, bổ sung triết lý giáo dục vào Sổ tay SV

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.

1. Điểm mạnh

Các GV của Khoa Ngoại ngữ xây dựng hoạt động và PPGD đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR. Có khá nhiều Hội thảo, tọa đàm liên quan PPGD (kỹ năng dạy tiếng Anh, tạo động lực tự học cho SV, dạy và học ngoại ngữ theo CĐR, ứng dụng CNTT trong dịch thuật, dạy và học ngoại ngữ trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0) và các đề tài NCKH của GV liên quan đến PPGD tiếng Anh. GV tham gia lớp bồi dưỡng PPDH tích cực năm 2017, ứng dụng CNTT trong dạy học ngoại ngữ sử dụng phòng Lab, Microsoft Teams, Peer review, sản xuất bài giảng trực tuyến năm 2020.

Học viên xây dựng và phổ biến cho GV Hướng dẫn thiết kế và sử dụng PPDH đáp ứng CĐR (số 2663/HD-HVBC TT ngày 9/7/2020), đồng thời GV cũng hướng dẫn NH sử dụng các hoạt động học tập phù hợp để chủ động tiếp thu kiến thức nhằm đạt được CĐR thông qua các phần nhiệm vụ của SV trong các ĐCHP. GV và NH đều hài lòng với các hoạt động và các PPDH được sử dụng trong CTĐT với điểm trung bình về mức hài lòng qua các kết quả khảo sát đều trên mức 4 trong thang 5 bậc trong giai đoạn đánh giá.

2. Điểm tồn tại

Các thông kê của Khoa Ngoại ngữ cho thấy, nhìn chung tỷ lệ GV sử dụng các hình thức dạy học qua dự án, đóng kịch, sắm vai còn hạn chế; chưa khắc phục các hạn chế về điều kiện bố trí bàn ghế, trang thiết bị phù hợp cho các hoạt động nhóm trên lớp; việc sử dụng hệ thống Elearning, lớp học đảo ngược, thực tế môn học chưa được đẩy mạnh.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần có biện pháp tăng cường sử dụng các hình thức dạy học qua dự án, đóng kịch, sắm vai trong Khoa ngoại ngữ, khắc phục các hạn chế về điều kiện bố trí bàn ghế, trang thiết bị phù hợp cho các hoạt động nhóm trên lớp; cần tăng cường sử dụng hệ thống Elearning, lớp học đảo ngược, thực tế môn học trong các HP. Tăng cường tập huấn thiết kế PPDH và KTĐG hiện đại theo CĐR cho GV.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

1. Điểm mạnh

Tất cả các đề cương chi tiết HP mô tả việc sử dụng các PPDH phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm như hỏi đáp, thảo luận, thuyết trình, làm việc nhóm, cặp đôi, peer review, sử dụng một số công cụ app luyện phát âm,...; các ĐCHP mô tả hoạt động tự học góp phần nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH thể hiện ở cột yêu cầu đối với SV trong mục Nội dung chi tiết HP và kế hoạch giảng dạy, mục yêu cầu đánh giá và chính sách môn học trong các ĐCHP chung và chuyên ngành.

GV sử dụng các hoạt động dạy học/PPGD phù hợp nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời; có nhiều hoạt động ngoại khóa đa dạng như các câu lạc bộ, làm video kể chuyện, giao lưu với khách mời và các cựu SV thành đạt, các hoạt động theo đặc thù và lợi thế của Học viện thiên về công tác truyền thông, báo chí, cơ quan ngôn luận, ban biên tập website...các nội dung thực tập, kiến tập, thực

tế khá đa dạng, khai thác tin tức và các trang điện tử cho các hoạt động viết tin, biên dịch tin tức.... các đề tài NCKH và hội thảo khoa học SV liên quan đến các kỹ năng học tập, giao tiếp, sử dụng CNTT, các bài tập dự án dịch thuật, học trực tuyến phối hợp với Đại học nữ sinh Sookmyung Hàn Quốc, học trực tuyến với chuyên gia KOICA; có các buổi chia sẻ, tập huấn kỹ năng mềm cho SV hằng tháng mỗi năm học.

2. Điểm tồn tại

Chưa có nhiều hoạt động giao lưu đa dạng với các trường chuyên ngữ khác tại Hà Nội và các thành phố lớn, số buổi giao lưu, tọa đàm với học giả quốc tế, nhà tuyển dụng chuyên ngành còn hạn chế đối với tất cả các nhóm SV các khóa, chưa có nhiều hình thức kiến tập môn học từ năm 1-2 và chưa đa dạng hóa các chuyên đề ngoại khóa về tâm lý khách hàng, tâm lý giao tiếp ứng xử, kỹ năng lãnh đạo, mời các diễn giả chuyên sâu về tiếng Anh thường xuyên hơn; chưa có nhiều biện pháp khuyến khích nhiều SV tích cực nghiên cứu, tìm đọc tài liệu ở thư viện của Học viện cũng như hệ thống thư viện của các trường bạn, của Thủ đô để đẩy mạnh tinh thần học tập suốt đời và mở rộng kiến thức đa dạng trong nhiều lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường, giáo dục,...

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần có nhiều hoạt động giao lưu đa dạng với các trường chuyên ngữ khác tại Hà Nội và các thành phố lớn; tăng cường các buổi giao lưu, tọa đàm với học giả quốc tế, nhà tuyển dụng chuyên ngành đối với tất cả các nhóm SV các khóa, xem xét thiết kế hình thức kiến tập môn học từ năm 1-2 và đa dạng hóa các chuyên đề ngoại khóa về tâm lý khách hàng, tâm lý giao tiếp ứng xử, kỹ năng lãnh đạo,....gợi mở thêm các đường link tham khảo cho SV, tăng cường tư vấn việc làm cho SV với các cựu SV thành đạt ngành Ngôn ngữ Anh; cần có nhiều biện pháp khuyến khích nhiều SV tích cực nghiên cứu, tìm đọc tài liệu ở thư viện của Học viện cũng như hệ thống thư viện của các trường bạn, của Thủ đô để đẩy mạnh tinh thần học tập suốt đời và mở rộng kiến thức đa dạng trong nhiều lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường, giáo dục,...

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 4:

1. Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

Học viện có văn bản tuyên bố chính thức về giá trị cốt lõi cấp HVBCTT và cấp Khoa ngoại ngữ. Học viện cũng ban hành Triết lý giáo dục vào cuối năm 2021, được giới thiệu/phổ biến tới các BLQ qua nhiều kênh.

Các GV của Khoa Ngoại ngữ xây dựng hoạt động và PPGD đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR. Có khá nhiều Hội thảo, tọa đàm liên quan PPGD. Học viên xây dựng và

phổ biến cho GV Hướng dẫn thiết kế và sử dụng PPDH đáp ứng CĐR, GV cũng hướng dẫn NH sử dụng các hoạt động học tập phù hợp.

Các đề cương chi tiết HP mô tả việc sử dụng các PPDH phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng mềm như hỏi đáp, thảo luận, thuyết trình, làm việc nhóm, cặp đôi, peer review, sử dụng một số công cụ app luyện phát âm,... hoạt động tự học góp phần nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH. Có nhiều hoạt động ngoại khóa đa dạng theo đặc thù và lợi thế của Học viện, buổi chia sẻ, tập huấn kỹ năng mềm cho SV hằng tháng mỗi năm học của BCH Đoàn-Hội. Số lượng SV thực hiện khóa luận tốt nghiệp và NCKH tăng dần hằng năm, có các bài tập dự án dịch thuật.

2. Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT

Chưa lấy ý kiến các BLQ về nội hàm triết lý giáo dục, chưa rà soát số lượng và nội hàm các giá trị cốt lõi được tuyên bố trong giai đoạn đánh giá. Chưa tập huấn chuyên sâu để GV và NH biết cách lồng ghép vào các hoạt động dạy và học; các thống kê của Khoa Ngoại ngữ cho thấy, nhìn chung tỷ lệ GV sử dụng các hình thức dạy học qua dự án, đóng kịch, sắm vai còn hạn chế. Việc sử dụng hệ thống Elearning, lớp học đảo ngược, thực tế môn học chưa được đẩy mạnh.

Chưa có nhiều hoạt động giao lưu đa dạng với các trường chuyên ngữ khác tại Hà Nội và các thành phố lớn, số buổi giao lưu, tọa đàm với học giả quốc tế, nhà tuyển dụng chuyên ngành còn hạn chế đối với tất cả các nhóm SV các khóa, chưa có nhiều hình thức kiến tập môn học từ năm 1-2 tại các cơ quan bên ngoài và chưa đa dạng hóa các chuyên đề ngoại khóa, chưa thúc đẩy nhiều SV tích cực nghiên cứu, tìm đọc tài liệu ở các thư viện.

3. Khuyến nghị đối với CTĐT

Học viện cần lấy ý kiến các BLQ về nội hàm triết lý giáo dục, rà soát số lượng và nội hàm các giá trị cốt lõi được tuyên bố trong giai đoạn đánh giá. Cần tập huấn chuyên sâu để GV và NH biết cách lồng ghép vào các hoạt động dạy và học; cần tăng cường tỷ lệ GV sử dụng các hình thức dạy học qua dự án, đóng kịch, sắm vai, tăng cường sử dụng hệ thống Elearning, lớp học đảo ngược, thực tế môn học; cần có nhiều hoạt động giao lưu đa dạng với các trường chuyên ngữ khác tại Hà Nội và các thành phố lớn, tăng số buổi giao lưu, tọa đàm với học giả quốc tế, nhà tuyển dụng chuyên ngành đối với tất cả các nhóm SV các khóa, kiến tập môn học từ năm 1-2 và đa dạng hóa các chuyên đề ngoại khóa, thúc đẩy nhiều SV tích cực nghiên cứu, tìm đọc tài liệu ở các thư viện nhiều hơn.

V. Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Điểm mạnh

Học viện có các quy định rõ ràng về việc đánh giá kết quả học tập của NH; Học viện và Khoa cũng phổ biến các kế hoạch khung thời gian và lịch thi, KTĐG các HP theo từng học kỳ; xây dựng và ban hành tài liệu Hướng dẫn thiết kế các phương pháp KTĐG HP số 2647/HD-HVBCCTT ngày 9/7/2020, trong đó có lưu ý đảm bảo đánh giá được CĐR, bao gồm chiến lược đánh giá thường xuyên và đánh giá tổng kết, các loại công cụ cho từng hình thức KTĐG đa dạng kèm theo các Phụ lục, biểu mẫu cụ thể.

Các hoạt động và phương pháp KTĐG kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp để đo lường được mức đạt CĐR của các HP tiếng Anh về kiến thức, kỹ năng thực hành ngôn ngữ, thực hành biên dịch, một số kỹ năng mềm theo bảng ma trận thể hiện sự tương thích giữa các hình thức KTĐG với các CĐR của HP trong các ĐCHP. Hình thức đánh giá quá trình, chuyên cần được thiết kế nhằm đánh giá một số CĐR về tính thân, ý thức, thái độ của NH.

2. Điểm tồn tại

Chưa có các quy định, hướng dẫn chuyên sâu về KTĐG nội bộ cấp Khoa Ngoại ngữ theo đặc thù các môn học, ngành học, đặc biệt là hướng dẫn xây dựng và sử dụng các rubrics để đo lường, đánh giá các CĐR về các kỹ năng mềm, kỹ năng chuyên ngành và thái độ của NH; chưa làm rõ quy trình phân công ra đề thi và kiểm tra, phê duyệt đề thi và đáp án, đánh giá chất lượng hình thức KTĐG ở cấp Khoa theo CĐR.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần có các quy định, hướng dẫn chuyên sâu về KTĐG nội bộ cấp Khoa Ngoại ngữ theo đặc thù các môn học, ngành học, đặc biệt là hướng dẫn xây dựng và sử dụng các rubrics để đo lường, đánh giá các CĐR về các kỹ năng mềm, kỹ năng chuyên ngành và thái độ của NH; cần làm rõ quy trình phân công ra đề thi và kiểm tra, phê duyệt đề thi và đáp án, đánh giá chất lượng hình thức KTĐG ở cấp Khoa theo CĐR (kể cả hình thức trực tuyến).

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

1. Điểm mạnh

Các quy định, thông báo, hướng dẫn về công tác khảo thí của Học viện xác định rõ thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, cơ chế phản hồi về đánh giá kết quả học tập của NH bao gồm đánh giá quá trình, kiểm tra giữa kỳ, thi/kiểm tra kết thúc HP, làm khóa luận tốt nghiệp; các ĐCHP được gửi đến NH hoặc các slide giới thiệu HP trong

buổi học đầu cũng nêu rõ các hình thức/phương pháp thi/KTĐG. Quy định về CĐR trình độ ngoại ngữ, tin học đối với các hệ, trình độ đào tạo của HVBCCTT (số 3780/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 9/9/2019) nêu rõ các chứng chỉ tương đương về ngoại ngữ; các quy định, tài liệu/hướng dẫn trên được công bố công khai tới NH trước mỗi khóa học trong các buổi tiếp tân SV đầu khóa, các buổi học đầu tiên của HP, qua một số buổi sinh hoạt với các CVHT, qua email giải đáp các thắc mắc của NH.

NH được phổ biến các quy định về KTĐG kết quả học tập qua trang điện tử của Học viện và Sổ tay SV bao gồm những nội dung chung liên quan đến quy định chung về hoạt động KTĐG NH.

2. Điểm tồn tại

Chưa có quy định làm rõ việc SV có các chứng chỉ về năng lực tiếng Anh của NH đạt trình độ tiếng Anh tương đương C1, ngoại ngữ 2 tương đương B1 để có chính sách miễn, giảm các HP thực hành tiếng Anh và tiếng Trung hoặc ngược lại các SV đầu vào còn yếu so với trình độ chung của lớp cần học lớp tiếng Anh tăng cường, được tư vấn phụ đạo, đảm bảo tính linh hoạt theo học chế tín chỉ; chưa xây dựng, ban hành và sử dụng loại rubrics đánh giá chi tiết (analytical rubrics) liên quan đến chấm thực tập, khóa luận, tác phẩm tốt nghiệp, đồng thời có buổi phổ biến kỹ riêng các tiêu chí này cho NH ngoài Sổ tay SV.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Cần có quy định làm rõ việc SV có các chứng chỉ về năng lực tiếng Anh đạt trình độ tiếng Anh tương đương C1, ngoại ngữ 2 tương đương B1 được hưởng chính sách miễn, giảm các HP thực hành tiếng Anh và tiếng Trung hoặc ngược lại các SV đầu vào còn yếu so với trình độ chung của lớp cần học lớp tiếng Anh tăng cường, được tư vấn phụ đạo, đảm bảo tính linh hoạt theo học chế tín chỉ; chưa xây dựng, ban hành và sử dụng loại rubrics đánh giá chi tiết (analytical rubrics) liên quan đến chấm thực tập, khóa luận, tác phẩm tốt nghiệp, đồng thời có buổi phổ biến kỹ riêng các tiêu chí này cho NH ngoài Sổ tay SV.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Điểm mạnh

GV Khoa Ngoại ngữ sử dụng các phương pháp đa dạng khác nhau để KTĐG kết quả học tập NH bao gồm trắc nghiệm khách quan, tự luận, vấn đáp, thuyết trình, tiêu luận, bài tập lớn, đánh giá chéo, báo cáo.... Các hình thức tiểu luận, bài tập lớn, Journal có xu hướng tăng giúp đo lường được nhiều CĐR.

Các phương pháp KTĐG được sử dụng của các HP nhìn chung đo lường được các CĐR về kiến thức và kỹ năng chuyên môn; có *Quy định về quản lý ngân hàng đề thi* tự luận và trắc nghiệm (thông báo rà soát, hoàn thiện ngân hàng đề thi HP số 1183/TB-HVBCCTT ngày 7/4/2020), *Quy trình xây dựng, rà soát và cập nhật ngân hàng đề thi* số 2648/QĐ-HVBCCTT ngày 9/7/2020, *Kế hoạch thẩm định ngân hàng đề thi kết thúc HP* số 3927/KH-HVBCCTT ngày 30/9/2020). Một số rubrics của một vài HP tiếng Anh có tiêu chí để đảm bảo độ tin cậy và tính công bằng bên cạnh các quy định khá chặt chẽ về quản lý tổ chức bảo mật đề thi, coi thi, chấm thi nghiêm túc đúng quy trình; thành lập Hội đồng thẩm định ngân hàng đề thi (năm 2021) các môn kỹ năng thực hành tiếng Anh (nghe, nói, đọc, viết) gồm có thành viên đến từ trường đại học ngoài Học viện, có một số buổi họp phân tích các phổ điểm.

2. Điểm tồn tại

Nhiều HP chưa có các hình thức, phương pháp KTĐG giúp đo lường các CĐR về các kỹ năng mềm, mức tự chủ, trách nhiệm và ý thức, thái độ đa dạng có nêu trong các CĐR, chưa xây dựng các tiêu chí đánh giá, đo lường cụ thể các CĐR này. Việc đánh giá các CĐR này chủ yếu chỉ phần nào dựa vào việc đánh giá mức độ chuyên cần trong các HP và chỉ chiếm 10% hoặc chỉ cộng điểm thưởng đối với các kỹ năng mềm nên chưa bao quát được mức đạt CĐR để đạt được độ giá trị của HP.

Các rubrics đánh giá của các HP chưa lồng ghép các tiêu chí đánh giá các kỹ năng mềm và thái độ, mức tự chủ và trách nhiệm của NH, chưa làm rõ quy trình thẩm định các nội dung đề thi và đáp án theo CĐR đầy đủ ở Khoa Ngoại ngữ và các bộ môn để đảm bảo độ tin cậy của việc chấm điểm các môn thi; chưa cải thiện cách thức, thời gian và biểu mẫu của các Hội đồng thẩm định các ngân hàng đề thi, đáp án để đi sâu vào việc rà soát chất lượng đề thi, kiểm tra ngẫu nhiên các kết quả chấm thi để có cơ sở cải tiến tốt hơn, đảm bảo tính công bằng và độ giá trị, độ tin cậy.

Các HP đại cương chưa thể hiện các rubrics đánh giá các bài thuyết trình, bài luận, bài nghiên cứu, bài tập nhóm, tiểu luận,... trong các ĐCHP và chưa sử dụng các tiêu chí đánh giá đa dạng theo tất cả CĐR được mô tả trong các ĐCHP; chưa có bảng ma trận làm rõ các tiêu chí chấm khóa luận đo lường các CĐR tổng thể của CTĐT, rubrics cho bài tập dự án dịch thuật; chưa có nhiều tập huấn chuyên sâu về các loại rubrics đánh giá các loại kiến thức, kỹ năng và thái độ theo CĐR.

Chưa định kỳ rà soát, cải tiến các rubrics với nhiều chuyên gia bên ngoài và dựa trên ý kiến phản hồi của NH, GV, cựu NH và nhà sử dụng lao động đối với các nội dung thực tập, thực tế chuyên ngành; chưa có giải pháp cải tiến cụ thể và phân công triển khai thực hiện sau khi phân tích phổ điểm và báo cáo kết quả khắc phục ở các học kỳ sau đó; chưa phân tích và đánh giá định kỳ hiệu quả sử dụng các hình thức, phương pháp, công cụ KTĐG.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Rà soát tất cả các hình thức, phương pháp KTĐG của tất cả các HP điều chỉnh nhằm có thể đo lường các CĐR về các kỹ năng mềm, mức tự chủ, trách nhiệm và ý thức, thái độ đa dạng, xây dựng các tiêu chí đánh giá, đo lường cụ thể các CĐR này; cần làm rõ tiêu chí và điều chỉnh trọng số đánh giá mức độ chuyên cần, ý thức trách nhiệm, các kỹ năng mềm, sáng tạo trong các HP để bao quát được mức đạt CĐR giúp đạt được độ giá trị của HP; cần lồng ghép các tiêu chí đánh giá các kỹ năng mềm và thái độ, mức tự chủ và trách nhiệm của NH trong các rubrics đánh giá của các HP, làm rõ quy trình thẩm định các nội dung đề thi và đáp án theo CĐR đầy đủ ở Khoa Ngoại ngữ và các bộ môn để đảm bảo độ tin cậy của việc chấm điểm các môn thi. Cần cải thiện cách thức, thời gian và biểu mẫu của các Hội đồng thẩm định các ngân hàng đề thi, đáp án để đi sâu vào việc rà soát chất lượng đề thi, kiểm tra ngẫu nhiên các kết quả chấm thi để có cơ sở cải tiến tốt hơn, đảm bảo tính công bằng và độ giá trị, độ tin cậy; cần xem xét hướng dẫn xây dựng và sử dụng các rubrics đánh giá các bài thuyết trình, bài luận, bài nghiên cứu, bài tập nhóm, tiểu luận,... trong các ĐCHP môn đại cương và với các tiêu chí đánh giá đa dạng theo tất cả CĐR được mô tả trong các ĐCHP. Xây dựng có bảng rubrics tiêu chí chi tiết cho việc chấm khóa luận nhằm đo lường các CĐR tổng thể của CTĐT, các bài tập dự án dịch thuật. Tổ chức thêm nhiều tập huấn chuyên sâu về các loại rubrics đánh giá các loại kiến thức, kỹ năng và thái độ theo CĐR, E-portfolio,... cần định kỳ rà soát, cải tiến các rubrics với nhiều chuyên gia bên ngoài và dựa trên ý kiến phản hồi của NH, GV, cựu NH và nhà sử dụng lao động đối với các nội dung thực tập, thực tế chuyên ngành. Xây dựng có giải pháp cải tiến cụ thể và phân công triển khai thực hiện sau khi phân tích phổ điểm và báo cáo kết quả khắc phục ở các học kỳ sau đó, phân tích, đánh giá định kỳ hiệu quả sử dụng các hình thức, phương pháp, công cụ KTĐG.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Chưa đạt (Mức 3)

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Điểm mạnh

Học viện có quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của NH, bao gồm Quy định chung về công tác khảo thí, Quy định về đào tạo làm rõ thời điểm chấm và công bố kết quả học tập cho NH, Quy định phúc khảo bài thi HP của HVBC TT số 1117/QĐ-HVBC TT-ĐT ngày 9/3/2018 với các nội dung về điều kiện, quy trình, trách nhiệm rõ ràng kèm theo các biểu mẫu.

Các quy định về phản hồi kết quả đánh giá được công bố công khai, kịp thời đến GV và NH. Qua phỏng vấn, SV cho biết nếu có vấn đề điểm trong quá trình học trước

khi kết thúc HP thì Học viện có thể phản ánh trực tiếp với GV phụ trách HP (qua Zalo, email hay nói riêng...) để GV có thể nhanh chóng giải quyết, hoặc theo quy trình xin nộp đơn phúc khảo qua website đối với điểm thi kết thúc HP.

NH được phản hồi kết quả đánh giá kịp thời thường xuyên qua các hình thức đánh giá quá trình với các điểm thành phần và kiểm tra giữa kỳ; GV chuyên ngành Ngôn ngữ Anh thường xuyên sửa bài tập, phản hồi, góp ý cho NH trong quá trình học hoặc có các đáp án tự động qua Quizzes, Kahoot giúp NH tự cải thiện việc học; thông tin phản hồi về kết quả đánh giá bởi SV cùng lớp và bởi GV được SV ngành Ngôn ngữ Anh sử dụng để cải thiện việc học tập trong các bài tập nhóm, bài tập dự án, E-portfolio.

2. Điểm tồn tại

Chưa khảo sát ý kiến NH về việc phản hồi và hỗ trợ NH, chưa làm rõ các kênh và thời hạn cũng như cách thức giải đáp thắc mắc cho NH trong quá trình học.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần thường xuyên khảo sát ý kiến NH về việc phản hồi và hỗ trợ NH (trực tiếp và qua khiếu khảo sát), làm rõ các kênh và thời hạn cũng như cách thức giải đáp thắc mắc cho NH trong quá trình học.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Điểm mạnh

NH được phổ biến các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập vào buổi tiếp tân SV đầu khóa và qua trang điện tử. Quy định phúc khảo bài thi HP của HVBC TT số 1117/QĐ-HVBC TT-ĐT ngày 09/3/2018 với các nội dung về điều kiện, quy trình, trách nhiệm rõ ràng kèm theo các biểu mẫu xin chấm phúc khảo, biên bản phúc khảo bài thi. Qua các buổi họp với CVHT, NH cũng được hướng dẫn thêm về việc đăng ký học cải thiện, thi các chứng chỉ ngoại ngữ và tin học để xét tốt nghiệp; phúc khảo về kết quả học tập được xử lý, giải quyết kịp thời, thoả đáng đúng quy định và quy trình. Kết quả phỏng vấn cho thấy SV cũng được giải đáp các thắc mắc về các điểm thi đánh giá quá trình, kiểm tra giữa kỳ, các bài tập định kỳ... trong quá trình học và các nhầm lẫn về ghi điểm, tổng kết điểm được GV phụ trách các HP xử lý.

2. Điểm tồn tại

Biên bản chấm phúc khảo chưa được định kỳ rà soát, đánh giá, lấy ý kiến GV và các đơn vị quản lý đào tạo để có cơ sở điều chỉnh tốt cho rõ ràng, dễ hiểu và phù hợp với từng hình thức thi, kiểm tra khác nhau, đính kèm các rubrics và tiêu chí chấm điểm tự luận, tiêu luận; chưa có cơ chế rõ ràng cho phép NH được biết đáp án bài thi kết thúc

HP và các nguyên nhân được hay không được thay đổi điểm để rút kinh nghiệm học tập khi có nhu cầu.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Biên bản chấm phúc khảo cần được định kỳ rà soát, đánh giá, lấy ý kiến GV và các đơn vị quản lý đào tạo để có cơ sở điều chỉnh tốt hơn sao cho rõ ràng, dễ hiểu và phù hợp với từng hình thức thi, kiểm tra khác nhau, đính kèm các rubrics và tiêu chí chấm điểm tự luận, tiểu luận; cần có cơ chế rõ ràng cho phép NH được biết đáp án bài thi kết thúc HP và các nguyên nhân được hay không được thay đổi điểm để rút kinh nghiệm học tập khi có nhu cầu.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 5:

1. Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

Học viện có các quy định rõ ràng về việc đánh giá kết quả học tập của NH, phổ biến các kế hoạch khung thời gian và lịch thi, KTĐG các HP theo từng học kỳ, ban hành tài liệu Hướng dẫn thiết kế các phương pháp KTĐG HP. Các hoạt động và phương pháp KTĐG kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp để đo lường được mức đạt CDR của các HP tiếng Anh về kiến thức, kỹ năng thực hành ngôn ngữ, thực hành biên dịch...

Các quy định, thông báo, hướng dẫn về công tác khảo thí của Học viện và các ĐCHP của Khoa Ngoại ngữ xác định rõ thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, cơ chế phản hồi về đánh giá kết quả học tập của NH bao gồm đánh giá quá trình, kiểm tra giữa kỳ, thi/kiểm tra kết thúc HP... được gửi đến NH hoặc các slide giới thiệu HP trong buổi học đầu, trước mỗi khóa học trong các buổi tiếp tân SV đầu khóa, một số buổi sinh hoạt với các CVHT, qua email giải đáp các thắc mắc của NH, trang điện tử của Học viện và Sổ tay SV.

GV Khoa Ngoại ngữ sử dụng các phương pháp đa dạng khác nhau để KTĐG kết quả học tập NH; có *Quy định về quản lý ngân hàng đề thi* tự luận và trắc nghiệm, *Quy trình xây dựng, rà soát và cập nhật ngân hàng đề thi*, *Kế hoạch thẩm định ngân hàng đề thi kết thúc HP*, quy định khá chặt chẽ về quản lý tổ chức bảo mật đề thi, coi thi, chấm thi nghiêm túc đúng quy trình; có quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của NH, bao gồm Quy định chung về công tác khảo thí, Quy định về đào tạo làm rõ thời điểm chấm và công bố kết quả học tập cho NH, Quy định phúc khảo bài thi HP, được công bố công khai, kịp thời đến GV và NH. NH được phản hồi kết quả đánh giá kịp thời thường xuyên qua các hình thức đánh giá quá trình với các điểm thành phần và kiểm tra giữa kỳ, có sử dụng E-portfolio; có phổ biến các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập vào buổi tiếp tân SV đầu khóa và qua trang điện tử. NH cũng được hướng

dẫn thêm về việc đăng ký học cải thiện, thi các chứng chỉ ngoại ngữ và tin học để xét tốt nghiệp. Việc xin phúc khảo về kết quả học tập được xử lý, giải quyết kịp thời, thoả đáng đúng quy định và quy trình.

2. Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT

Chưa có các quy định, hướng dẫn chuyên sâu về KTĐG nội bộ cấp Khoa Ngoại ngữ theo đặc thù các môn học, ngành học, đặc biệt là hướng dẫn xây dựng và sử dụng các rubrics để đo lường, đánh giá các CĐR về các kỹ năng mềm và thái độ của NH; chưa có quy định làm rõ việc SV có các chứng chỉ về năng lực tiếng Anh đạt trình độ tiếng Anh tương đương C1, Ngoại ngữ 2 tương đương B1 được hưởng chính sách miễn, giảm các HP thực hành tiếng Anh và tiếng Trung hoặc ngược lại các SV đầu vào còn yếu so với trình độ chung của lớp cần học lớp tiếng Anh tăng cường, được tư vấn phụ đạo, đảm bảo tính linh hoạt theo học chế tín chỉ.

Nhiều HP chưa có các hình thức, phương pháp, tiêu chí KTĐG giúp đo lường các CĐR về các kỹ năng mềm, mức tự chủ, trách nhiệm và ý thức, thái độ đa dạng có nêu trong các CĐR, chưa xây dựng các tiêu chí đánh giá, đo lường cụ thể các CĐR này; chưa cải thiện cách thức, thời gian và biểu mẫu của các Hội đồng thẩm định các ngân hàng đề thi, đáp án để đi sâu vào việc rà soát chất lượng đề thi, kiểm tra ngẫu nhiên các kết quả chấm thi để có cơ sở cải tiến tốt hơn, đảm bảo tính công bằng và độ giá trị, độ tin cậy.

Các HP đại cương chưa thể hiện các rubrics đánh giá các bài thuyết trình, bài luận, bài nghiên cứu, bài tập nhóm, tiểu luận,... trong các ĐCHP, chưa có nhiều rubrics chi tiết (analytical rubrics) cho bài tập dự án dịch thuật. Chưa có nhiều tập huấn chuyên sâu về các loại rubrics đánh giá các loại kiến thức, kỹ năng và thái độ theo CĐR, định kỳ rà soát, cải tiến các rubrics với nhiều chuyên gia bên ngoài và dựa trên ý kiến phản hồi các BLQ; chưa có giải pháp cải tiến cụ thể và phân công triển khai thực hiện sau khi phân tích phổ điểm và báo cáo kết quả khắc phục ở các học kỳ sau đó. Chưa phân tích và đánh giá định kỳ hiệu quả sử dụng các hình thức, phương pháp, công cụ KTĐG; chưa khảo sát ý kiến NH về việc phản hồi và hỗ trợ NH, chưa làm rõ các kênh và thời hạn cũng như cách thức giải đáp thắc mắc cho NH trong quá trình học. Chưa rà soát, cải tiến định kỳ các biểu mẫu Biên bản chấm phúc khảo và chưa có cơ chế, quy định rõ ràng cho phép NH được biết đáp án bài thi kết thúc HP, các nguyên nhân được hay không được thay đổi điểm sau phúc khảo để rút kinh nghiệm học tập khi có nhu cầu.

3. Khuyến nghị đối với CTĐT

Học viện cần có các quy định, hướng dẫn chuyên sâu về KTĐG nội bộ cấp Khoa Ngoại ngữ theo đặc thù các môn học, ngành học, đặc biệt là hướng dẫn xây dựng và sử dụng các rubrics để đo lường, đánh giá các CĐR về các kỹ năng mềm và thái độ của NH; cần có quy định làm rõ việc SV có các chứng chỉ về năng lực tiếng Anh đạt trình

độ tiếng Anh tương đương C1, ngoại ngữ 2 tương đương B1 được hưởng chính sách miễn, giảm các HP thực hành tiếng Anh và tiếng Trung hoặc ngược lại các SV đầu vào còn yếu so với trình độ chung của lớp cần học lớp tiếng Anh tăng cường, được tư vấn phụ đạo, đảm bảo tính linh hoạt theo học chế tín chỉ.

Làm rõ hình thức, phương pháp, tiêu chí KTĐG giúp đo lường các CĐR về các kỹ năng mềm, mức tự chủ, trách nhiệm và ý thức, thái độ đa dạng có nêu trong các CĐR của ĐCHP. Cần cải thiện cách thức, thời gian và biểu mẫu của các Hội đồng thẩm định các ngân hàng đề thi, đáp án để đi sâu vào việc rà soát chất lượng đề thi, kiểm tra ngẫu nhiên các kết quả chấm thi để có cơ sở cải tiến tốt hơn, đảm bảo tính công bằng và độ giá trị, độ tin cậy; cần có các rubrics đánh giá các bài thuyết trình, bài luận, bài nghiên cứu, bài tập nhóm, tiểu luận,... trong các ĐCHP đại cương, tăng cường sử dụng rubrics chi tiết (analytical rubrics) cho bài tập dự án dịch thuật, bài tập lớn. Tăng cường tổ chức tập huấn chuyên sâu về các loại rubrics đánh giá các loại kiến thức, kỹ năng và thái độ theo CĐR, với nhiều chuyên gia về đo lường đánh giá và dựa trên ý kiến phản hồi các BLQ; cần có giải pháp cải tiến cụ thể và phân công triển khai thực hiện sau khi phân tích phổ điểm và báo cáo kết quả khắc phục ở các học kỳ sau đó, phân tích và đánh giá định kỳ hiệu quả sử dụng các hình thức, phương pháp, công cụ KTĐG; cần khảo sát ý kiến NH về việc phản hồi và hỗ trợ NH, làm rõ các kênh và thời hạn cũng như cách thức giải đáp thắc mắc cho NH trong quá trình học. Rà soát, cải tiến định kỳ các biểu mẫu Biên bản chấm phúc khảo và có cơ chế, quy định rõ ràng cho phép NH được biết đáp án bài thi kết thúc HP, các nguyên nhân được hay không được thay đổi điểm sau phúc khảo để rút kinh nghiệm học tập khi có nhu cầu.

VI. Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Điểm mạnh

Trong chu kỳ đánh giá, Học viện có ban hành Chiến lược phát triển Học viện BC&TT gồm phiên bản đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (số 2418/QĐ-HVBC&TT ngày 08 tháng 07 năm 2014), phiên bản đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 (số 770/QĐ-HVBCTT ngày 20/02/2017; chỉnh sửa và ban hành số 6528/QĐ-HVBCTT ngày 31/12/2018). Chiến lược phát triển đánh giá thực trạng đội ngũ, xác định mục tiêu và các giải pháp nhằm tuyển dụng, thu hút, và phát triển nguồn nhân lực. Căn cứ trên văn bản kế hoạch xây dựng Quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý của Học viện CTQG HCM giai đoạn 2016-2020 (số 15/KH-HVCTQG ngày 27/1/2016), Học viện

BC&TT có thực hiện đánh giá thực trạng và nhu cầu đội ngũ lãnh đạo, quản lý để xây dựng và ban hành kế hoạch xây dựng Quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý Học viện BC&TT giai đoạn 2017-2021 (số 404/KH-HVBC&TT ngày 17/02/2016), rà soát bổ sung quy hoạch chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2017-2021 (số 5949-KH/HVBCTT ngày 21/12/2018); ban hành Kế hoạch xây dựng quy hoạch cán bộ, lãnh đạo quản lý giai đoạn 2021-2026 và giai đoạn 2026-2031 (số 2150-KH/HVBCTT ngày 17/5/2022).

Chiến lược phát triển của Khoa cũng đã xác định mục tiêu chiến lược và nhóm giải pháp triển khai theo từng giai đoạn về phát triển nguồn nhân lực “đạt chuẩn chuyên môn cao theo hướng nghiên cứu và ứng dụng, đáp ứng nhu cầu hội nhập khu vực và quốc tế”, trong đó đến năm 2035 có 1-2 GV đạt chức danh phó giáo sư, 2/3 GV đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh đạt học vị Tiến sĩ, tất cả các tổ bộ môn đều có ít nhất 50% giảng viên đạt học vị Tiến sĩ. Đến năm 2050, có 2-3 giảng viên đạt chức danh Phó giáo sư, tất cả GV đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh đạt học vị Tiến sĩ, các tổ bộ môn đều có GV đạt chức danh Phó giáo sư hoặc giảng viên cao cấp”. Số lượng GV giảng dạy của ngành Ngôn ngữ Anh gồm 14 GV, trong đó 01 PGS.TS (tỷ lệ 7,14%), 04 TS (tỷ lệ 28,57%), 09 ThS (tỷ lệ 64,29%), xét về ngạch GV thì có 01 GV cao cấp và 02 GV chính, đáp ứng nhu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH.

Kế hoạch tuyển dụng và phát triển đội ngũ GV gồm nâng cao trình độ chuyên môn trong và ngoài nước, đào tạo ngắn hạn được tổ chức định kỳ hàng năm, trình Hiệu trưởng phê duyệt. Việc tuyển dụng tuân thủ theo quy định cập nhật của Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018, Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 và quy định về tuyển dụng công chức viên chức chung của Học viện (số 1437/QĐ-HVCT-HCQG ngày 02/5/2013, số 2440/QĐ-HVBC&TT ngày 10/7/2014). Đề án vị trí việc làm (số 6079-ĐA/HVBCTT ngày 31/12/2020) có xác định rõ quy hoạch các vị trí; xác định cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; biên chế và Hợp đồng theo NĐ 68/2000/NĐ-CP của Học viện BC&TT cũng như bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm. Học viện ban hành và sử dụng Quy chế đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (số 367-QĐ/HVCTQG ngày 17/01/2018) để xác định nhu cầu đào tạo bồi dưỡng của đội ngũ GV để xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng hàng năm.

Học viện có phê duyệt bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2016-2020 (số 182-QĐ/HVBCTT ngày 14/01/2019). Việc bổ nhiệm, điều chuyển được thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Điểm tồn tại

Mục tiêu chiến lược và các nhóm giải pháp phát triển nguồn nhân lực tại Chiến lược phát triển của Khoa/ngành xây dựng vẫn mang tính tổng quát, chưa đặc trưng của

nhóm ngành/ngành và chưa có các chỉ số định lượng cụ thể và chỉ tiêu đặt ra hàng năm trong từng giai đoạn.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Các khoa/ngành cần rà soát, bổ sung các mục tiêu chiến lược, nhóm giải pháp, chi tiết hoá lộ trình triển khai kế hoạch và chỉ số định lượng cụ thể với các chỉ tiêu đặt ra hàng năm, làm cơ sở theo dõi, đo lường, và đánh giá mức độ đáp ứng của quá trình thực hiện các hoạt động thu hút, tuyển dụng, phát triển nguồn lực, v.v. Đây là cơ sở để điều chỉnh công tác quy hoạch phát triển đội ngũ phù hợp hơn với thực tế trong từng giai đoạn của Khoa/ngành

4. Những điểm chưa rõ (nếu có)

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 5)

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Điểm mạnh

Ngành ngôn ngữ Anh có tỷ lệ GV/NH đáp ứng yêu cầu so với quy định của Bộ GD&ĐT (tỷ lệ SV/GV là 1/25). Ngành gồm có 14 GV gồm 01 PGS.TS, 04 TS, và 09 ThS.

Học viện có quy định rõ ràng mức chuẩn và quy đổi khối lượng công việc giảng dạy, NCKH và công tác khác dành cho GV tại Quy chế ban hành quy định chế độ làm việc đối với GV của Học viện BC&TT (số 928/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 01/03/2018 và bảng mô tả vị trí công việc của GV). Trong đó quy đổi theo giờ chuẩn, khối lượng và thời gian làm việc của từng chức danh cụ thể: GV cao cấp - hạng I (giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ) giờ chuẩn giảng dạy các môn học đối với giáo sư là 270, NCKH là 950; học tập, bồi dưỡng và các nhiệm vụ khác là 90; giờ chuẩn giảng dạy các môn học đối với phó giáo sư là 270, NCKH là 900, học tập, bồi dưỡng và các nhiệm vụ khác là 110; đối với tiến sĩ lần lượt là 290, 850 và 210; GV chính (Hạng II): GV có học vị tiến sĩ: giờ chuẩn giảng dạy các môn học; giờ NCKH và giờ học tập, bồi dưỡng và các nhiệm vụ khác lần lượt là: 280, 700 và 260; GV chưa đạt trình độ tiến sĩ lần lượt giờ giảng dạy, NCKH, bồi dưỡng và các nhiệm vụ là 280, 700 và 260; GV (hạng III): GV có học vị tiến sĩ lần lượt là 270, 600 và 360 giờ; GV chưa đạt trình độ tiến sĩ: 270, 600 và 360 giờ. GV phải thực hiện đủ định mức NCKH, học tập, bồi dưỡng và các nhiệm vụ khác mới được xem là hoàn thành nhiệm vụ theo quy định.

Việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV theo giờ chuẩn được triển khai thống kê theo định mức hàng năm để theo dõi và đánh giá. Đầu năm học, Khoa căn cứ trên công tác của từng GV và phối hợp với Ban quản lý đào tạo để phân công khối lượng giảng dạy, NCKH, và hoạt động khác cho phù hợp để làm căn cứ đánh giá thực hiện

công việc vào cuối năm học. Tại chương II về nhiệm vụ của các chức danh giảng viên có nêu rõ nhiệm vụ giảng dạy; nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; nhiệm vụ tham gia công tác quản lý đào tạo, quản lý hoạt động khoa học và công nghệ; nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ. Mức thanh toán giờ chuẩn vượt định mức cho GV áp dụng theo Thông tư Liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 8/3/2013 về “Hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập”. Mức tiền thanh toán giờ vượt định mức được xác lập trong Quy chế chi tiêu nội bộ của HV. Quá trình giám sát, kiểm tra khối lượng giảng dạy, NCKH, bồi dưỡng và thực hiện các nhiệm vụ khác được phối hợp giữa Ban Quản lý đào tạo, Ban Tổ chức cán bộ, Trung tâm KĐ&ĐB CLĐT, làm căn cứ phân loại CB-GV-NV và xét thi đua khen thưởng hàng năm. Kết quả khảo sát cho thấy CB-GV-NV hài lòng về vị trí công việc và nhiệm vụ được phân công.

2. Điểm tồn tại

GV bị quá tải trong việc giảng dạy tiếng Anh không chuyên; hoạt động PVCĐ của GV chưa được đề cập rõ trong quy định của HV/ Khoa.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần rà soát, phân bổ số giờ thực hiện hoạt động giảng dạy chuyên môn của ngành và các học phần tiếng Anh không chuyên cho phù hợp, đảm bảo tính cân đối giữa khối lượng giảng dạy, NCKH, hoạt động PVCĐ và nhiệm vụ khác của GV trong Khoa; cần bổ sung quy định về hoạt động PVCĐ của GV và quy đổi giờ bình quân hàng năm.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có)

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Điểm mạnh

Học viện có ban hành Đề án vị trí việc làm; quy định tiêu chuẩn năng lực, chức năng – nhiệm vụ của từng vị trí, từng nhóm công việc, quy định về tuyển dụng công chức viên chức (số 1437/QĐ-HVCT-HCQG ngày 02/5/2013, số 2440/QĐ-HVBC&TT ngày 10/7/2014). Quy trình bổ nhiệm, điều chuyển tuân thủ theo Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý (số 4503/QĐ-HVCTQG ngày 12/10/2016, số 339-QĐ/HVCTQG ngày 22/01/2019), và Quy định số 201-QĐ/HVCTQG ngày 22/6/2020 của Giám đốc Học viện CTQG HCM về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm cán bộ, trong đó nêu rõ tiêu chí, yêu cầu cụ thể đối với từng vị trí tuyển dụng (tiêu chí tuyển dụng về đạo đức, năng lực và trình độ ngoại ngữ, tin học theo quy định).

Thông tin tuyển dụng viên chức, kết quả xét tuyển, và kết quả thi thực hành giảng bài, xét tuyển dụng GV được công khai trên trang web của Học viện BC&TT, có nêu rõ vị trí và số lượng tuyển dụng; đối tượng và tiêu chuẩn; hình thức tuyển dụng; hồ sơ đăng ký dự tuyển, thời gian, địa điểm nộp hồ sơ; kế hoạch, thời gian dự kiến xét tuyển; tuân thủ theo quy định Nhà nước (Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018, Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020) và Học viện cả về đạo đức và năng lực học thuật.

Việc mời giảng viên thỉnh giảng được thực hiện theo Quy chế giảng viên thỉnh giảng (số 1938-QĐ/HVBC&TT-TCCB ngày 12/8/2013). Trong chu kỳ đánh giá, ngành Ngôn ngữ Anh thực hiện tuyển dụng 04 GV, trong đó có 02 GV có trình độ ThS đúng chuyên ngành, 01 GV có trình độ ThS khoa học chuyên ngành phương pháp giảng dạy tiếng Anh do Hoa Kỳ cấp, 01 GV có trình độ TS. Việc bổ nhiệm nhân sự vào vị trí lãnh đạo có Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa đảm bảo tiêu chuẩn theo đúng quy định, phù hợp với yêu cầu và quy hoạch của HV/Khoa, được đăng trên trang thông tin điện tử của HV.

2. Điểm tồn tại

Đối tượng và tiêu chuẩn thông báo tuyển dụng viên chức qua các năm của Học viện chưa cụ thể các yêu cầu tuyển dụng riêng dành cho các ngành đào tạo.

Quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm cán bộ còn sử dụng chung với Học viện CTQG HCM, sẽ hạn chế về mặt thời gian triển khai so với thực tế yêu cầu.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần điều chỉnh, bổ sung thêm các yêu cầu về tuyển dụng viên chức dành cho các ngành đào tạo để có thể thu hút đội ngũ viên chức đảm bảo yêu cầu và đúng chuyên ngành; rà soát và ban hành văn bản riêng phù hợp với quy định hiện hành của Nhà nước, của HVCTQG và bối cảnh thực tế của HVBC&TT trong giai đoạn tiếp theo.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.

1. Điểm mạnh

Quy định tiêu chí về trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ và tin học, kinh nghiệm công tác, kỹ năng giảng dạy, nghiên cứu khoa học, đóng góp cho cộng đồng của CB-GV-NV của Học viện này được xác định và đánh giá dựa trên các văn bản: Thông tư liên tịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập (số 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26/10/2020); Bản mô tả vị trí công việc của GV; Quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên của Học viện BC&TT (số 928/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 01/3/2018); Quy chế quản lý hoạt động khoa học của Học viện BC&TT (số 6531/QĐ-HVBC&TT ngày 26/12/2018).

Kết quả đánh giá, phân loại GV được thực hiện theo quy định, dựa trên kết quả phản hồi của người học về quá trình giảng dạy của GV theo học kỳ, hoạt động giảng dạy theo định mức giờ chuẩn giảng dạy, hoạt động NCKH của GV thông qua kết quả số lượng và chất lượng sản phẩm NCKH. Việc thực hiện đánh giá, xếp loại GV trong công tác giảng dạy và NCKH theo Quy trình đánh giá, phân loại CB-GV-NV và Quy chế thi đua - Khen thưởng của Học viện CTQG HCM.

2. Điểm tồn tại

Học viện đang thực hiện đánh giá năng lực đội ngũ GV theo tiêu chí phân loại viên chức và danh hiệu thi đua khen thưởng, chưa có tách biệt các tiêu chí đánh giá năng lực, quy trình đánh giá cụ thể và phân loại các mức hoàn thành công việc; chưa có phần mềm quản lý dữ liệu giờ dạy, giờ NCKH và các hoạt động khác để có cơ sở đánh giá năng lực của đội ngũ hàng năm, hiện đang thực hiện thủ công excel.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần xây dựng tiêu chí và ban hành quy định về việc đánh giá năng lực của đội ngũ GV với các tiêu chí cụ thể hơn, bao hàm được được tiêu chí đánh giá năng lực giảng dạy, NCKH và PVCD, có cơ sở theo dõi và phát triển nguồn nhân lực đồng đều hơn; cần có phương án đề xuất và sử dụng phần mềm quản lý GV về giờ dạy, NCKH và công tác khác, tiết kiệm thời gian thực hiện thủ công và có thể dễ dàng trích xuất dữ liệu của đơn vị/cá nhân nhanh hơn.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có)

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Chưa đạt (Mức 3)

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Điểm mạnh

Về công tác đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, định kỳ hàng năm Học viện có ban hành thông báo để các đơn vị, cá nhân có nhu cầu thực hiện phiếu đăng ký các lớp bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo. Ban TCCB thực hiện tổng hợp và ban hành kế hoạch chung của Học viện để căn cứ cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng; đối với hoạt động đào tạo tại nước ngoài thì thực hiện báo cáo định kỳ, các khóa ngắn hạn/ đào tạo trong nước thì nộp văn bằng/chứng chỉ. Công tác nâng cao trình độ của GV dựa trên kế hoạch đào tạo bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ CB-GV-NV giai đoạn 2019-2023 và kế hoạch phê duyệt đào tạo bồi dưỡng hàng năm.

Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của CB-GV-NV được triển khai thực hiện theo kế hoạch và giám sát bởi Ban TCCB. Trong chu kỳ đánh giá, ngành Ngôn ngữ Anh đã cử khoảng 99 lượt cán bộ GV, NV tham gia các đợt bồi dưỡng ngắn hạn trong nước/ ngoài nước (bồi dưỡng chuyên môn, tin học nâng cao,

cao cấp lý luận chính trị, phương pháp dạy học, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bồi dưỡng giảng viên cao cấp hạng I, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh, phương pháp nghiên cứu giảng dạy, v.v), bồi dưỡng dài hạn trong nước/ ngoài nước. Kinh phí dành cho hoạt động đào tạo bồi dưỡng GV của khoa chiếm khoảng 15% so với tổng kinh phí chi cho đào tạo bồi dưỡng của toàn Trường; thực hiện lấy ý kiến phản hồi của CB, GV về việc cử tham dự các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, kết quả phản hồi cho thấy rằng CB, GV hài lòng kết quả đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng nhu cầu phát triển chuyên môn của đội ngũ như: “phát triển, bồi dưỡng đội ngũ dựa trên nhu cầu” (3.7/5), “đào tạo, bồi dưỡng phù hợp chuyên môn, nghiệp vụ” (3.8/5).

2. Điểm tồn tại

Chưa xác định rõ các nội dung/khoá tập huấn hoặc đào tạo (ngắn hạn) cụ thể dành cho GV để nâng cao chất lượng giảng dạy (thiết kế chương trình dạy học, kiểm tra đánh giá, xây dựng học liệu, v.v), năng lực NCKH và các năng lực bổ trợ.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần có cơ chế phối hợp giữa Ban TCCB và các khoa/đơn vị có liên quan từng lĩnh vực trong việc lựa chọn các nội dung/khoá tập huấn hoặc đào tạo (ngắn hạn) bám sát với chuyên môn nghiệp vụ và các năng lực bổ trợ có liên quan đến hoạt động giảng dạy, NCKH và PVCĐ.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Điểm mạnh

Việc đánh giá kết quả thực hiện công việc của GV được thực hiện dựa trên các văn bản: quy định về chế độ làm việc của GV (928/QĐ-HVBC TT-ĐT ngày 01/3/2018), quy định quản lý hoạt động khoa học, quy chế chi tiêu chi bộ, và bản mô tả vị trí công việc của CB, GV, NV. Các văn bản xác định rõ quy định hạng mức chức danh nghề nghiệp, khối lượng nhiệm vụ giảng dạy, NCKH, phát triển chuyên môn và các nhiệm vụ khác. Để đánh giá mức độ hoàn thành công việc hàng năm, GV có thực hiện xây dựng kế hoạch công tác vào đầu năm học để cân đối khối lượng công việc và trình lãnh đạo khoa phê duyệt dựa trên quy định mức giờ giảng dạy, NCKH, PVCĐ; căn cứ kết quả thực hiện công việc để đánh giá, phân loại CB, GV, NV và xét thi đua khen thưởng theo quy trình được công bố rộng rãi, đầy đủ đến toàn thể đội ngũ tại HV.

Quy trình đánh giá CB-GV-NV được thực hiện dựa trên văn bản hướng dẫn đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và bình xét thi đua khen thưởng của Học viện CTQG HCM và Quy chế công tác thi đua, khen thưởng của Học viện CTQG HCM. Các kết quả đánh

giá phân loại GV/đơn vị hàng năm được giám sát và đánh giá thông qua thực hiện nhiệm vụ thông qua giảng dạy, NCKH theo định mức giờ chuẩn cho từng đối tượng cụ thể với 4 mức phân loại viên chức: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ, không hoàn thành nhiệm vụ. Quy trình đánh giá được thực hiện trên cơ sở GV tự đánh giá, cấp uỷ và đồng nghiệp góp ý, Trưởng đơn vị đánh giá và xếp loại cá nhân; thực hiện bình xét, xếp loại các danh hiệu thi đua khen thưởng dựa trên kết quả đánh giá xếp loại GV hàng năm; có quyết định ban hành và thông báo công khai. GV hài lòng về kết quả đánh giá thi đua khen thưởng. Trong chu kỳ đánh giá, ngành Ngôn ngữ Anh có 15 lượt GV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 42 lượt GV hoàn thành tốt nhiệm vụ, 02 GV hoàn thành nhiệm vụ; 13 lượt GV đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở, 46 lượt GV đạt danh hiệu lao động tiên tiến; và 7 lượt GV được khen thưởng bậc cao; thực hiện lấy ý kiến phản hồi của GV về quy chế thi đua – khen thưởng, kết quả đánh giá và thi đua khen thưởng được phổ biến thông qua Hội nghị CBVC của Khoa Ngoại ngữ và Hội nghị công nhân viên chức HVBC&TT hàng năm.

2. Điểm tồn tại

Qua báo cáo kết quả khảo sát giảng viên nhận thấy nội dung phản hồi về Học viện thực hiện quản trị giảng viên, nhân viên và nghiên cứu viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v) dựa trên hiệu quả công việc” (3.4/5), “GV-NV-NCV hài lòng về kết quả đánh giá (đặt biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)” (3.5/5) là chưa hài lòng. Ngoài ra, chưa thể hiện rõ các tiêu chí đánh giá, phân loại rõ ràng đối với năng lực của GV trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Căn cứ trên các quy định chung về công tác thi đua – khen thưởng, Học viện cần rà soát, bổ sung quy trình và tiêu chí đánh giá cụ thể hơn, phân loại rõ ràng đối với năng lực của GV trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Điểm mạnh

Học viện đã ban hành Quy chế Quản lý hoạt động khoa học ở HVBC&TT (số 881/QĐ-HVBC&TT ngày 25/09/2011; rà soát ban hành theo Quyết định số 6531/QĐ-HVBC&TT ngày 26/12/2018), và Quy định chế độ làm việc đối với GV (số 2901/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 8/10/2013; rà soát ban hành theo QĐ số 928/QĐ-HVBC&TT ngày 01/03/2018), Quy chế chi tiêu nội bộ của HVBC&TT; hoạt động NCKH gồm các loại hình: Tham gia đề tài/dự án/nhiệm vụ khoa học các cấp, công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học trong/ngoài nước hoặc trong các hội nghị/hội thảo khoa học,

biên soạn giáo trình/sách chuyên khảo, tham gia hội nghị/hội thảo khoa học, tư vấn chuyên gia công nghệ, tham gia các cuộc thi sáng tạo, hướng dẫn người học tham gia NCKH... quy định giờ chuẩn NCKH mỗi năm đối với GVCC hạng I gồm các GS là 950 giờ, PGS là 900 giờ, GV có trình độ TS là 850 giờ, đối với GVC (hạng II) là 700 giờ, đối với GV (hạng III) là 600 giờ. Hoạt động KHCN được quy đổi ra giờ giảng lý thuyết, được quy định tương đối rõ ràng như: bài báo đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus được quy đổi tối đa 900 giờ/bài, bài báo trên tạp chí quốc tế ngoài hệ thống ISI/Scopus tối đa 600 giờ/bài, Báo cáo khoa học được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình khoa học tại hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế thuộc hệ thống ISI/Scopus hoặc được bảo trợ bởi các hội/hiệp hội khoa học và công nghệ quốc tế uy tín được tính 900 giờ/bài, Sách chuyên khoa giáo trình, tài liệu giảng dạy được tính 1200 giờ/quyển,... chủ trì đề tài cấp Nhà nước 500 giờ/đề tài, chủ trì đề tài cấp Bộ/tỉnh 300 giờ/đề tài, Chủ trì đề tài cấp cơ sở 200 giờ/đề tài, hướng dẫn SV thực hiện đề tài NCKH 50 giờ/đề tài... Để khuyến khích các GV có kết quả hoạt động NCKH xuất sắc, Học viện đã có quy định thưởng cho các cá nhân có bài báo đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus tối đa 10 triệu đồng/bài, đăng trên tạp chí quốc tế có chỉ số ISSN tối đa 03 triệu đồng/bài (Theo quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021). Hằng năm, Học viện đều tổ chức HNKH của GV và tổ chức nhiều hội thảo khoa học các cấp.

Hoạt động nghiên cứu khoa học của Nhà trường/Khoa được giám sát tương đối chặt chẽ. Hằng năm GV chủ động đăng ký các nhiệm vụ KHCN, Hội đồng thẩm định cấp Khoa và cấp Trường xem xét quyết định; Ban QLKH có nhiệm vụ tư vấn giúp lãnh đạo xây dựng kế hoạch KHCN, tổ chức kiểm tra định kỳ tiến độ thực hiện các đề tài/dự án... Nhà trường/Khoa thực hiện tổng kết đánh giá mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của giảng viên, từ đó đề ra phương hướng hoạt động NCKH hàng năm. Số lượng và loại hình NCKH của Khoa/ngành Ngôn ngữ Anh được thực hiện giám sát, đối sánh với các khoa khác trong Trường; có chế tài xử phạt đối với các chủ trì không hoàn thành nhiệm vụ đã ký với cơ quan phê duyệt đề tài.

Hoạt động NCKH của GV được giám sát thông qua Hội đồng Khoa học Khoa và Ban quản lý Khoa học của Học viện. Trong giai đoạn đánh giá, đội ngũ GV Khoa ngoại ngữ tham gia thực hiện CTĐT Ngôn ngữ Anh đã triển khai hoạt động NCKH với nhiều loại hình như triển khai 01 đề tài cấp Bộ (Năm 2021); 40 đề tài cấp trường/Học viện; đã đăng 60 bài báo trên các tạp chí khoa học trong nước; đã đăng 04 bài trên tạp chí khoa học quốc tế; trình bày 157 tham luận tại các hội thảo trong nước, 14 tham luận tại hội thảo quốc tế, 1 chương sách xuất bản bởi nhà xuất bản uy tín Routledge Taylor & Francis.

2. Điểm tồn tại

Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên của Học viện (trong đó có liên quan đến NCKH) chưa cập nhật các văn bản mới ban hành của BGD&ĐT (Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/07/2020 của Bộ GD&ĐT về chế độ làm việc của GV).

GV của Khoa tham gia vào hoạt động NCKH chưa đồng đều; Học viện chưa có các nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh trong nghiên cứu khoa học. Việc thực hiện đề tài cấp Bộ, cấp Tỉnh và cấp nhà nước còn hạn chế (Trong chu kỳ đánh giá chỉ có 1 đề tài được thực hiện), công bố Quốc tế còn hạn chế (Trong chu kỳ đánh giá có 4 bài báo được công bố trên tạp chí nước ngoài, không có bài nào thuộc danh mục ISI/Scopus).

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần sớm hoàn thiện Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên trong đó có quy định về nhiệm vụ NCKH của GV trên cơ sở cập nhật Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/07/2020 của Bộ GD&ĐT về chế độ làm việc của GV thuộc cơ sở giáo dục đại học; cần chủ động xây dựng các hướng nghiên cứu, thành lập các nhóm nghiên cứu nhóm nghiên cứu mạnh, đẩy mạnh hợp tác NCKH với các cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước, tích cực tìm hiểu thị trường KHCN trong nước để có thêm nhiều đề tài dự án các cấp nhằm tăng số lượng và chất lượng nghiên cứu; cần tập trung nguồn lực đầu tư, có chính sách khuyến khích, thúc đẩy GV của Khoa Ngoại ngữ và Chương trình Ngôn ngữ Anh tham gia các đề tài, dự án các cấp; hỗ trợ tương xứng cho các GV công bố sản phẩm khoa học ngoài nước đồng thời nên tổ chức các khóa tập huấn về công bố quốc tế cho GV của Khoa cũng như của toàn Học viện.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 6:

1. Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

Học viện có ban hành Chiến lược phát triển Học viện BC&TT và chiến lược phát triển của Khoa/ngành, trong đó có xác định rõ mục tiêu và các giải pháp nhằm tuyển dụng, thu hút, phát triển nguồn lực đáp ứng mục tiêu đào tạo, NCKH, và PVCĐ. Căn cứ trên kế hoạch xây dựng Quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý của Học viện CTQGHCM để xây dựng cho Học viện BC&TT theo từng giai đoạn, có thực hiện rà soát, đánh giá và kết quả đáp ứng với mục tiêu đề ra.

Tỷ lệ GV/NH đáp ứng theo yêu cầu so với quy định của Bộ GD&ĐT. Học viện có quy định rõ mức chuẩn và quy đổi khối lượng công việc giảng dạy, NCKH, và công tác khác dành cho GV đối với từng chức danh cụ thể. Việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ Gv theo giờ chuẩn được triển khai thống kê theo định mức hàng năm để theo dõi và đánh giá, làm căn cứ giá mức độ hoàn thành công việc, phân loại GV và xét

thi đua khen thưởng theo hướng dẫn của Học viện CTQG HCM và quy định của Học viện BC&TT.

Học viện có ban hành Đề án vị trí việc làm và các quy định nêu rõ tiêu chí, yêu cầu cụ thể đối với từng vị trí tuyển dụng, lựa chọn GV để bổ nhiệm, điều chuyển. Thông tin tuyển dụng, kết quả xét tuyển/ thi được công khai trên trang thông tin điện tử. Việc bổ nhiệm nhân sự vào vị trí lãnh đạo đảm bảo tiêu chuẩn theo đúng quy định, phù hợp với yêu cầu và quy hoạch của HV/Khoa.

Chất lượng đội ngũ GV được xác định theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy của trong các cơ sở giáo dục công lập, quy định về chế độ làm việc đối với GV. Kết quả đánh giá, phân loại GV được thực hiện theo quy định, dựa trên kết quả phản hồi của NH về quá trình giảng dạy của GV theo học kỳ, hoạt động giảng dạy theo định mức giờ chuẩn giảng dạy, hoạt động NCKH của GV thông qua kết quả số lượng và chất lượng sản phẩm NCKH.

Công tác đào tạo/bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ được thực hiện đăng ký dựa trên nhu cầu của CTĐT vào đầu năm học, tổng hợp và ban hành kế hoạch tổng làm cơ sở cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng và thực hiện theo kế hoạch. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn được thực hiện và giám sát bởi Ban TCCB, có thực hiện lấy ý kiến phản hồi của đội ngũ được cử đi học tập và kết quả phần lớn đánh giá là hài lòng, phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ.

Việc đánh giá kết quả thực hiện công việc của GV tuân thủ theo quy định của Học viện và khối lượng công việc đăng ký vào đầu năm học, căn cứ kết quả công việc thực hiện để đánh giá, phân loại CB-GV-NV và xét thi đua khen thưởng theo quy định đã công bố; có các văn bản qui định về các loại hình, số lượng sản phẩm NCKH mà GV phải thực hiện, trong đó giờ NCKH được định mức theo chức danh, học hàm học vị của giảng viên. Hoạt động NCKH của GV được giám sát hàng năm và làm cơ sở cho đánh giá xếp loại hàng năm.

2. Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT

Mục tiêu chiến lược và các nhóm giải pháp phát triển nguồn nhân lực tại Chiến lược phát triển của Khoa/ngành xây dựng chưa đặc trưng của nhóm ngành/ngành và chưa có các chỉ tiêu đặt ra hàng năm trong từng giai đoạn; GV bị quá tải trong việc giảng dạy tiếng Anh không chuyên. Hoạt động PVCD của GV chưa được đề cập rõ trong quy định của HV/ Khoa.

Đối tượng và tiêu chuẩn thông báo tuyển dụng viên chức qua các năm của Học viện chưa cụ thể các yêu cầu tuyển dụng riêng dành cho các ngành nghề đào tạo. Quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm cán bộ còn sử dụng chung với Học viện CTQG HCM, còn hạn chế về mặt thời gian triển khai so với thực tế yêu cầu.

Học viện đang thực hiện đánh giá năng lực đội ngũ GV theo tiêu chí phân loại viên chức và danh hiệu thi đua khen thưởng, chưa có tách biệt các tiêu chí đánh giá năng lực, quy trình đánh giá cụ thể và phân loại các mức hoàn thành công việc theo chỉ số; chưa có phần mềm quản lý dữ liệu chung về giờ dạy, giờ NCKH và các hoạt động khác để có cơ sở đánh giá năng lực của đội ngũ hàng năm; chưa xác định rõ các nội dung/khoá tập huấn hoặc đào tạo (ngắn hạn) cụ thể dành cho GV để nâng cao chất lượng giảng dạy (thiết kế chương trình dạy học, kiểm tra đánh giá, xây dựng học liệu, v.v), năng lực NCKH và các năng lực bổ trợ; chưa thể hiện rõ các tiêu chí đánh giá, phân loại rõ ràng đối với năng lực của GV trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Các văn bản quy định cho hoạt động NCKH của Học viện chưa cập nhật các văn bản mới ban hành của BGD&ĐT (Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/07/2020 của Bộ GDĐT về chế độ làm việc của GV); công bố khoa học còn chưa đồng đều trong đội ngũ GV của Khoa. Học viện chưa có các nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh trong nghiên cứu khoa học; các đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ/tỉnh/nhà nước còn rất khiêm tốn; số lượng các bài báo đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus còn hạn chế.

3. Khuyến nghị đối với CTĐT

Học viện cần rà soát các mục tiêu chiến lược của Khoa/ngành để bổ sung các nhóm giải pháp cụ thể hơn, chi tiết hoá lộ trình triển khai kế hoạch và chỉ số định lượng cụ thể với các chỉ tiêu đặt ra hàng năm, cơ sở cho hoạt động rà soát, đánh giá; rà soát và phân bổ số giờ thực hiện hoạt động giảng dạy chuyên môn của ngành và các học phần tiếng Anh không chuyên cho phù hợp.

Bổ sung quy định về hoạt động PVCĐ của GV và quy đổi giờ bình quân hàng năm; cần rà soát và ban hành văn bản riêng phù hợp với quy định hiện hành của Nhà nước, của HVCTQG và bối cảnh thực tế của Học viện BC&TT về việc lựa chọn đội ngũ để tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển trong giai đoạn tiếp theo; cần xây dựng quy định về việc đánh giá năng lực của đội ngũ GV với các tiêu chí cụ thể hơn, bao hàm được được tiêu chí đánh giá năng lực giảng dạy, NCKH và PVCĐ, có cơ sở theo dõi và phát triển nguồn nhân lực đồng đều hơn; cần xây dựng cơ chế phối hợp giữa Ban TCCB và các khoa/đơn vị có liên quan từng lĩnh vực trong việc lựa chọn các nội dung/khoá tập huấn hoặc đào tạo (ngắn hạn) bám sát với chuyên môn nghiệp vụ và các năng lực bổ trợ có liên quan đến hoạt động giảng dạy, NCKH và PVCĐ; cần rà soát, bổ sung quy trình và tiêu chí đánh giá cụ thể hơn, phân loại rõ ràng đối với năng lực của GV trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định; cần rà soát Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên trong đó có quy định nhiệm vụ NCKH của GV trên cơ sở cập nhật Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/07/2020 của Bộ GDĐT về chế độ làm việc của GV thuộc cơ sở giáo dục đại học; cần chủ động xây dựng các hướng nghiên cứu, thành lập các

nhóm nghiên cứu nhóm nghiên cứu mạnh, đẩy mạnh hợp tác NCKH với các cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước, tích cực tìm hiểu thị trường KHCN trong nước để có thêm nhiều đề tài dự án các cấp nhằm tăng số lượng và chất lượng nghiên cứu; cần tập trung nguồn lực đầu tư, có chính sách khuyến khích, thúc đẩy GV của Khoa Ngoại ngữ và Chương trình Ngôn ngữ Anh tham gia các đề tài, dự án các cấp; hỗ trợ tương xứng cho các GV công bố sản phẩm khoa học ngoài nước nên tổ chức các khóa tập huấn về công bố quốc tế cho GV của Khoa cũng như của toàn Học viện.

VII. Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Điểm mạnh

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên của Học viện/Khoa được tuân thủ theo Chiến lược phát triển HVBC&TT đến năm 2020, tầm nhìn 2030 (số 2418/QĐ-HVBC&TT ngày 8/7/2014), chỉnh sửa và ban hành Chiến lược phát triển HVBC&TT đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 (số 770/QĐ-HVBC&TT ngày 20/2/2017) ; bổ sung điều chỉnh Chiến lược phát triển HVBC&TT đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 (số 6528/QĐ-HVBC&TT ngày 31/12/2018); Đề án vị trí việc làm (Số 6079-ĐA/HVBC&TT ngày 31/12/2020; Tờ trình số 632-TTr/HVBC&TT ngày 25/1/2022) của Học viện, trong đó đã đề cập đến chiến lược nguồn nhân lực như đội ngũ cán bộ được chuẩn hóa với cơ cấu hợp lý về vị trí việc làm, trình độ, độ tuổi, trong đó cán bộ quản lý được đào tạo bài bản, được thử thách quan thực tiễn, đội ngũ cán bộ giỏi chuyên môn, tâm huyết với nghề.

Đề án vị trí việc làm của Học viện quy định vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ có 19 vị trí với 125 biên chế và 19 hợp đồng, trong đó, có quy hoạch nhân viên các Phòng, Ban của Học viện là 96 người, Trung tâm thông tin khoa học là 9 người, trợ lý văn phòng khoa là 17 người và các dịch vụ hỗ trợ khác 3 người; thực hiện khảo sát tổng hợp nhu cầu về đội ngũ nhân viên, tiến hành phân tích thực trạng đội ngũ nhân viên hỗ trợ triển khai đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng gồm các cán bộ thư viện, phòng thí nghiệm, phòng CNTT, các dịch vụ hỗ trợ khác, đồng thời xác định, mô tả công việc cho từng vị trí của đội ngũ nhân viên hỗ trợ, trên cơ sở đó lập kế hoạch tuyển dụng, lựa chọn đội ngũ NV hỗ trợ nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD; có một số chính sách tuyển dụng và đào tạo bồi dưỡng nhân viên rõ ràng (trong Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức ban hành theo QĐ số 2440/QĐ-HVBC&TT ngày 10/7/2014). Học viện đã phân tích tình hình thực tế về phát triển quy mô người học, yêu cầu cải cách hành chính tinh giản biên chế và nâng

cao chất lượng phục vụ để điều chỉnh kế hoạch phát triển đội ngũ nhân viên hỗ trợ. Trong đó đã quan tâm đến các chính sách ưu đãi như: chính sách về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học; quy định về phụ cấp cho các nhân viên phòng/ban; quy định về thu nhập tăng thêm.

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh gồm hai nhóm: nhóm nhân viên hỗ trợ trong Khoa ngoại ngữ (CVHT, chuyên viên VPK) và nhóm nhân viên hỗ trợ ngoài khoa ngoại ngữ (làm việc tại các phòng ban, trung tâm như: Ban QLĐT, Ban QLKH, Phòng CTCT&HTSV, Trung tâm Thông tin thư viện, Trung tâm KT&KĐCLĐT, Bộ phận TH-HTĐT (Văn phòng), Phòng quản trị & quản lý KTX), với tổng số 126 người. Trong đó có 2 tiến sĩ, 80 thạc sĩ, 28 cử nhân và 16 các trình độ khác. Khoa Ngoại ngữ có 01 chuyên viên đảm trách nhiệm vụ văn phòng khoa có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kinh nghiệm trong công tác, giúp Khoa giải quyết kịp thời các vấn đề về giảng dạy, về học tập của SV, quản lý bài thi, cảnh báo học vụ, xét tốt nghiệp, giải đáp thắc mắc của SV; ngoài ra còn có 04 GV của Khoa đồng thời đảm trách công tác cố vấn học tập, chịu trách nhiệm tư vấn hỗ trợ người học ngành Ngôn ngữ Anh, 14 chuyên viên của các đơn vị chức năng chịu trách nhiệm chính trong hỗ trợ các hoạt động của Khoa Ngoại ngữ theo sự phân công của các đơn vị.

Qua khảo sát thực tế và kết quả nghiên cứu hồ sơ minh chứng cho thấy đội ngũ nhân viên của Học viện và của Khoa đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD. Kết quả khảo sát cho thấy tỉ lệ % hài lòng của sinh viên của Khoa về chất lượng phục vụ của các nhân viên phòng chức năng tăng dần: năm 2018: 39.60%, năm 2019: 62.50%, năm 2020: 79.50%, năm 2021 là 87.70%. Ngoài ra, kết quả phỏng vấn người học, giảng viên cho thấy, hầu hết ý kiến hài lòng với tinh thần thái độ phục vụ, giải quyết công việc của nhân viên hỗ trợ.

2. Điểm tồn tại

Học viện chưa có chính sách hiệu quả trong việc thu hút đội ngũ có năng lực cao trong các vị trí cụ thể. Việc phân tích đánh giá nhu cầu đào tạo bồi dưỡng đối với đội ngũ nhân viên chưa được thực hiện một cách bài bản.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần rà soát và đưa ra chính sách hiệu quả trong thu hút đội ngũ cán bộ có nhân lực cao để góp phần thực hiện chiến lược của nhà trường; cần tiến hành khảo sát, tổng hợp, phân tích đánh giá nhu cầu đào tạo bồi dưỡng của đội ngũ NV một cách bài bản.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Điểm mạnh

Học viện đã ban hành Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức theo Quyết định số 2440/QĐ-HVBC&TT ngày 10/7/2014, trong đó, quy định cụ thể tiêu chuẩn đối với ngạch nghiên cứu viên, ngạch chuyên viên và tương đương. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều chuyển nhân viên được thực hiện theo Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý ban hành theo Quyết định số 339-QĐ/HVCTQG ngày 22/01/2019 của Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên đều được phân tích trên tình hình thực tế của Học viện và các văn bản quy phạm của Nhà nước, được bàn bạc dân chủ rộng rãi tại các đơn vị trực thuộc trước khi Giám đốc ký ban hành. Học viện cũng đồng thời tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan (người học, GV), tiến hành tổng hợp và phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực. Dựa trên phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực, Đề án vị trí việc làm, Học viện/Khoa xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức hàng năm.

Các quy định, quy chế, quy trình về công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đều được phổ biến công khai đến toàn thể cán bộ, GV và nhân viên trong Học viện bằng nhiều hình thức như trên Bảng thông tin điện tử của nhà Hành chính trung tâm (A1), niêm yết tại Ban TC-CB, trên website của Học viện (<https://ajc.hcma.vn/>), qua hệ thống Email và trên các phương tiện truyền thông khác như báo giấy, báo điện tử. Các quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm nhân viên được lưu trữ đầy đủ.

2. Điểm tồn tại

Trong các văn bản quy định, hướng dẫn về công tác tuyển dụng nhân viên của Học viện chưa có nhiều tiêu chí bắt buộc về năng lực của ứng viên; chưa sử dụng các hình thức đánh giá năng lực của ứng viên trong các kỳ tuyển dụng. Trong giai đoạn đánh giá, Học viện vẫn sử dụng Quy định về việc tuyển dụng công chức viên chức, Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển đã ban hành năm 2014 nên chưa phù hợp với thực tế của học viện hiện nay (đang thực hiện Đề án vị trí việc làm số 6079-ĐA/HVBC&TT ngày 31/12/2020) và Nghị định 115/2020 của Chính phủ.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần bổ sung các tiêu chí đánh giá về năng lực, sử dụng các hình thức đánh giá năng lực đối với các ứng viên tham gia thi tuyển, xét tuyển vào các vị trí hỗ trợ công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, để từ đó tuyển chọn được những nhân

viên phù hợp. Học viện nên rà soát, điều chỉnh các văn bản về các Quy định về việc tuyển dụng công chức viên chức, Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển gắn với Đề án vị trí việc làm số 6079 ĐA/HVBC&TT ngày 31/12/2020 và phù hợp với Nghị định 115/2020 của Chính phủ.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

Tiêu chí 7.3: Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và đánh giá

1. Điểm mạnh

Quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên được thể hiện ở Quy chế công tác thi đua, khen thưởng của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh ban hành theo Quyết định số 3370-QĐ/HVCTQG ngày 04/7/2019 và các Hướng dẫn đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua hàng năm của HVCTQG và HVBC&TT; Quy định về đánh giá, xếp loại để chi thu nhập tăng thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động (Quyết định số 4780/QĐ-HVBC&TT ngày 16/12/2014).

Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định trong Quy chế tuyển dụng công chức, viên chức (số 2440/QĐ-HVBC&TT ngày 10/7/2014), trong Đề án vị trí việc làm (số 6079-ĐA/HVBC&TT ngày 31/12/2020) và Hướng dẫn đánh giá xếp loại hàng năm. Theo đó, năng lực gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ gắn với công việc của từng Phòng/Ban/Khoa như tổ chức cán bộ, quản lý đào tạo, quản lý khoa học, kế hoạch-tài chính, hợp tác quốc tế, thông tin khoa học, tạp chí lý luận chính trị và truyền thông, văn phòng, trợ lý văn phòng khoa, y tế, văn thư lưu trữ, nhân viên kỹ thuật,.. Các tiêu chí đánh giá bao gồm về Chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; Ý thức tổ chức kỉ luật, tác phong và lề lối làm việc; Kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, trách nhiệm. Đối với đội ngũ nhân viên hỗ trợ được phân rõ với từng ngạch bậc, có chức vụ quản lý hoặc không có chức vụ quản lý như: chuyên viên tập sự, chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp có điểm đánh giá mức độ hoàn thành với mỗi tiêu chí có chỉ số đo lường cụ thể, chi tiết, tính trên tổng điểm 100.

Hoạt động đánh giá được thực hiện theo trình tự: Nhân viên tự đánh giá theo mẫu phiếu đánh giá thống nhất của Học viện, đồng nghiệp đánh giá tại cuộc họp của các đơn vị, người học đánh giá qua các lần khảo sát ý kiến, cấp trên đánh giá thông qua hội đồng thi đua khen thưởng các cấp. Các quy định này được phổ biến công khai để mọi cán bộ, nhân viên biết và cùng triển khai thực hiện.

Kết quả thống kê cho thấy, giai đoạn 2017-2021, Việc đánh giá nhân viên được thực hiện hàng năm theo phân loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ. Kết quả đánh giá phân loại

cuối năm học là cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của nhân viên theo Luật Viên chức, đề xét danh hiệu thi đua, xét nâng lương và đề nghị các cấp khen thưởng. Kết quả xếp loại còn được Học viện tham chiếu đến mức chi trả 30% thu nhập tăng thêm của cán bộ. Cụ thể, với mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được tính hệ số 2; Hoàn thành tốt nhiệm vụ được tính hệ số 1.5; Hoàn thành nhiệm vụ được tính hệ số 1 (Quy chế chi tiêu nội bộ của Học viện năm 2021). Đây cũng là một trong những động lực để đội ngũ nhân viên của Học viện thực hiện tốt các nhiệm vụ của mình. Hồ sơ minh chứng cho thấy, tỷ lệ nhân viên của Học viện/Khoa được xếp loại từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên trong giai đoạn từ năm 2017 đến năm 2020 là 100%, còn xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tương ứng từ 2017 đến 2021 là 4,31%; 1,69%; 1,53% , 7,75% và 10,85%. Riêng kết quả xếp loại nhân viên của Khoa thì trong tất cả các năm đều 100% hoàn thành nhiệm vụ trở lên. Tỷ lệ nhân viên toàn Học viện đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở trở lên từ năm 2017 đến năm 2021 tương ứng là 0.88%; 0.87%; 0.82%; 1.65% và 4.62%. Ngành Ngôn ngữ Anh có 06 lượt nhân viên hỗ trợ ngành xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 67 lượt xếp loại HTTNV, 04 lượt HTNV.

2. Điểm tồn tại

Trong các văn bản quy định chưa thể hiện chi tiết việc sử dụng thông tin phản hồi của các BLQ làm căn cứ đánh giá, đánh giá chất lượng hoàn thành công việc của nhân viên.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần rà soát các văn bản quy định về việc sử dụng thông tin phản hồi của các BLQ làm căn cứ đánh giá, đánh giá chất lượng hoàn thành công việc của nhân viên một cách chi tiết hơn.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Điểm mạnh

Hàng năm, Khoa Ngoại ngữ và các đơn vị thuộc Học viện đã triển khai thu thập thông tin về nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên phục vụ. Căn cứ vào đề xuất của đơn vị và yêu cầu công việc, Trưởng các Khoa/đơn vị báo cáo Ban TCCB đề lên kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng trình Giám đốc Học viện phê duyệt. Kết quả phê duyệt của BGD về công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức được gửi tới các đơn vị trong Trường để triển khai thực hiện tuân thủ quy định của HVCTQG HCM và HVBC&TT. Kết quả khảo sát cho thấy các văn bản cử người đi học, bản sao văn bằng chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng được lưu trữ đầy đủ.

Trong giai đoạn 2017-2021, đội ngũ nhân viên của Học viện và Khoa Ngoại ngữ được tham gia các khoá đào tạo bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ hàng năm do Học viện tổ chức hoặc cử đi như Lớp cao cấp lý luận chính trị; Lớp Trung cấp lý luận chính trị; Lớp Bồi dưỡng quản lý nhà nước chương trình chuyên viên/chuyên viên chính/chuyên viên cao cấp; Lớp ngoại ngữ tiếng Trung; Lớp ngoại ngữ nâng cao (tiếng Anh) theo tiêu chuẩn Hội đồng Anh. Ngoài ra, đội ngũ nhân viên tại các đơn vị chức năng còn được Học viện cử đi đào tạo dài hạn trình độ Tiến sĩ, Thạc sĩ, ĐH văn bằng 2. Đội ngũ nhân viên tham gia các khoá đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn, dài hạn được HVCTQG HCM hoặc HVBC&TT chi trả, hỗ trợ kinh phí học tập, hoặc/và tuân thủ Quy chế chi tiêu nội bộ (số 4280-QĐ/HVBC TT ngày 15/9/2021). Kết quả thống kê cho thấy, trong chu kỳ đánh giá có 140 lượt NV được tham dự các khoá đào tạo, bồi dưỡng dài hạn, ngắn hạn.

2. Điểm tồn tại

Việc thực hiện khảo sát nhu cầu và mở các khóa học nâng cao chuyên môn nghiệp vụ chưa thật bài bản. Đánh giá tổng kết về hiệu quả của các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ NV để làm căn cứ cho cải tiến chất lượng chưa thật sự bài bản. Các khóa bồi dưỡng nghiệp vụ có liên quan trực tiếp đến chuyên môn mà nhân viên đang đảm nhận còn hạn chế như các khóa tập huấn về chuyển đổi số, về phát triển CTĐT cho nhân viên.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện nên chủ động tổ chức các khóa đào tạo cho nhân viên trên cơ sở khảo sát, phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của nhân viên, chú ý đến các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn liên quan trực tiếp đến chuyên môn mà nhân viên đang đảm nhận như về chuyển đổi số, về phát triển CTĐT.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD

1. Điểm mạnh

Để đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên, Học viện đã ban hành các văn bản: Đề án vị trí việc làm; Bản mô tả công việc của vị trí việc làm (Đề án vị trí việc làm số 6079-ĐA/HVBC&TT ngày 31/12/2020); quy định về khen thưởng và công nhận được thể hiện ở Quy chế Công tác thi đua, khen thưởng của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Hướng dẫn đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua hàng năm của HVCTQG HCM và HVBC&TT; Quy định về Đánh giá, xếp loại để chi thu nhập tăng thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ban hành kèm theo QĐ số

4780/QĐ-HVBC&TT ngày 16/12/2014.

Vào đầu mỗi năm học, Khoa giao nhiệm vụ cụ thể cho mỗi nhân viên trong Bảng phân công nhiệm vụ chi tiết của Khoa và thực hiện theo dõi, giám sát kết quả, đồng thời hỗ trợ giải quyết các tình huống phát sinh. Mỗi nhân viên trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch của cá nhân, triển khai thực hiện đồng thời có trách nhiệm báo cáo tình hình công việc và kết quả thu được; đã tổ chức lấy ý kiến của tất cả cán bộ, GV, nhân viên về việc góp ý cho bản dự thảo các quy chế quy định của Học viện để có những điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung quy định cho phù hợp trước khi ban hành các văn bản quy định chính thức, triển khai đánh giá, phân loại công chức, viên chức và người lao động. Việc đánh giá về cơ bản, được thực hiện theo một quy trình chặt chẽ: (1) Học viện gửi công văn hướng dẫn đánh giá, xếp loại, bình xét danh hiệu thi đua tập thể và cá nhân hàng năm tới các đơn vị; (2) các bước tiến hành đánh giá ở các đơn vị: cá nhân tự đánh giá -> các thành viên trong đơn vị đóng góp ý kiến -> quyết định của trường đơn vị; (3) các bước tiến hành đánh giá ở cấp trường: các đơn vị tổng hợp kết quả đánh giá cùng với bản tự đánh giá cá nhân có ý kiến của lãnh đạo đơn vị tới Ban TC-CB, trên cơ sở đó Ban TCCB tập hợp báo cáo lên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của Học viện để đánh giá và quyết định; (4) Ban TC-CB công bố kết quả tới toàn thể các đơn vị trong trường bằng văn bản. Kết quả đánh giá NV từ năm 2017 đến năm 2020 cho thấy hằng năm đều có 100% NV của Học viện được xếp loại từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên, tỷ lệ NV xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ từ 1,53% năm 2019 tăng lên 10,85% năm 2021. Đối với bình xét các danh hiệu thi đua, tỷ lệ NV đạt danh hiệu lao động tiên tiến từ năm 2017 đến năm 2021 nằm trong khoảng từ 95,38% đến 99,18% trong đó số lượng đạt chiến sĩ thi đua cơ sở lần lượt là 0.88%, 0.87%, 0.82%, 1.65% và 4.62%. Kết quả xếp loại viên chức và danh hiệu thi đua của NV Khoa Ngoại ngữ từ năm 2017 đến nay đều đạt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ và lao động tiên tiến.

Kết quả khảo sát và qua phỏng vấn cho thấy, giai đoạn 2017-2021, trên 85% người học hài lòng với sự hỗ trợ của đội ngũ NV. Kết quả đánh giá, phân loại viên chức, người lao động là cơ sở quan trọng để xét tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng cho cá nhân. Hồ sơ bình xét được Học viện /Khoa lưu trữ đầy đủ. Trong chu kỳ KĐCL 5 năm gần đây, NV của Khoa/Học viện đã hoàn thành tốt nhiệm vụ và được công nhận đạt từ lao động tiên tiến trở lên. Qua nghiên cứu hồ sơ minh chứng và phỏng vấn cho thấy đội ngũ nhân viên hỗ trợ hài lòng với phương pháp quản trị theo kết quả công việc và các tiêu chí bình xét thi đua khen thưởng, không có trường hợp khiếu nại, tố cáo.

2. Điểm tồn tại

Việc xây dựng, bổ sung tiêu chí giám sát, đánh giá về chất lượng và hiệu quả công việc của NV trong việc cải thiện chất lượng và nâng cao năng lực công tác còn hạn chế.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần nghiên cứu xây dựng bổ sung các tiêu chí giám sát đánh giá về chất lượng và hiệu quả công việc để tăng tính hiệu quả của việc quản trị và đánh giá nhân sự, đồng thời tăng tính chủ động của NV trong việc cải thiện chất lượng và nâng cao năng lực công tác.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 7:

1. Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

Học viện đã có đề án vị trí việc làm năm 2020 trong đó có quy định vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ. Học viện có quy định về tuyển dụng và tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm; Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển đều được phân tích trên tình hình thực tế của Học viện được bàn bạc dân chủ rộng rãi tại các đơn vị trực thuộc trước khi ban giám đốc ký ban hành, được công bố công khai; có hệ thống các văn bản quy định về khối lượng và nghĩa vụ lao động cho nhân viên nhằm quản lý sử dụng và đánh giá nhân viên theo hiệu quả công việc. Học viện đã triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên dựa trên các quy định, Hướng dẫn trên về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công. Việc đánh giá nhân viên được thực hiện hằng năm và là cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của nhân viên, để xét danh hiệu thi đua, xét nâng lương và đề nghị các cấp khen thưởng. Kết quả xếp loại nhân viên của Khoa trong chu kỳ đánh giá đều 100% hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho nhân viên được Văn phòng trường phối hợp với các đơn vị triển khai thực hiện. Kinh phí để triển khai công tác đào tạo bồi dưỡng được thực hiện theo kế hoạch phân bổ kinh phí hằng năm. Tổng kinh phí chi cho đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên từ nguồn thu của Trường trong giai đoạn 2017-2021 là 374.540.000 đồng. Trong giai đoạn từ 2017 đến 2021 đã có 140 lượt nhân viên được tham dự các khoá đào tạo, bồi dưỡng. Có 10 người được cử đi đào tạo Tiến sĩ, 9 người được cử đi đào tạo Thạc sĩ, 121 lượt nhân viên được cử tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn ngắn hạn.

Nhân viên được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc. Nhân viên hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Học viện và các cấp có thẩm quyền.

2. Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT

Chiến lược phát triển của Học viện/Khoa chưa chú trọng đến phát triển đội ngũ nhân viên nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD; Quy chế

tuyển dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển chưa được rà soát cập nhật một cách bài bản, kịp thời; chính sách thu hút đội ngũ nhân viên có năng lực cao về công tác tại trường chưa hiệu quả. Trong các văn bản quy định chưa thể hiện chi tiết việc sử dụng thông tin phản hồi của các BLQ làm căn cứ đánh giá, đánh giá chất lượng hoàn thành công việc của nhân viên.

Việc tiến hành tổng kết về tính hiệu quả của các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ NV chưa được thực hiện bài bản để làm căn cứ cho cải tiến chất lượng. Khảo sát thực tế cho thấy, các khoá bồi dưỡng nghiệp vụ có liên quan trực tiếp đến chuyên môn hay đặc thù công việc mà nhân viên đang đảm nhận còn hạn chế như các khoá tập huấn về chuyển đổi số, phát triển CTĐT.

3. Khuyến nghị đối với CTĐT

Học viên cần cụ thể hơn về chiến lược phát triển nhân lực trong đó có đội ngũ nhân viên hỗ trợ trong các chiến lược, đồng thời tiếp tục rà soát tính phù hợp của các vị trí công việc, điều chuyển, bổ sung, phân bổ hợp lý đội ngũ nhân viên nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Học viện/Khoa cần phân tích, làm rõ dự báo hằng năm về quy hoạch đội ngũ nhân viên trong quy hoạch phát triển nhân sự tổng thể của Học viện để sát với thực tế nhân lực sử dụng; nên rà soát, điều chỉnh Quy định về việc tuyển dụng công chức viên chức, Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển gắn với Đề án vị trí việc làm và Nghị định 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ, trong đó cần quan tâm đến các chính sách thu hút đội ngũ nhân viên có năng lực cao; nên rà soát, bổ sung các văn bản quy định về việc sử dụng thông tin phản hồi của các BLQ làm căn cứ đánh giá cũng như đánh giá chất lượng hoàn thành công việc của nhân viên một cách chi tiết hơn; nên tiến hành tổng kết về tính hiệu quả của các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ nhân viên sau khi đã thực hiện để làm căn cứ cho cải tiến chất lượng đồng thời cần chú trọng hơn các khóa tập huấn sát với chuyên môn của từng lĩnh vực của nhân viên, chẳng hạn tập huấn chuyển đổi số ứng với các lĩnh vực cụ thể, khóa tập huấn về phát triển CTĐT.

VIII. Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật

1. Điểm mạnh

Trong giai đoạn đánh giá 2017-2021, Học viện Báo trí và tuyên truyền đã thực hiện chính sách tuyển sinh theo đúng Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT. Từ năm 2017, 2018, 2019, Học viện áp dụng 02 phương thức tuyển sinh sau: Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT Quốc gia và xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT; từ năm 2020 và 2021, Học viện áp dụng 03 phương thức tuyển sinh: căn cứ kết quả của kỳ thi

THPT Quốc gia (riêng ngành Ngôn ngữ Anh Tổ hợp môn xét tuyển cũng có sự mở rộng hơn khi cùng sử dụng cả 3 tổ hợp là D01, D72, D78. Nếu có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế do các cơ quan ETS, British Council, IDP cấp, thí sinh được quy đổi điểm sang điểm xét tuyển sinh với khối D01, D72, D78), xét học bạ THPT và diện xét tuyển thẳng quy định của Bộ GD&ĐT. Đề án tuyển sinh hàng năm của Học viện được cập nhật.

Chính sách và quy định về tuyển sinh được công bố công khai tại cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, cổng thông tin tuyển sinh của Học viện: Website tuyển sinh, Website của HVBC&TT, Fanpage Khoa Ngoại ngữ, tờ rơi quảng bá CTĐT, thông báo tuyển sinh hàng năm của Học viện, cuốn “Những điều cần biết về tuyển sinh đại học” do Bộ GD&ĐT phát hành; các hoạt động quảng bá tuyển sinh khác của Học viện diễn ra dưới nhiều hình thức phong phú như: Tư vấn trực tiếp tại các ngày hội tư vấn tuyển sinh (AJC open day), tư vấn trực tuyến trên mạng xã hội bằng Livestream; tư vấn tuyển sinh cho học sinh THPT và phụ huynh (tại chỗ, đi đến các tỉnh/thành phố);

Hội đồng tuyển sinh của Học viện được thành lập hàng năm đầy đủ theo quy định để đánh giá tiêu chí và quyết định phương thức chọn SV theo ngành đào tạo.

Việc cập nhật chính sách tuyển sinh hàng năm Học viện giao cho TTKT và KĐCLĐT khảo sát ý kiến đóng góp của BLQ, các khoa và các phòng ban liên quan phân tích kết quả tuyển sinh, trình Hội đồng tuyển sinh của Học viện xem xét quyết định cải tiến, điều chỉnh bổ sung chính sách tuyển sinh năm sau cho phù hợp. Cơ sở dữ liệu tuyển sinh của Học viện các năm 2017-2021 được lưu trữ đầy đủ tại các Quyết định trúng tuyển hằng năm.

2. Điểm tồn tại

Chính sách tuyển sinh chưa có sự góp ý của phụ huynh; phân tích /dự báo báo nhu cầu nhân lực chưa thực sự rõ ràng.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần có sự góp ý của phụ huynh khi cải tiến chính sách tuyển sinh hàng năm; cần phân tích dự báo nhu cầu nguồn nhân lực rõ ràng hơn. Bên cạnh đó, Học viện cũng nên mở rộng hơn nữa các mối quan hệ với các đơn vị bên ngoài thông qua các hoạt động NCKH, trao đổi sinh viên, hội nghị, hội thảo nhằm quảng bá hình ảnh Học viện, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh của Học viện nói chung và của ngành Ngôn ngữ Anh nói riêng.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Điểm mạnh

Trong chu kỳ đánh giá, Học viện đã xây dựng Đề án và Thông báo tuyển sinh hằng năm có tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được rõ ràng; có quy trình xây dựng phương án xét tuyển và các tiêu chí tuyển sinh gồm 3 bước: (b1) Khoa đào tạo khảo sát, lấy ý kiến đơn vị sử dụng lao động, chuyên gia, cựu SV để tổng hợp, phân tích kết quả khảo sát và ý kiến đóng góp; đề xuất Hội đồng tuyển sinh Học viện tiêu chí và phương thức tuyển chọn SV theo ngành đào tạo (b2) Trên cơ sở đó, Hội đồng Tuyển sinh Học viện sẽ đánh giá tiêu chí và quyết định phương thức tuyển chọn SV theo ngành đào tạo; (b3) Bộ phận Tuyển sinh - Ban QLĐT thực hiện trong công tác tuyển sinh. Tiêu chí, phương pháp tuyển chọn người học vào hệ đào tạo chính quy của ngành đào tạo được thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và được xác định, ghi rõ trong Đề án tuyển sinh - công bố công khai hàng năm trên trang website tuyển sinh của Học viện.

Hàng năm, sau mỗi kỳ tuyển sinh, khoa đào tạo sẽ phân tích kết quả tuyển sinh, đánh giá mức độ phù hợp với tiêu chí tuyển sinh (bao gồm: số thí sinh đăng ký vào CTĐT, số trúng tuyển, tỷ lệ cạnh tranh, số nhập học thực tế, điểm tuyển đầu vào/ thang điểm, điểm trung bình của SV được tuyển) nếu chưa phù hợp sẽ đề xuất Hội đồng Tuyển sinh Học viện họp tiến hành rà soát, đánh giá, cải tiến, điều chỉnh tiêu chí và phương thức tuyển chọn thí sinh cho kỳ tuyển sinh tiếp theo (Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh các năm từ 2017-2021 các ngày: 14/02/2017, 06/02/2018, 15/02/2019, 24/04/2020, 2021). Nhờ vậy mà trong chu kỳ đánh giá, số lượng SV nhập học thực tế của ngành Ngôn ngữ Anh vẫn được đảm bảo chỉ tiêu, có xu hướng ổn định (2017: 36/40, 2018: 40/40, 2019: 44/50, 2020:48/50 và 2021: 50/50). Cơ sở dữ liệu tuyển sinh của Học viện các năm 2017, 2018, 2019, 2020 và 2021 được lưu trữ đầy đủ (Kết quả tuyển sinh hằng năm của Học viện tại các quyết định về việc công nhận trúng tuyển đại học chính quy tập trung).

2. Điểm tồn tại

Qua nghiên cứu Hồ sơ minh chứng, cho thấy việc triển khai lấy ý kiến đóng góp của BLQ về phương pháp và tiêu chí tuyển sinh của Học viện nói chung, ngành Ngôn ngữ Anh nói riêng chưa thực hiện đầy đủ.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần triển khai lấy ý kiến đóng góp từ các BLQ về phương pháp và tiêu chí tuyển sinh của Học viện nói chung, ngành Ngôn ngữ Anh nói riêng đầy đủ;

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học

1. Điểm mạnh

Học viện đã ban hành chương trình đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của các ngành (trong đó có ngành Ngôn ngữ Anh) từ năm 2014 (số 3310/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 15 tháng 9 năm 2014). Quy chế/quy định đào tạo tín chỉ (số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017), Năm 2018, 2020 có điều chỉnh (số 4950-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 26 tháng 10 năm 2018 và Số 3911-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 20/9/2020). Các văn bản trên đều quy định rõ khối lượng học tập của sinh viên. Học viện có phân công bộ phận chuyên trách giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của sinh viên và cảnh báo học vụ; các văn bản trên đều được tập hợp trong Sổ tay SV. Tham gia vào hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của SV là đội ngũ chuyên viên VPK, CVHT và các chuyên viên Ban QLĐT, Phòng CTCT&HTSV; ban hành Quy định công tác CVHT và bổ nhiệm CVHT hàng năm; Ban QLĐT được giao nhiệm vụ là đơn vị quản lý, hỗ trợ các hoạt động dạy, học và kết quả học tập của SV; Phòng CTCT&HT SV là đơn vị quản lý các hoạt động rèn luyện và kết quả rèn luyện của SV; có quy trình/quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH, đó là sự kết hợp giữa Hệ thống các văn bản, các công cụ phương tiện hỗ trợ (phần mềm đào tạo Maxman) và các chủ thể hoạt động giám sát; cơ chế báo cáo và phản hồi về sự tiến bộ của NH được thực hiện định kỳ 1 tháng/1 lần ((1) họp khoa, trong đó có nội dung về công tác đào tạo, công tác SV, công tác NCKH, (2) họp phản ánh SV (thành phần: đại diện lãnh đạo khoa, CVHT, chuyên viên VPK và đại diện ban cán sự các lớp, đại diện Liên chi đoàn Khoa Ngoại ngữ. Ngoài ra, CVHT của ngành đào tạo còn theo dõi tiến độ của người học thông qua hệ thống phần mềm quản lý đào tạo của Học viện); Sau mỗi học kỳ; Cuối học kỳ (Ban QLĐT phối hợp với Phòng CTCT&HTSV, Khoa Ngoại ngữ xem xét tình trạng học tập của SV, sau đó sẽ gửi danh sách chính thức những SV thuộc diện kỷ luật ở các mức độ khác nhau kèm Quyết định tới Khoa, SV.

Hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện bởi nhiều bộ phận khác nhau, qua công cụ là phần mềm Maxman Học viện đã có cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện đầy đủ, hiệu quả; hệ thống giám sát phù hợp và áp dụng liên tục đã giúp NH có kết quả trong học tập và rèn luyện tiến bộ dần qua các năm học: Tỷ lệ yếu kém và trung bình của SV năm cuối giảm hơn nhiều so với năm thứ nhất; tỷ lệ đạt loại giỏi, xuất sắc cũng tăng dần theo các năm, tỷ lệ SV ngành Ngôn ngữ Anh hoàn thành chương trình học đúng tiến độ (4 năm) trong chu kỳ đánh giá khá cao. Học viện có hệ thống phần mềm đào tạo Maxman phản hồi về kết quả, tiến độ học tập và rèn luyện của người học đầy đủ, chính xác, kịp

thời và hiệu quả. Tỷ lệ số SV thuộc diện thôi học thấp: 11,42% (2017); 6,66% (2019); 7,14% (2021); tỷ lệ số SV thuộc diện cảnh báo học vụ cũng giảm nhiều: 5,35% (2020)

2. Điểm tồn tại

Học viện và Khoa Ngoại ngữ chưa xây dựng quy trình giám sát kết quả học tập, rèn luyện, tỷ lệ học vượt của người học; số liệu thống kê cho thấy, trong chu kỳ đánh giá, vẫn còn tình trạng sinh viên bỏ học, học quá thời hạn, tốt nghiệp muộn.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện và Khoa Ngoại ngữ cần xây dựng quy trình giám sát kết quả học tập, rèn luyện, tỷ lệ học vượt của người học; cần tăng cường giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học để giảm thiểu tình trạng sinh viên bỏ học, học quá thời hạn, tốt nghiệp muộn.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học

1. Điểm mạnh

Học viện đã ban hành các văn bản liên quan đến quy chế, quy định các hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học: Quy định đào tạo ĐH hình thức chính quy theo hệ thống tín chỉ (số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT, ngày 18/10/2017); Quyết định ban hành chức năng, nhiệm vụ của phòng CTCT và HTSV (số 4239-QĐ/HVBCTT ngày 30/9/2019), Học viện đã phân công bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của NH là đội ngũ chuyên viên VPK, CVHT và các chuyên viên Ban QLĐT, Phòng CTCT&HTSV; ban hành Quy định công tác CVHT bậc ĐH hệ chính quy và bổ nhiệm CVHT hằng năm.

Học viện phân công Khoa đào tạo và phòng CTCT&HTSV chịu trách nhiệm tư vấn hướng nghiệp và hỗ trợ nghề nghiệp cho SV để tăng cường kiến thức thực tiễn và kỹ năng, nghiệp vụ nhằm nâng cao cơ hội việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp; có kế hoạch và triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập, và tăng cường kỹ năng mềm cho SV ngành Ngôn ngữ Anh và các ngành khác trong Khoa và Học viện. Các hoạt động ngoại khóa được tổ chức theo kế hoạch và có báo cáo kết quả thực hiện như: Kế hoạch tổ chức cuộc thi tuyển chọn MC Speak up; kế hoạch tổ chức tập huấn kỹ năng mềm cho SV năm học 2017-2018; kế hoạch tổ chức các hoạt động chào mừng tháng thanh niên năm 2019; kế hoạch tổ chức hoạt động “Tuổi trẻ Học viện học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh năm 2020”; kế hoạch tổ chức tập huấn

kỹ năng mềm năm học 2020-2021; Học viện tổ chức các CLB với đa dạng các lĩnh vực hoạt động, đáp ứng nhu cầu của SV các chuyên ngành thuộc các khoa chuyên môn: đội Văn nghệ Xung kích, CLB Thanh niên vận động hiến máu AJC, CLB Võ thuật, CLB Guitar, CLB Bóng rổ, ... Các hoạt động thi đua, tình nguyện, ngoại khóa như: mùa hè xanh, phục vụ tuyển sinh đại học, hiến máu nhân đạo, các giải bóng đá nam nữ SV, cắm trại, văn nghệ, Phút cuối, Nhật ký 20, các kỳ thi (Olympic tiếng Anh); Các hoạt động thực hành nghề nghiệp tại các CLB đội nhóm thì có: Câu lạc bộ Nhà kinh tế trẻ, Chương trình thực hành kinh doanh và khởi nghiệp....

Khoa Ngoại ngữ và phòng CTCT&HTSV có kế hoạch và triển khai các hoạt động hỗ trợ việc làm cho NH như: thực tế môn học, thực tế chính trị - xã hội, kiến tập trong nước/nước ngoài, thực tập, định hướng/cơ hội nghề nghiệp, kỹ năng mềm, kỹ năng viết CV, phỏng vấn xin việc, kỹ năng chuẩn bị hồ sơ và trả lời phỏng vấn xin việc bằng tiếng Anh... các buổi hội thảo, tọa đàm KH về triển vọng nghề nghiệp cho SV ngành Ngôn ngữ Anh hoặc lồng ghép nội dung này trong các HTKHSV. Mặt khác, Khoa còn chú trọng đến việc liên hệ với các cơ sở kiến tập, thực tập là các cơ quan, doanh nghiệp để giúp SV có cơ hội đến học tập thực tế, học hỏi kinh nghiệm làm việc, tiếp xúc trực tiếp với những NTD trong tương lai, rèn luyện các kỹ năng mềm cần thiết.

Hàng năm, Học viện, Khoa Ngoại ngữ đều có báo cáo, phân tích, đánh giá về các hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác; trên cơ sở đó tiếp tục phát huy những điểm mạnh và có giải pháp hạn chế tồn tại nhằm hỗ trợ tốt nhất cho SV. Trong 3 năm 2018, 2019 và 2020 qua khảo sát về tình trạng việc làm sau khi tốt nghiệp cho thấy tỷ lệ SV ngành Ngôn ngữ Anh tốt nghiệp có việc làm khá cao, trung bình sau một năm tốt nghiệp SV có việc làm đạt 100%, trong đó đúng chuyên ngành là 40% (Báo cáo Tổng kết năm học của Học viện Báo chí và tuyên truyền). Qua phỏng vấn trực tiếp cho thấy, đối tượng là NH và NH tốt nghiệp đều hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm của Học viện và Khoa Ngoại ngữ.

2. Điểm tồn tại

Học viện và Khoa Ngoại ngữ chưa có kế hoạch kiểm tra giám sát và đánh giá kết quả hoạt động của đội ngũ CVHT.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện và khoa cần có kế hoạch định kỳ rà soát, đánh giá hiệu quả của đội ngũ CVHT (hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa và các dịch vụ hỗ trợ NH).

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học

1. Điểm mạnh

Học viện có môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái cho NH và GV thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu (diện tích phòng học là 11,957,9m² trên tổng sinh viên chính quy là 7557 nên diện tích phòng học bình quân là 1,58m²/sv: đáp ứng đủ số lượng phòng học và các yêu cầu khác trong công tác đào tạo của Học viện; Hệ thống phòng làm việc gồm 86 phòng và tòa nhà 11 tầng đầy đủ phương tiện làm việc hành chính); Thư viện sử dụng toà nhà 3 tầng có diện tích hơn 3.000 m² bao gồm 10 phòng học, 05 phòng phục vụ với 300 chỗ ngồi. Thư viện được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động gồm: bàn, ghế, tủ, giá sách, máy số hóa, máy tính, máy photocopy, máy in, ti vi, điều hòa ... đáp ứng yêu cầu sử dụng của CB, GV và SV. Cảnh quan trong Học viện sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh an toàn, tạo sự thuận lợi cho NH, CC, VC và NLD trong các cơ sở đào tạo. Học viện ban hành Quy định về Văn hoá học đường và quy tắc ứng xử văn hoá của sinh viên, Học viện Báo chí và Tuyên truyền (số 5029/QĐ-HVCTQG ngày 26/10/2017; số 4674/QĐ-HVBCTT ngày 30/9/2022) các nội quy/quy tắc ứng xử trong khuôn viên trường và được công bố công khai, Quy định về môi trường, giáo dục an toàn lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường số 80/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017, nội quy Phòng cháy, chữa cháy, kế hoạch tổ chức tập huấn nghiệp vụ và diễn tập PCCC (số 4924/KH-HVBCTT-VP năm 2018).

Qua khảo sát cho thấy, mạng lưới y tế của Học viện, công tác bảo hiểm, công tác khám sức khỏe và truyền thông sức khỏe được thực hiện đảm bảo đúng quy định (Báo cáo Tổng kết năm học của văn phòng học viện, phần của y tế). Công tác kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy được thực hiện hằng năm. Các Biên bản kiểm tra công tác phòng cháy và chữa cháy các năm 2020, 2019, 2018, 2017 đều có kết luận: Phương tiện đảm bảo cho công tác PCCC, các phòng học thông thoáng, hệ thống điện được lắp đặt đúng kỹ thuật.

Hằng năm sinh viên Học viện trong đó có sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh được lấy ý kiến đánh giá về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan sư phạm của Học viện và Khoa theo phiếu khảo sát chung của học viện. Kết quả thống kê cho thấy hầu hết sinh viên hài lòng về cảnh quan môi trường của Học viện, khoa (Báo cáo Tổng kết năm học từ 2017-2018 đến 2020-2021).

2. Điểm tồn tại

Qua khảo sát thực địa tại Học viện cho thấy, không gian tổ chức các hoạt động CLB, sinh hoạt đội nhóm cho SV còn chật hẹp; phòng vấn SV ngành Ngôn ngữ Anh

cho thấy, Học viện chưa bố trí được không gian riêng cho hoạt động chuyên môn giữa CVHT và SV ngành Ngôn ngữ Anh và các ngành khác trong Học viện.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần tạo thêm không gian tổ chức cho các hoạt động CLB, sinh hoạt đội nhóm cho SV; cần bố trí thêm không gian riêng cho hoạt động chuyên môn giữa CVHT và SV ngành Ngôn ngữ Anh và các ngành khác.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 5).

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 8:

1. Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

Học viện có đề án tuyển sinh bao gồm các chính sách và quy định tuyển sinh cụ thể đối với từng ngành đào tạo. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng được xây dựng căn cứ Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, được cập nhật hằng năm và được công khai trên các phương tiện thông tin... có bộ phận chuyên trách và các quy trình/quy định giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH và cảnh báo học vụ, tư vấn việc làm và tư vấn hỗ trợ NH trong học tập, NCKH. Có cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của NH trong học tập và theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ và thôi học của NH.

Hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa, thi đua và nhiều dịch vụ hỗ trợ khác đã khuyến khích SV phấn đấu học tập, NCKH cũng như tu dưỡng, rèn luyện để đạt được những thành tích tốt trong học tập, NCKH; SV còn được học tập, nghiên cứu, rèn luyện và phát triển đầy đủ cả về thể chất lẫn tinh thần trong một môi trường cảnh quan, xã hội và tâm lý thuận lợi.

2. Điểm tồn tại **cơ bản của CTĐT**

Học viện và Khoa Ngoại ngữ chưa phân tích dự báo nhu cầu nguồn nhân lực ngành Ngôn ngữ Anh sát với đối tượng mà Khoa đang đào tạo để có những điều chỉnh trong đề án tuyển sinh hằng năm; chưa mở rộng các mối quan hệ với các đơn vị bên ngoài thông qua các hoạt động NCKH, trao đổi sinh viên, hội nghị, hội thảo nhằm quảng bá hình ảnh Học viện, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh của Học viện nói chung và của ngành Ngôn ngữ Anh nói riêng; chưa triển khai lấy ý kiến đóng góp từ đội ngũ giảng viên, nhân viên của khoa về phương thức xét tuyển và chỉ tiêu tuyển sinh của Học viện nói chung, chuyên ngành nói riêng; chỉ thực hiện khảo sát lấy ý kiến của người học về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Học viện, chưa mở rộng phạm vi và đối tượng khảo sát để có kết quả khách quan hơn.

3. Khuyến nghị đối với CTĐT

Học viện và Khoa cần tiếp tục phân tích dự báo nhu cầu nguồn nhân lực ngành Ngôn ngữ Anh sát với đối tượng mà Khoa Ngoại ngữ đang đào tạo để có những điều chỉnh trong đề án tuyển sinh hằng năm; nên mở rộng hơn nữa các mối quan hệ với các đơn vị bên ngoài thông qua các hoạt động NCKH, trao đổi sinh viên, hội nghị, hội thảo nhằm quảng bá hình ảnh Học viện, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh của Học viện nói chung và của ngành Ngôn ngữ Anh nói riêng; cần triển khai lấy ý kiến đóng góp từ đội ngũ giảng viên, nhân viên của khoa về phương thức xét tuyển và chỉ tiêu tuyển sinh của Học viện nói chung, chuyên ngành nói riêng; cần tạo thêm không gian tổ chức cho các hoạt động CLB, sinh hoạt đội nhóm cho SV; cần bố trí thêm không gian riêng cho hoạt động chuyên môn giữa CVHT và SV ngành Ngôn ngữ Anh và các ngành khác.

IX. Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Điểm mạnh

Học viện/Khoa Ngoại ngữ có đủ hệ thống phòng làm việc (86 phòng) tại tòa nhà 11 tầng, phòng học (90 phòng học lí thuyết gồm 24 phòng học đến 50 chỗ ngồi, 53 phòng đến 100 chỗ, 07 phòng đến 200 chỗ và 01 hội trường trên 200 chỗ ngồi) và 01 phòng học trực tuyến, 60 phòng làm việc chung cho giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu; 02 phòng họp trực tuyến; phòng học rộng rãi (trung bình 6,7m²/SV), thoáng mát, có trang thiết bị phù hợp cho hoạt động đào tạo của Học viện nói chung và cho ngành Ngôn ngữ Anh nói riêng.

Khoa Ngoại ngữ được sử dụng 05 phòng gồm 01 phòng làm việc cho Trưởng khoa (có diện tích là 19,8 m²), 01 phòng làm việc cho Phó Trưởng khoa (diện tích 25,9 m²), văn phòng khoa 02 phòng (gồm cả cho đón tiếp người học) có diện tích 25,9 và 77,6 m², 01 phòng đọc tại Tầng 4 Nhà A1 được trang bị đầy đủ các trang thiết bị văn phòng, có kết nối mạng Internet bằng dây và wifi.

Học viện có nội quy sử dụng tài sản, trang thiết bị trong các phòng học và phòng thực hành do Văn phòng theo dõi hiệu quả sử dụng phục vụ cho đào tạo, NCKH và PVCĐ. Việc bố trí phòng học hợp lí đã đáp ứng tốt yêu cầu sử dụng phòng học cũng như các hoạt động hỗ trợ đào tạo như học nhóm, tự học... Học viện thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi từ GV và NH. Kết quả khảo sát cho thấy tỉ lệ GV hài lòng về thiết bị phòng học tăng từ 40,0% năm 2020 lên 71,4% năm 2021; tỉ lệ NH hài lòng về thiết bị phòng học tăng từ 71,1 năm 2020 lên 92,3% năm 2021. Học viện đã tổng hợp và đề xuất kế hoạch duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp trang thiết bị cần thiết cho phòng học, phòng thực

hành và các phòng chức năng của Khoa phục vụ cho hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD.

Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng được trang bị đầy đủ thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu công việc (điện, quạt, điều hòa không khí, bảng chống lóa, bàn, ghế, tủ làm việc, máy tính nối mạng, hệ thống chiếu sáng, thông gió, thiết bị an toàn...). Trong phòng học, hội trường có trang bị máy chiếu, hệ thống âm thanh, camera, bàn ghế phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu phục vụ cho CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh. Văn phòng Khoa Ngoại ngữ được trang bị 07 bàn làm việc, 05 bàn máy tính, 06 máy in, 08 máy tính để bàn, 14 tủ gỗ và 06 tủ sắt...

2. Điểm tồn tại

Phòng học ứng dụng công nghệ hiện đại (Smart Class) còn ít; một số phòng học đang sử dụng bàn đôi (khó di chuyển khi bố trí lại phòng học để tổ chức các hoạt động dạy học tích cực); phòng tự học chưa đáp ứng đủ cho nhu cầu của SV vào mùa thi.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học vein cần tăng cường số lượng phòng học dạng smart class hướng đến mục tiêu chuyển đổi số trong giáo dục và “Giáo dục 4.0”; cần trang bị bàn đơn cho các phòng học và bố trí phòng học hợp lí hơn cho việc tự học vào mùa thi.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 5).

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Điểm mạnh

Học viện/Khoa có thư viện (thư viện điện tử Kipos phiên bản 6.X với 04 module cơ bản: biên mục tài liệu, lưu thông tài liệu, quản lí ấn phẩm và cổng thông tin điện tử để quản lí toàn bộ các tài liệu in có trong thư viện qua mã vạch và thư viện số Dspace tại địa chỉ truy cập thuvienajc.hcma.vn), phòng đọc tại Trung tâm Thông tin khoa học (Tòa nhà 3 tầng) với diện tích là 3.000m², gồm 10 phòng đọc, 5 phòng phục vụ và 300 chỗ ngồi, có bàn ghế, 48 máy tính tra cứu tiện lợi phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH của CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh.

Thư viện, phòng đọc của Học viện/Khoa có nội qui và hướng dẫn rõ ràng như các qui định về mượn, trả tài liệu, qui định về xử phạt, qui định về việc sử dụng và thời gian mở cửa (từ thứ Hai đến thứ Bảy (phòng mượn chỉ làm việc đến thứ Sáu) Thư viện mở cửa phục vụ bạn đọc từ 7h30 đến 11h30 và 13h00 đến 17h00), được trang bị các trang thiết bị để hoạt động như máy tính để tra cứu thuận tiện, bàn đọc, khu tự học rộng rãi.

Khoa Ngoại ngữ có Tủ sách riêng với những nguồn tài liệu về các sách rèn luyện kĩ năng tiếng Anh, sách giới thiệu về văn hóa và văn học Anh, giáo trình và sách nghiên

cứu về PPGD, đánh giá năng lực ngoại ngữ (do chính các GV, cựu SV của ngành biên soạn) với hàng trăm đầu luận văn phục vụ GV và NH ngành Ngôn ngữ Anh tham khảo trong học tập và NCKH.

Học viện/Khoa có 273 đầu sách/2472 bản học liệu bao gồm giáo trình, tài liệu, sách tham khảo; 377 tài liệu số; 49 luận văn, cơ bản bảo đảm qui định về sở hữu trí tuệ và phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo (47 học phần) và NCKH của GV, NH ngành Ngôn ngữ Anh. Vào đầu năm học, Học viện/Khoa hướng dẫn sử dụng Thư viện và cung cấp tài khoản truy cập thư viện cho người học.

Các tài liệu, học liệu (bản điện tử) của Học viện/Khoa tương đối được cập nhật, cơ bản đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH. Hàng năm, Học viện đầu tư cho mua mới học liệu phục vụ đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh hàng chục triệu đồng (tính cho giai đoạn đánh giá (2017-2021) là 47,1; 34,2; 39,7; 14,6; 64,1 triệu đồng); có dữ liệu theo dõi về hoạt động của thư viện gồm Sổ theo dõi bạn đọc truyền thống để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH. Học viện có khảo sát sự hài lòng của độc giả về mức độ phù hợp của Thư viện, kết quả khảo sát có 87,0% người học năm 2018 và 86,5% năm 2021 hài lòng về thư viện và học liệu.

2. Điểm tồn tại

Một số tài liệu, giáo trình đang là “tài liệu lưu hành nội bộ”; việc hướng dẫn NH khai thác thư viện số hiệu quả chưa cao (một số SV khai thác thư viện số chưa hiệu quả).

Công tác mở rộng hợp tác, liên kết với các thư viện trên cả nước và các tổ chức quốc tế, các nhà xuất bản chưa đạt như kì vọng. Phần mềm quản lí thư viện Kipos của Học viện mới chỉ có 04 module cơ bản, chưa có chức năng thống kê số lượng sách theo ngành, theo năm; chỉ có 01 máy khử từ.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần tăng cường việc kết nối nguồn dữ liệu học liệu số với các trường đại học, tổ chức khác trên cả nước và nâng cao hiệu quả việc khai thác dữ liệu.

Đảm bảo chất lượng học liệu thông qua thúc đẩy việc xuất bản tài liệu lưu hành nội bộ và cập nhật tài liệu học tập thường xuyên hơn; cần tăng số máy khử từ đủ cho phòng mượn tại mỗi tầng của tòa nhà Thư viện; cần đầu tư thêm chức năng thống kê số lượng sách theo ngành, theo năm cho Phần mềm quản lí thư viện Kipos để phục vụ quản lí, báo cáo và KĐCLGD được tiện lợi.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Điểm mạnh

Khoa Ngoại ngữ sử dụng 03 phòng thực hành tiếng (P. 101, 103 và 104 có diện tích tương ứng là 69,4; 33 và 69,4 m²) được trang bị 91 bộ máy tính để bàn (33+25+33) kèm tai nghe, webcam, phần mềm điều khiển Calabo, 01 máy chiếu projector/phòng. Khoa sử dụng các phòng lab thực hành để rèn luyện kỹ năng tiến như ngữ âm, nghe, nói, đọc, biên dịch cho SV ngành Ngôn ngữ Anh. Do tính chất của ngành học, một số tiết học thực hành có thể thực hiện tại lớp học; có 06 phòng thực hành tin học, 12 phòng thực hành kỹ năng nghề nghiệp dùng chung cho các ngành đào tạo của Học viện và các phòng chức năng được trang bị đầy đủ âm thanh, ánh sáng, màn hình LED để phục vụ cho người học tổ chức sự kiện, tranh biện... kỹ năng mềm; có Quy định về quản lý, sử dụng các phòng thực hành (ví dụ Quyết định số 368/QĐ-HVBCCTT ngày 11/02/2020), trong đó nêu rõ mục đích, nguyên tắc, nội dung, qui trình sử dụng phòng thực hành cũng như công tác kiểm tra, khen thưởng và xử lý vi phạm. Trang thiết bị trong phòng thực hành của Khoa Ngoại ngữ được Văn phòng (Bộ phận Thực hành và Hỗ trợ đào tạo) chủ trì việc định kì duy tu, bảo dưỡng và cập nhật/nâng cấp (từ 600 triệu năm 2020 đến hơn 2 tỉ đồng năm 2017) để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và NCKH của ngành Ngôn ngữ Anh; có nhân viên (thuộc Bộ phận Thực hành và Hỗ trợ đào tạo của Văn phòng Học viện) phụ trách phòng thực hành; có hồ sơ theo dõi, quản lý và đánh giá hiệu quả việc sử dụng các trang thiết bị của phòng thực hành; thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ, GV và NH về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng thực hành và các trang thiết bị. Kết quả khảo sát cho thấy hầu hết GV và NH hài lòng về trang thiết bị và các dịch vụ của Học viện. Chẳng hạn, năm 2021, 74.7% GV và 89,5 SV hài lòng về CSVC cho thực hành.

2. Điểm tồn tại

Chưa có phòng thực hành luyện âm và phòng dịch cabin chuyên dụng; việc phân tích kết quả khảo sát sự hài lòng của GV, người học về mức độ phù hợp của phòng thực hành chưa thực sự hiệu quả do sử dụng phiếu hỏi chung cho người học toàn Học viện mà chưa có các câu hỏi riêng đối với ngành Ngôn ngữ Anh.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần tăng cường kỹ năng khai thác, sử dụng các trang thiết bị thực hành cho GV thực sự thành thạo nhằm nâng cao hiệu quả rèn nghề cho NH; cần cải tiến việc thiết kế phiếu hỏi cho hoạt động khảo sát sự hài lòng của GV, người học ngành Ngôn ngữ Anh về mức độ phù hợp của phòng thực hành nghiệp vụ để có đủ cơ sở cải tiến, nâng cao chất lượng.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

Tiêu chí 9.4. Hệ thống CNTT (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Điểm mạnh

Học viện có hệ thống CNTT bao gồm hệ thống 03 máy chủ IBMX3500 M4 có bộ vi xử lý IntelXeonE5-2609 (2.4 GHz, 10M Cache, 4C/4T, Dual LGA 2011) để quản lý CSDL, quản lý các phần mềm quản lý và quản lý công thông tin sinh viên; 610 máy tính có cài đặt phần mềm và được nối mạng, gồm cả 06 phòng thực hành máy tính dùng chung, 99 máy chiếu projectors (Khoa Ngoại ngữ được trang bị riêng 10 máy tính để bàn, 05 máy in) dùng cho văn phòng phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH.

Hệ thống CNTT của Học viện hoạt động ổn định, an toàn (Học viện sử dụng 02 hệ đường truyền internet Leased Line do FPT cung cấp có tốc độ 6Mbps truyền đi quốc tế, 300Mbps truyền trong nước phục vụ công tác quản lý và 04 kênh FTTH do FPT và VNPT cung cấp có tốc độ 100Mbps/kênh) để hỗ trợ các hoạt động quản lý, đào tạo và NCKH; có các biện pháp bảo vệ an toàn, an ninh dữ liệu như hệ thống tường lửa (2 thiết bị Palo alto PA-500) cho hệ thống mạng LAN, phần mềm diệt virus bản quyền cho các máy chủ, chia VLAN mạng nội bộ, phân vùng wifi kèm đặt mật khẩu truy cập...

Công tác tin học hoá các hoạt động quản lý của Học viện đã bước đầu được chú trọng, như sử dụng 06 phần mềm quản lý các lĩnh vực hoạt động chủ yếu của Học viện. Ngoài ra, Học viện còn sử dụng Microsoft Teams để giảng dạy, KTĐG và quản lý việc dạy học trực tuyến (có Quy định về công tác tổ chức kì thi học phần theo hình thức trực tuyến dành cho sinh viên đại học chính qui tập trung gồm 12 trang; Hướng dẫn coi thi trực tuyến trên phần mềm Teams gồm 04 trang và Hướng dẫn thi trực tuyến trên phần mềm Teams gồm 04 trang).

Hệ thống CNTT của Học viện/Khoa được định kì sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng và cập nhật thông qua việc kí kết các hợp đồng kinh tế hạ tầng mạng, cung cấp bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp, sửa chữa hệ thống CNTT hàng năm để hỗ trợ tốt các hoạt động đào tạo và NCKH. Trong thời gian Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài làm việc, tốc độ wifi tại phòng làm việc của Đoàn ổn định, đáp ứng yêu cầu công việc; đã lấy ý kiến phản hồi của NH về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCD của hệ thống CNTT. Kết quả cho thấy mức độ hài lòng của NH về hệ thống CNTT tăng từ 71,1% năm 2020 đến 92,3% năm 2021.

2. Điểm tồn tại

Chưa có phần mềm quản lý tương tác giữa GV và NH trong dạy-học trực tuyến (việc quản lý, giám sát đánh giá online chưa thực sự hiệu quả); chưa có phòng studio để sản xuất học liệu e-learning riêng (đang dùng chung với phòng thực hành nghề); chưa có phần mềm quản lý minh chứng phục vụ công tác KĐCLGD; việc số hóa minh chứng/văn bản còn hạn chế.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Cần phát triển phần mềm quản lý giảng dạy trực tuyến để quản lý, giám sát tương tác giữa dạy và học, KTĐG trực tuyến; trang bị phòng studio để sản xuất học liệu e-learning; cần tăng cường tin học hóa (ứng dụng CNTT) trong quản lý và đào tạo, đặc biệt hoàn thiện phần mềm quản lý tổng thể (Single Sign on) để việc sử dụng, quản lý được thuận tiện; cần phát triển phần mềm quản lý minh chứng phục vụ công tác kiểm định; tăng cường việc số hóa minh chứng/văn bản.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Điểm mạnh

Học viện áp dụng qui định các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe theo Nghị định 80/2017/NĐ-CP và Thông tư 38/2019/TT-BLĐTBXH (chưa có qui định riêng); có các qui định, nội qui về an ninh, an toàn, trật tự, phòng chống cháy nổ được bố trí trong khuôn viên, giảng đường, phòng thực hành... để toàn thể CB, GV, NV, NH biết và thực hiện; Học viện có kí túc xá (độc lập), khu thể thao, căng-in (xã hội hóa), trạm y tế (04 phòng, có phòng lưu bệnh nhân trong vòng 12 giờ) rộng rãi, thoáng mát, sạch sẽ, tiện dụng; cảnh quan môi trường thoáng đãng (5,6ha), xanh, sạch, đẹp: khuôn viên Học viện thiết kế như công viên với 497 cây xanh các loại (360 cây bóng mát, 137 cây cảnh), 241 chậu cảnh, 04 bể cảnh và khoảng 2.576m² thảm cỏ xanh.

Các qui định/tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được triển khai thực hiện như môi trường sinh thái và môi trường học tập, công tác y tế học đường, công tác đảm bảo an toàn cho người học, vệ sinh an toàn thực phẩm; phối hợp với Cảnh sát PCCC tập huấn cho CB, GV và người học về kiến thức, pháp luật PCCC; thường xuyên tự kiểm tra, phát hiện và khắc phục những sơ hở, thiếu sót về PCCC, triển khai các hoạt động liên quan đến phòng chống cháy nổ trong khuôn viên Học viện. Để việc di chuyển và sinh hoạt thuận lợi cho mọi đối tượng, Học viện có hệ thống lối đi thân thiện, có độ dốc ít dành cho người khuyết tật.

Học viện đã thực hiện lấy ý kiến phản hồi của GV và NH định kì về môi trường, sức khỏe và an toàn với tỉ lệ hài lòng khá cao (kết quả khảo sát năm 2021 cho thấy có 85,4% NV, 85,7 GV và 96,2 SV hài lòng về môi trường tâm lí, xã hội; 91,2 SV hài lòng về môi trường cảnh quan sư phạm).

2. Điểm tồn tại

Học viện chưa cụ thể hóa qui định các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn; chưa có phân loại rác thải ban đầu (thùng đựng rác thải tái chế, thùng đựng rác thải hữu cơ, thùng đựng chai/lọ thủy tinh, thùng đựng pin).

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Cần cụ thể hóa Nghị định 80/2017/NĐ-CP và Thông tư 38/2019/TT-BLĐTBXH thành qui định riêng của Học viện về tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn; cần trang bị dụng cụ (thùng đựng) để phân loại rác thải ban đầu để giảm tải cho các bãi rác/nhà máy xử lý, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 5).

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 9:

1. Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

Có đủ hệ thống phòng làm việc (86 phòng), phòng học (90 phòng) và phòng học trực tuyến (01), phòng thực hành tin học (06), phòng chức năng và phòng làm việc dùng chung cho giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu (60); hệ thống CNTT, KTX, thư viện, căng-tin, khu thể thao phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ; thư viện số và thư viện điện tử có đủ tài liệu học tập. Có 3 phòng lab chuyên dụng cho thực hành tiếng. Công tác tin học hoá việc quản lý trường học và an toàn dữ liệu bước đầu được chú trọng. Tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH. Kết quả khảo sát sự hài lòng về mức độ phù hợp của CSVC, chất lượng phục vụ, về môi trường, sức khỏe và an toàn đạt cao.

2. Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT

Phòng học ứng dụng công nghệ hiện đại (Smart Class) của Học viện còn ít. Việc hợp tác, liên kết với các thư viện của CSGD khác và các tổ chức quốc tế, các nhà xuất bản chưa đạt như kì vọng; phần mềm quản lý thư viện Kipos chưa có chức năng thống kê số lượng sách theo ngành, theo năm; đang sử dụng nhiều tài liệu nội bộ (chưa xuất bản). Chưa có phòng thực hành luyện âm và phòng dịch cacbin chuyên dụng. Chưa có phần mềm quản lý tương tác giữa GV và NH trong dạy-học trực tuyến, việc sản xuất học liệu e-learning còn hạn chế; chưa có phần mềm quản lý minh chứng phục vụ công tác kiểm định.

3. Khuyến nghị đối với CTĐT

Tăng số lượng phòng học ứng dụng công nghệ hiện đại (Smart Class). Tăng cường việc kết nối nguồn dữ liệu học liệu số với các trường đại học khác và nâng cao hiệu quả việc khai thác dữ liệu số; đầu tư thêm chức năng thống kê số lượng tài liệu theo ngành, theo năm cho phần mềm quản lý thư viện Kipos; rà soát ĐCHP thường xuyên hơn để bổ sung, cập nhật tài liệu học tập; tăng số máy khử từ. Trang bị phòng thực hành

luyện âm và phòng dịch cacbin chuyên dụng. Phân tích kết quả khảo sát sự hài lòng của GV, người học về mức độ phù hợp của phòng thực hành một cách hiệu quả hơn. Đầu tư phần mềm quản lý tương tác giữa GV và người học trong dạy-học trực tuyến, tăng cường sản xuất học liệu e-learning; phát triển phần mềm quản lý minh chứng phục vụ công tác kiểm định.

X. Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học

1. Điểm mạnh

Học viện có hệ thống văn bản quy định và hướng dẫn các đơn vị triển khai thực hiện lấy ý kiến của các BLQ trong quá trình thiết kế và phát triển CTDH: Quy chế lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về chất lượng đào tạo; Quy trình xây dựng và đánh giá CTĐT; Quy định về việc lấy ý kiến phản hồi của các BLQ; xây dựng hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các BLQ làm căn cứ để xây dựng, điều chỉnh cải tiến CTDH. Học viện đã thành lập Trung tâm KT&KĐCLĐT (số 876/QĐ-HVCT-HVQG ngày 26/4/2012) làm đầu mối triển khai hoạt động khảo sát phản hồi ý kiến của các BLQ về chất lượng đào tạo.

Quy trình xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT ban hành CTĐT gồm 10 bước: yêu cầu tổ chức lấy ý kiến các BLQ gồm CB quản lý, GV, NTD và cựu SV. Trung tâm KT&KĐCLĐT phối hợp cùng với Ban QLĐT, Phòng CTSV hỗ trợ, hướng dẫn các khoa thu thập thông tin bằng các biểu mẫu và qui trình khảo sát ý kiến các BLQ.

Thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ của ngành Ngôn ngữ Anh được thu thập, xử lý và sử dụng để phát triển CTDH, thông qua ý kiến của một số GV, NTD, SV và cựu SV vào năm 2018, 2020. Kết quả khảo sát các NTD năm 2020 cho thấy 96,03% NTD được khảo sát hài lòng với chất lượng SV tốt nghiệp từ ngành Ngôn ngữ Anh - HVBC TT với mức hài lòng tổng thể với chất lượng SV tốt nghiệp trung bình 4,03/5 với các tiêu chí kiến thức, kỹ năng chuyên ngành; kỹ năng chung; phẩm chất cá nhân và năng lực tự chủ. 88,89% NTD cho rằng kiến thức, kỹ năng của SV tốt nghiệp từ ngành Ngôn ngữ Anh của HVBC TT hoàn toàn đáp ứng được yêu cầu công việc...

Trên cơ sở sử dụng kết quả phản hồi của các BLQ, Học viện đã triển khai rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện/đánh giá, cập nhật CTĐT; CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh được rà soát, cập nhật định kỳ vào các năm 2016, 2018, 2020. Qua các lần rà soát, CTĐT đã được điều chỉnh cần thiết đáp ứng yêu cầu của NTD về chuyên môn nghiệp vụ đối với cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh.

2. Điểm tồn tại

Việc tổ chức khảo sát lấy ý kiến của NTD về mức độ hài lòng đối với chất lượng

đào tạo của HVBC&TT chưa được tổ chức thường xuyên hàng năm; số lượng ý kiến phản hồi của cựu SV ngành Ngôn ngữ Anh còn hạn chế.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng:

Khoa Ngoại ngữ cần mở rộng đối tượng khảo sát để nhận được mạng lưới các đơn vị sử dụng lao động để tăng số lượng NTD góp ý về CTĐT nhằm thu thập dữ liệu một cách có hệ thống, đa dạng phục vụ tốt hơn cho việc thiết kế và phát triển CTDH.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được xác lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Điểm mạnh

Học viện đã xây dựng qui trình thiết kế và phát triển về xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT; Việc thiết kế và phát triển CTDH đã được cải tiến. Quy trình năm 2018 gồm 9 bước, quy trình năm 2020 gồm có 10 bước: từ bước Đề xuất đánh giá/ cập nhật CTĐT; Lập kế hoạch đánh giá/cập nhật CTĐT; Lấy ý kiến các BLQ ...cho đến phê duyệt và ban hành CTĐT; Việc rà soát, cập nhật điều chỉnh CTĐT thực hiện định kỳ 2 năm/lần theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong chu kỳ đánh giá, Khoa đã thực hiện 02 lần sửa đổi bổ sung CTĐT.

Học viện đã lập các kế hoạch điều chỉnh CTĐT theo hệ thống tín chỉ; kế hoạch rà soát CTĐT năm 2020 và ban hành văn bản hướng dẫn rà soát CTĐT đại học; đã xem xét, đánh giá hoạt động rà soát, điều chỉnh CTDH và cải tiến cách thức thực hiện bằng cách lấy ý kiến của các GV, NTD, Chuyên gia, SV, cựu SV và ý kiến phản hồi của các SV về các môn học sau mỗi cuối học kỳ, SV cuối khoá sau khi học xong chương trình thông qua các biểu mẫu khảo sát về chất lượng giờ giảng và môn học về chất lượng đào tạo; về CTDH...

Căn cứ vào ý kiến đóng góp của các BLQ, các buổi tọa đàm, hội thảo và phân tích kết quả khảo sát về CTDH, Học viện đã chỉnh sửa CTDH, tổ chức nghiệm thu và ban hành theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và các văn bản hướng dẫn của Học viện (BB họp hội đồng khoa tọa đàm về CTĐT và các đề cương học phần; BB Hội thảo khoa học). Quá trình cải tiến thực hiện rà soát, đánh giá việc thiết kế và phát triển CTDH tại Học viện đã góp phần nâng cao chất lượng CTDH, đáp ứng yêu cầu xã hội.

2. Điểm tồn tại:

Việc khảo sát ý kiến về thiết kế và phát triển CTDH dùng chung mẫu của Học viện nên chưa nêu được một số nội dung yêu cầu riêng của từng ngành.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng:

Học viện nên rà soát, điều chỉnh một số nội dung trong phiếu khảo sát, lấy ý kiến

mang tính riêng biệt của từng ngành để các dữ liệu thu thập được đem lại hiệu quả phục vụ tốt hơn cho việc cải tiến CTDH.

4. Những điểm chưa rõ: Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

1. Điểm mạnh

Học viện BC&TT đã ban hành văn bản quy định về quy trình xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT và thường xuyên rà soát, đánh giá, cập nhật và điều chỉnh CTĐT, CDR, phương pháp KTĐG kết quả học tập của SV và các văn bản hướng dẫn thiết kế phương pháp KTĐG học phần; Hướng dẫn xây dựng CDR CTĐT; Quy định về đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ; Quy định xây dựng, rà soát và cập nhật ngân hàng đề thi.

Học viện đã quy định chức năng nhiệm vụ của một số đơn vị chức năng: Ban QLĐT; Trung tâm KT và ĐBCLĐT; trong đó nêu rõ các nhiệm vụ liên quan đến việc rà soát, đánh giá quá trình dạy học, đánh giá kết quả học tập của SV như Quy trình ra đề thi, quản lý và in sao đề thi, trong đó có các yêu cầu cụ thể về đề thi phải bao quát chương trình môn học, phải đánh giá được mức độ đạt mục tiêu và CDR của các học phần; đề thi phải có kết cấu câu hỏi hợp lý giữa các câu hỏi và đảm bảo tính đồng đều và độ khó giữa các đề thi, tương thích với lượng thời gian làm bài quy định đối với học phần đó.

Học viện đã ban hành các văn bản quy định và hướng dẫn thiết kế và sử dụng phương pháp dạy học đáp ứng CDR; Hướng dẫn thiết kế phương pháp KTĐG học phần; xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi. Các hình thức đánh giá, các bước của quá trình đánh giá từ khâu xây dựng ngân hàng đề thi, xây dựng đề thi, coi thi, chấm thi..được thực hiện đúng theo các quy định và hướng dẫn.

Học viện đã triển khai rà soát, đánh giá thường xuyên việc dạy và học để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR, việc sử dụng các phương pháp giảng dạy, học tập và kiểm tra, đánh giá SV thông qua việc tổ chức Hội nghị đào tạo vào cuối năm học (BC tổng kết các năm học); định kỳ thực hiện khảo sát ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV; các hoạt động dự giờ lên lớp của Khoa/ bộ môn (BB họp dự giờ GV của Khoa; Kết quả theo dõi kiểm tra việc giảng dạy của BQLĐT 2017-2021). Kết quả khảo sát năm 2020, tỷ lệ SV hài lòng với phương pháp KTĐG là 89,5% , năm 2021 là 89,90%.

2. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi về các phương pháp KTĐG hoạt động giảng dạy của các nhà khoa học, các chuyên gia giáo dục còn hạn chế.

Khoa có thực hiện việc phân tích kết quả KTĐG, có phân tích phổ điểm một số

môn học nhưng Biên bản các cuộc họp đánh giá kết quả dạy học và KTĐG chưa nêu bật được những đề xuất cần cải tiến khi sử dụng các phương pháp KTĐG kết quả học tập của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng:

Học viện cần có quy định, quy trình làm rõ việc rà soát đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học sau mỗi đợt thi kết thúc học phần để đảm bảo sự tương thích với CDR; cần nghiên cứu để từng bước cải tiến, áp dụng các hình thức KTĐG tiên tiến hơn, đảm bảo đánh giá tốt hơn năng lực người học, tương thích và phù hợp với CDR.

4. Những điểm chưa rõ: Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Chưa đạt (Mức 3).

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1. Điểm mạnh

Học viện ban hành Quy chế quản lý hoạt động NCKH trong đó quy định đầy đủ về quản lý hoạt động NCKH; hoạt động NCKH; hoạt động khai thác, trao đổi, phổ biến thông tin khoa học; hoạt động phục vụ khoa học (số 881/QĐ-HVBCTT ngày 25/9/2011); Học viện cũng đã ban hành Quy định về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong hoạt động KH và CN (số 5061/QĐ-HVBCTT ngày 27/12/2017) hướng dẫn và chính sách thúc đẩy hoạt động NCKH trong GV và SV. Trong giai đoạn 2017-2021, Các GV ngành Ngôn ngữ Anh có 21 công trình khoa học được sử dụng làm tài liệu bắt buộc, tham khảo trong đó có 8 công trình được xuất bản làm giáo trình như: Giáo trình thực hành dịch 2; Giáo trình tiếng Anh HP1 dành cho SV Chất lượng cao; Giáo trình âm ngữ học và Giáo trình từ vựng học; SV thực hiện 05 đề tài; (Thống kê các đề tài NCKH của GV, SV ngành Ngôn ngữ Anh; Thống kê các công trình khoa học được sử dụng làm tài liệu giảng dạy học tập).

Các kết quả NCKH được áp dụng trong nội dung giảng dạy của một số CTDH, đặc biệt với các đề tài khá thực tiễn gắn kết với chuyên môn ngành học: Thực trạng sử dụng thuật ngữ báo chí có nguồn gốc tiếng Anh; Công nghệ với dịch thuật; Kỹ năng viết tiếng Anh cho SV hệ Chất lượng cao.... Bên cạnh đó GV còn tạo điều kiện, hỗ trợ SV tham gia cộng tác với GV trong NCKH; đã tổ chức các hội thảo chia sẻ kết quả nghiên cứu, trao đổi cách thức áp dụng hiệu quả các kết quả NCKH vào công tác giảng dạy và giải quyết các vấn đề thực tiễn (Biên bản tọa đàm, hội thảo xây dựng CTĐT).

2. Điểm tồn tại

Các đề tài Khoa Ngoại ngữ thực hiện chủ yếu là các đề tài NCKH cấp cơ sở (38/40 đề tài), Đề tài NCKH ở cấp cao hơn (2/40 đề tài), chưa có GV của Khoa đảm nhiệm vị

trí chủ nhiệm đề tài cấp bộ hay Nhà nước; tham gia NCKH chưa đồng đều, chỉ tập trung ở một số GV, một số GV trẻ chưa tích cực tham gia hoạt động NCKH.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng:

Học viện cần quan tâm bồi dưỡng nâng cao năng lực NCKH của GV và đặc biệt đội ngũ GV trẻ trong Khoa để họ có thể đảm nhiệm được vị trí chủ nhiệm Đề tài NCKH cấp bộ và cấp Nhà nước.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Điểm mạnh

Học viện có văn bản qui định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ thông qua định kỳ khảo sát ý kiến các BLQ, các qui định thực hiện báo cáo về CSVC, thư viện, kiểm kê, kiểm tra trang thiết bị, nội qui sử dụng trang thiết bị; lập kế hoạch thực hiện việc cải thiện chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích.

Học viện thực hiện việc đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ thông qua các báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát SV cuối khoá về chất lượng đào tạo, kết quả khảo sát GV, cán bộ nghiên cứu về CSVC của Học viện và nắm bắt nhu cầu của SV (sổ tay ghi chép ý kiến SV hàng tháng); Mức độ hài lòng của GV tăng dần qua các năm. Cụ thể, năm 2019, tỷ lệ hài lòng của GV về CSVC là 54,8%; Năm 2020 là 80% và Năm 2021 là 84,62% . Kết quả khảo sát SV cuối khoá năm học 2021 cho thấy, tỷ lệ SV hài lòng các tiêu chí về CSVC đạt 4,2/5 trở lên (BC tổng hợp kết quả khảo sát GV, SV, NV từ năm 2017- 2021);

Thông qua việc kiểm kê và đánh giá lại tài sản cố định hàng năm về các trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động giảng dạy và kết quả các khảo sát ý kiến đóng góp của CB, GV, Học viện đã thực hiện cải tiến chất lượng một số dịch vụ hỗ trợ: Nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo; hợp đồng thuê riêng kênh kết nối Internet; nâng cấp các thiết bị CNTT (Máy tính, ổ cứng); mua phần mềm: chấm thi, dạy học; thi trắc nghiệm; quản lý tài sản; quản lý thư viện; học tiếng Anh,...); triển khai 12 gói thầu nâng cấp toàn bộ thư viện; lắp đặt hệ thống điều hoà tại tất cả các phòng học; những thiết bị cũ hư hỏng nhiều sẽ được thanh lý và thay thế trang thiết bị mới; lắp đặt thêm hệ thống Wifi; bổ sung giáo trình tài liệu tham khảo, cải thiện hệ thống âm thanh tại các phòng học...

2. Điểm tồn tại

Nội dung trong phiếu khảo sát sự hài lòng của SV về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ

và tiện ích chưa được rà soát, cập nhật điều chỉnh hàng năm (các mẫu phiếu khảo sát trong chu kỳ đánh giá gần như ko có thay đổi về nội dung trong bảng hỏi). Phiếu khảo sát sử dụng chung cho toàn trường nên một số nội dung chưa thể hiện được tính chuyên biệt, cụ thể của ngành.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng:

Khoa và các đơn vị chức năng cần có kế hoạch thu thập ý kiến phản hồi từ các BLQ đối với các hoạt động chuyên biệt của ngành với mẫu phiếu khảo sát đầy đủ thông tin chuyên sâu phục vụ việc cải tiến chất lượng cho đơn vị mình. Báo cáo kết quả khảo sát của các đơn vị cần có nội dung phân tích những điểm tồn tại cho từng hoạt động và đề xuất kế hoạch cải tiến cụ thể để lãnh đạo Học viện xem xét phê duyệt đưa vào kế hoạch chung.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. Điểm mạnh

Học viện đã ban hành Quy chế lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về chất lượng đào tạo; thành lập Trung tâm KT &ĐBCLĐT (số 4237 QĐ-HVBC TT ngày 30/9/2014) trong Quyết định đã nêu rõ chức năng nhiệm vụ cụ thể của Trung tâm KT&ĐBCLĐT là đơn vị đầu mối phối hợp với Khoa đào tạo, các phòng ban chức năng (Ban TCCB; Ban QLĐT; Phòng CTHTSV, Thư viện, văn phòng, Ban KH-TC quản trị) định kì tổ chức lấy ý kiến phản hồi các BLQ; cơ chế phản hồi của các BLQ đã được thiết lập có tính hệ thống và đã tiếp nhận đánh giá thông qua các qui trình khảo sát lấy ý kiến các BLQ với các nội dung: sự hài lòng của SV cuối khóa học; về hoạt động giảng dạy của GV... Việc lấy ý kiến phản hồi của SV, GV về CSVC, các NTD được thực hiện theo các bước: Lập kế hoạch khảo sát các BLQ; BGĐ phê duyệt; gửi thông báo đến các khoa; gửi thông báo khảo sát/phiếu khảo sát đến các BLQ theo Kế hoạch đã ban hành; Phân tích dữ liệu, viết báo cáo kết quả khảo sát và phản hồi tới các BLQ; thực hiện cải tiến chất lượng đào tạo và hỗ trợ đào tạo.

Kết quả phản hồi của các BLQ làm căn cứ để Học viện xây dựng và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng.

2. Điểm tồn tại

Học viện chưa xem xét, đánh giá, tìm hiểu ý kiến SV về nội dung và số câu hỏi trong các mẫu phiếu khảo sát về CTĐT, dự thảo CDR, CSVC, công tác dạy học, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích và NCKH; các phiếu khảo sát chưa được rà soát định kỳ phù hợp với các hoạt động cải tiến chất lượng.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng:

Cần xem xét, đánh giá, tìm hiểu ý kiến SV về nội dung và số câu hỏi trong các mẫu phiếu khảo sát về CTĐT, dự thảo CĐR, CSVC, hoạt động dạy - học, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích và NCKH để thu được các dữ liệu phù hợp hơn; nên định kỳ rà soát mẫu phiếu khảo sát cho phù hợp với các hoạt động cải tiến chất lượng của Học viện.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Chưa đạt (Mức 3).

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 10:

1. Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

Học viện có hệ thống văn bản quy định và hướng dẫn các đơn vị triển khai thực hiện lấy ý kiến của các BLQ trong quá trình thiết kế và phát triển CTDH; có quy trình xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT; có các bước thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực và phản hồi từ các BLQ; có các quy định về quản lý quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập của người học đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Khoa Ngoại ngữ có đề tài NCKH được vận dụng có hiệu quả trong hoạt động và giảng dạy.

Các đơn vị của Học viện có sự phối hợp triển khai các đợt khảo sát và có báo cáo đánh giá mức độ đáp ứng của các hoạt động hỗ trợ dịch vụ và tiện ích đối với người học; hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các BLQ và có hệ thống các đơn vị thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi của các BLQ có sự điều chỉnh sau mỗi năm nhằm đáp ứng việc thu thập đầy đủ thông tin.

Việc rà soát, cập nhật điều chỉnh CTĐT thực hiện định kỳ 2 năm/lần theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Việc thiết kế và phát triển CTDH đã được cải tiến sau khi rà soát.

2. Điểm tồn tại

Việc tổ chức khảo sát lấy ý kiến của NTD về mức độ hài lòng đối với chất lượng đào tạo của HVBC&TT chưa được tổ chức thường xuyên hàng năm; số lượng ý kiến phản hồi của cựu SV ngành Ngôn ngữ Anh còn hạn chế; khảo sát ý kiến về thiết kế và phát triển CTDH dùng chung mẫu của Học viện nên chưa nêu được một số nội dung yêu cầu riêng của từng ngành; lấy ý kiến phản hồi về các phương pháp KTĐG hoạt động giảng dạy của các nhà khoa học, các chuyên gia giáo dục còn hạn chế.

Trong báo cáo tiêu chuẩn 10 chưa nêu rõ Khoa Ngoại ngữ thực hiện việc phân tích phổ điểm để làm căn cứ giám sát, cải tiến phương pháp KTĐG kết quả học tập của người học; các đề tài Khoa ngoại ngữ Anh thực hiện chủ yếu là các đề tài NCKH cấp cơ sở (38/40 đề tài), chưa có GV của Khoa Ngoại ngữ đảm nhiệm vị trí chủ nhiệm đề tài cấp bộ hay Nhà nước; tham gia NCKH chưa đồng đều, chỉ tập trung ở một số GV (7/33

GV), một số GV trẻ chưa tham gia hoạt động NCKH.

Nội dung trong phiếu khảo sát sự hài lòng của SV về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích chưa được rà soát, cập nhật điều chỉnh hàng năm; phiếu khảo sát sử dụng chung cho toàn trường nên một số nội dung chưa thể hiện được tính chuyên biệt, cụ thể của ngành; chưa xem xét, đánh giá, tìm hiểu ý kiến SV về nội dung và số câu hỏi trong các mẫu phiếu khảo sát về CTĐT, dự thảo CDR, CSVC, công tác dạy học, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích và NCKH.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng:

Khoa Ngoại ngữ cần mở rộng đối tượng khảo sát để tăng số lượng NTD góp ý về CTĐT nhằm thu thập dữ liệu một cách có hệ thống, đa dạng phục vụ tốt hơn cho việc thiết kế và phát triển CTDH; cần có quy định, quy trình làm rõ việc phân tích các phổ điểm sau mỗi đợt thi kết thúc học phần. Khoa Ngoại ngữ cần nghiên cứu để từng bước cải tiến, áp dụng các hình thức KTĐG tiên tiến hơn, đảm bảo đánh giá tốt hơn năng lực người học; cần có kế hoạch thu thập ý kiến phản hồi từ các BLQ đối với các hoạt động riêng với mẫu phiếu khảo sát đầy đủ thông tin chuyên sâu phục vụ việc cải tiến chất lượng cho đơn vị mình. Báo cáo kết quả khảo sát của các đơn vị cần có nội dung phân tích những điểm tồn tại cho từng hoạt động và đề xuất kế hoạch cải tiến cụ thể để lãnh đạo Học viện xem xét phê duyệt đưa vào kế hoạch chung; cần quan tâm bồi dưỡng nâng cao năng lực NCKH của GV và đặc biệt đội ngũ GV trẻ trong Khoa để họ có thể đảm nhiệm được vị trí chủ nhiệm Đề tài NCKH cấp bộ và cấp Nhà nước; cần xem xét, đánh giá, tìm hiểu ý kiến SV về nội dung và số câu hỏi trong các mẫu phiếu khảo sát về CTĐT, dự thảo CDR, CSVC, hoạt động dạy - học, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích và NCKH để thu được các dữ liệu phù hợp hơn; cần định kỳ rà soát mẫu phiếu khảo sát cho phù hợp với các hoạt động cải tiến chất lượng của Học viện.

XI. Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Điểm mạnh

Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của SV ngành học được Học viện giao cho Ban QLĐT là đơn vị chủ trì thực hiện; Khoa Ngoại ngữ là đơn vị phối hợp. Việc quản lý kết quả học tập, theo dõi số SV thôi học và tốt nghiệp được thực hiện qua phần mềm quản lý đào tạo. Cuối mỗi học kỳ, Ban QLĐT đều thống kê và có quyết định danh sách các SV thuộc diện cảnh báo học vụ để gửi về Khoa. Công tác xét tốt nghiệp được Học viện tổ chức chặt chẽ, đúng quy chế. Mỗi năm, Học viện tổ chức xét tốt nghiệp 02 lần. Danh sách SV thôi học và tốt nghiệp được xác lập, cập nhật hàng năm và đều được gửi đến các khoa

để theo dõi.

Khảo sát thực tế nhận thấy, Học viện lưu trữ đầy đủ quyết định cho SV thôi học, nghỉ học có thời hạn và tốt nghiệp. Kết quả thống kê của Học viện cho thấy, tỉ lệ SV thôi học của các khoá tuyển sinh năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021 tương ứng là 9,52%, 20,0%, 11,62%, 8,88%, 3,6% (trung bình là 10,7%); tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn của các khoá từ 2014-2018 đến khoá 2017-2021 tương ứng là 77,5%, 65,0%, 38,1%, 76,9% (trung bình 64,4%). Không có SV nào tốt nghiệp trước hạn.

Tình hình SV thôi học, tốt nghiệp đúng hạn đã được Khoa/Học viện đánh giá, phân tích thông qua các cuộc họp chuyên đề về đào tạo hoặc tổng kết học kỳ/năm học. Hằng năm Khoa đều có cuộc họp thảo luận về phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp hỗ trợ người học thuộc diện cảnh báo học vụ và còn nợ chưa tốt nghiệp (Biên bản họp Khoa ngày 18/06/2021). Khoa đã có một số cuộc họp thảo luận về tình trạng thôi học, chậm tốt nghiệp của SV và nhận thấy, tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn thấp là do SV không đạt CĐR về tin học và ngoại ngữ và còn nợ một số HP; SV thôi học chủ yếu ở năm thứ hai với nhiều lý do khác nhau như đi du học, chuyển trường, hoàn cảnh gia đình hoặc kết quả học tập kém. CVHT là đầu mối gặp gỡ SV có kết quả học tập kém để tìm hiểu nguyên nhân và đề xuất biện pháp giúp đỡ (tư vấn tâm lý, trao đổi trực tiếp với gia đình...). CVHT đã cố vấn cho SV lập kế hoạch học tập phù hợp với năng lực và hoàn cảnh như nhiệm vụ được quy định trong quyết định số 3935/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 25/11/2015.

Khoa đã thực hiện đối sánh tỉ lệ SV thôi học, tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn của ngành học giữa các khoá, đối sánh với SV của 06 ngành khác như ngành Xuất bản, Kinh tế chính trị, Lịch sử Đảng, Chủ nghĩa xã hội khoa học ...trong Học viện để cải tiến chất lượng.

2. Điểm tồn tại

Tỉ lệ SV thôi học mặc dù không quá cao nhưng số SV thôi học lại nằm rải rác ở tất cả các năm. Hiệu quả của việc đối sánh tỉ lệ SV thôi học và tỉ lệ SV tốt nghiệp của ngành học với SV các ngành khác trong Học viện và với SV cùng ngành của các trường đại học khác trong nước chưa hiệu quả như số liệu đối sánh còn ít, chưa khai thác hết giá trị của những số liệu thống kê do Ban QLĐT xác lập.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Ban Quản lý đào tạo cần hoàn thiện quy trình xác lập số liệu về tình trạng SV thôi học và tốt nghiệp theo khoá đào tạo của tất cả các CTĐT đại học và sau đại học; cần quan tâm hơn đến công tác hướng nghiệp thông qua công tác truyền thông tuyển sinh, thông qua các hoạt động giới thiệu sâu về ngành học cho SV ngay từ năm thứ nhất (mời

các nhà lãnh đạo quản lý, các nhà khoa học đến giao lưu với người học...) để khơi dậy và hun đúc lòng yêu nghề cho SV; CVHT cần gần gũi và sâu sát hơn với SV để nắm bắt kịp thời hoàn cảnh, tâm tư, nguyện vọng của SV nhất là với các SV thuộc diện cảnh báo học vụ. Số liệu thống kê cần được chi tiết hơn như có bao nhiêu SV thôi học do tự bỏ học, bao nhiêu bị buộc thôi học vì học lực yếu và bị kỷ luật, bao nhiêu chuyển trường, đi du học, bỏ học để đi làm...

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Điểm mạnh

Ban QLĐT là đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý kết quả học tập, tổ chức xét tốt nghiệp và quản lý hồ sơ cấp bằng tốt nghiệp của SV. Quy chế đào tạo và phần mềm quản lý đào tạo là công cụ chính để giám sát, thống kê tình hình tốt nghiệp và xác lập thời gian tốt nghiệp trung bình của SV các khoá đào tạo. Theo quy chế đào tạo của Học viện thì thời gian đào tạo chuẩn của ngành học là 04 năm, thời gian tối đa là 06 năm. Kết quả thống kê cho thấy, thời gian tốt nghiệp trung bình của SV các khoá 2014-2018 đến khoá 2017-2021 tương ứng là 4,2 năm, 4,2 năm, 4,5 năm, 4,1 năm (bình quân là 4,3 năm).

Khảo sát thực tế nhận thấy, kết quả xét tốt nghiệp đều được gửi đến Khoa để thông báo đến các lớp SV và SV có thể truy cập thông tin qua tài khoản cá nhân được cấp. Đoàn thanh niên, CVHT và ban cán sự lớp đều có các cuộc họp định kỳ hằng tháng để nắm bắt tình hình học tập của SV để tư vấn cho SV lập kế hoạch học tập phù hợp, hỗ trợ mọi mặt khi SV có nhu cầu (Biên bản họp phản ánh tình hình SV hằng tháng (biên bản họp ngày 19/06/2020). Khoa đã họp phân tích nguyên nhân tình trạng chậm tốt nghiệp và đề xuất giải pháp khắc phục (Biên bản họp Khoa ngày 20/05/2020). Nguyên nhân chủ yếu của việc tốt nghiệp chậm là SV chưa đạt CĐR về ngoại ngữ, tin học hoặc còn nợ một số HP chuyên môn. Một số giải pháp Học viện/Khoa đã thực hiện để nâng cao tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn là: Giám sát chặt chẽ kết quả học tập của SV và thông báo kịp thời để SV có kế hoạch học trả nợ những học phần chưa đạt, thông báo những SV chưa đủ điều kiện tốt nghiệp kèm lý do cụ thể, tổ chức các lớp học bổ sung/ôn tập cho SV có nhu cầu học trả nợ hoặc cải thiện điểm (số 3748/QĐ-HVBCCTT ngày 21/09/2020 về việc mở lớp Bồi dưỡng CĐR Tiếng Anh trình độ B2). Từ năm 2020, Học viện đã điều chỉnh CĐR ngoại ngữ từ B2 xuống B1 để phù hợp với chất lượng thực tế của SV. Hoạt động CVHT được đẩy mạnh như hằng tháng Khoa đều có cuộc họp giữa

CVHT với ban cán sự các lớp, cuộc họp phản ánh tình hình SV do Ban Quản lý đào tạo chủ trì.

Thời gian tốt nghiệp trung bình của các khoá SV đã được đối sánh với SV các khoá tương ứng của một số ngành trong Học viện như ngành Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Quan hệ công chúng. Minh chứng và phỏng vấn cho thấy, Học viện/Khoa đã có những cuộc họp trao đổi thảo luận, đánh giá về tình hình tốt nghiệp của SV và hiệu quả của những giải pháp đã thực hiện để tăng số SV tốt nghiệp đúng hạn.

2. Điểm tồn tại

Khoa chưa thực sự tích cực tìm kiếm thông tin để đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành học với SV cùng ngành của một số trường đại học trong nước.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Ban Quản lý đào tạo cần hoàn thiện quy trình và phương pháp tính thời gian tốt nghiệp trung bình của SV theo khoá đào tạo của tất cả các CTĐT đại học và sau đại học. Khoa/CVHT cần giám sát chặt chẽ hơn kết quả học tập của SV, gần gũi, quan tâm đối với những SV có kết quả học tập kém để có giải pháp/tư vấn giúp đỡ kịp thời; cần nâng cao hiệu quả hoạt động đối sánh tình hình tốt nghiệp trước và đúng hạn của SV với SV của tất cả các CTĐT trong Học viện và với SV cùng ngành của nhiều trường đại học khác trong nước; nên cải tiến quy trình xét tốt nghiệp đối với SV đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian đào tạo chuẩn theo hướng không yêu cầu SV phải làm đơn xin xét tốt nghiệp mà Ban Quản lý đào tạo sẽ chiết xuất kết quả từ phần mềm quản lý đào tạo.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Điểm mạnh

Học viện giao cho Trung tâm KT&KĐCLĐT là đơn vị chủ trì việc khảo sát tình trạng việc làm của SV sau tốt nghiệp (số 4237/QĐ-HVBC&TT ngày 30/9/2019). Theo đó, Trung tâm có nhiệm vụ cụ thể là xây dựng cơ sở dữ liệu SV tốt nghiệp, khảo sát thống kê việc làm của SV sau tốt nghiệp và lập báo cáo kết quả khảo sát hằng năm. Trước năm 2020, Khoa trực tiếp thực hiện khảo sát và lập báo cáo kết quả chuyển về Trung tâm KT&KĐCLĐT. Từ năm 2020, nhiệm vụ này được chuyển cho Trung tâm KT&KĐCLĐT thực hiện. Hình thức khảo sát được thực hiện là gửi email, gọi điện thoại, gửi phiếu điều tra. Hồ sơ minh chứng cho thấy, Học viện có khá đầy đủ dữ liệu khảo sát

về tình trạng SV tốt nghiệp hằng năm và hằng năm đều có báo cáo gửi Bộ GD&ĐT theo đúng quy định (báo cáo ngày 25/01/2022). Tình hình việc làm của SV còn được công bố trên trang thông tin điện tử của Học viện (mục ba công khai). Kết quả thống kê tình trạng việc làm sau 12 tháng tốt nghiệp của các khoá tốt nghiệp vào các năm 2017, 2018, 2019, 2020 như sau: Trung bình tỉ lệ SV phản hồi là 93,25%, trung bình tỉ lệ SV có việc làm là 84,5%, trung bình tỉ lệ SV có việc làm đúng ngành đào tạo là 59,8% và có việc làm liên quan đến ngành đào tạo là 21,8% (làm việc phù hợp với ngành đào tạo là 81,6%), trung bình tỉ lệ làm việc trong khu vực Nhà nước là 11,3%, làm việc trong khu vực tư nhân là 82,0% và tự tạo việc làm là 5,0%. Học viện cũng đã khảo sát mức thu nhập bình quân/tháng của SV có việc làm và tỉ lệ có thu nhập trên 10 triệu đồng/tháng tăng từ 17,24% (tốt nghiệp năm 2018) lên 30% (tốt nghiệp năm 2020).

Đoàn Đánh giá ngoài đã khảo sát độc lập đối với SV tốt nghiệp năm 2020 và năm 2021 với kết quả như sau:

NỘI DUNG KHẢO SÁT	KẾT QUẢ
Số lượng tốt nghiệp năm 2020, 2021	41SV
Số lượng SV phản hồi	15 SV
Đã có việc làm	100%
Có việc làm phù hợp với ngành đào tạo	80,77%
Có việc làm trong 06 tháng	76,92%
LV trong khu vực nhà nước	7,69%
LV ở khu vực ngoài nhà nước	73,08%
LV ở khu vực có yếu tố nước ngoài	11,54%
Tự khởi nghiệp	7,69%
Thu nhập dưới 5 triệu/tháng	0%
Thu nhập từ 5 - 7 triệu/tháng	23,07%
Thu nhập từ 7 - 10 triệu/tháng	46,15%
Thu nhập trên 10 triệu/tháng	30,77%

Học viện đã đối sánh tình trạng việc làm của SV ngành học sau tốt nghiệp (tốt nghiệp các năm 2019, 2020 với SV 14 ngành học của Học viện (báo cáo của các năm

về kết quả khảo sát tình trạng việc làm của SV tốt nghiệp như báo cáo năm 2020 vào tháng 01/2022). Tình hình việc làm của SV tốt nghiệp năm 2019, 2020, 2021 cũng đã được đối sánh với SV nhóm ngành VII của Trường Đại học Thương mại.

Khảo sát thực tế cho thấy, Khoa đã có một số buổi họp, tọa đàm tư vấn hướng nghiệp cho SV để phân tích nguyên nhân tỉ lệ SV có việc làm đúng ngành không cao và đề xuất một số giải pháp khắc phục. Trên thực tế, một số giải pháp đã được thực hiện như mở rộng các cơ sở hợp tác trong việc gửi SV đến thực tập thực tế với 21 tạp chí, doanh nghiệp, cơ quan báo chí và đài truyền hình (Biên bản ghi nhớ ngày 12/08/2020 với công ty cổ phần dịch thuật Tân Á), tổ chức các lớp bồi dưỡng nâng cao kỹ năng mềm cho SV (do Đoàn thanh niên Học viện chủ trì), thu thập thông tin tuyển dụng để công bố trên trang thông tin điện tử của Học viện (chuyên mục SV khởi nghiệp), tổ chức các buổi tọa đàm hướng nghiệp cho SV... Công tác hướng nghiệp đã được triển khai ngay từ năm thứ nhất để SV hiểu rõ về ngành nghề đào tạo, tạo động lực học tập tốt hơn. Học viện đã quan tâm trang bị cho SV kỹ năng mềm để thuận lợi trong quá trình xin việc (kế hoạch tập huấn kỹ năng mềm năm học 2018-2019 ngày 20/09/2018).

2. Điểm tồn tại

Hằng năm, Học viện đều có dữ liệu khảo sát việc làm của SV các ngành đào tạo nhưng Khoa chưa phân tích đối sánh kỹ càng tình trạng việc làm của SV ngành học với SV các ngành khác của Học viện và số lượng đối sánh với SV cùng ngành của các trường đại học khác trong nước còn khá ít. Khoa chưa có những phân tích sâu sắc về tình trạng việc làm của SV nhất là tỉ lệ SV làm ở khu vực ngoài Nhà nước khá cao (82,0%).

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Khoa cần tăng cường phát triển mối quan hệ hợp tác với các cơ quan trong lĩnh vực đào tạo và NCKH, chú trọng phát triển cả về quy mô lẫn phạm vi (không chỉ trên địa bàn Hà Nội như hiện nay). Sau khi có kết quả khảo sát, Học viện/Khoa cần nghiên cứu và phân tích dữ liệu kỹ càng hơn để tìm biện pháp cải tiến như điều chỉnh CTĐT để phù hợp với vị trí việc làm; cần rà soát, hoàn thiện hướng dẫn về hoạt động đối sánh, so chuẩn trong công tác đảm bảo chất lượng, trong đó có đối sánh về tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Điểm mạnh

Học viện giao cho Ban Quản lý khoa học là đơn vị chịu trách nhiệm quản lý hoạt động NCKH của SV và các Khoa là đơn vị phối hợp thực hiện. Việc quản lý và tổ chức hoạt động NCKH của SV được thực hiện theo Quy chế Quản lý hoạt động khoa học của Học viện; Quy định tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ và theo thông tư 19/2012/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT. Khảo sát thực tế cho thấy, loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của SV được xác định gồm chủ trì hoặc tham gia thực hiện các đề tài/dự án NCKH SV, thực hiện triển khai các tiến bộ KH&CN vào thực tiễn, tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học.

Theo quy định của Học viện, mỗi lớp SV năm thứ hai và năm thứ ba được đề xuất 01 đề tài NCKH SV cấp Học viện. Việc giao cho SV thực hiện các đề tài NCKH SV cấp Học viện được thực hiện theo một quy trình tương đối chặt chẽ nhưng vẫn khuyến khích được SV tham gia thực hiện từ khâu thông báo đăng ký, phê duyệt cho đến khâu nghiệm thu thanh lý đề tài. SV được đăng ký làm chủ nhiệm đề tài phải là SV từ năm thứ hai trở đi, có ít nhất một học kỳ đạt học lực loại khá trở lên, có GV hướng dẫn. Tiêu chuẩn và quyền lợi của GV hướng dẫn cũng được quy định rõ ràng và có quy định giám sát tiến độ thực hiện (Biên bản kiểm tra tiến độ NCKH của SV ngày 16/07/2020). Ban Quản lý khoa học lưu trữ khá đầy đủ các quyết định phê duyệt đề tài NCKH SV cấp Học viện, hồ sơ các đề tài đã được nghiệm thu và thanh lý. Hằng năm, Học viện đều xây dựng kế hoạch hoạt động NCKH của SV (KH số 5877/KH-HVBC&TT ngày 28/12/2020). Ngoài ra, Học viện còn chi kinh phí cho hoạt động hội nghị, hội thảo khoa học do SV tổ chức và hằng năm đều tổ chức Hội nghị Khoa học SV cấp Học viện.

Kết quả thống kê của Khoa cho thấy, SV của ngành học đã chủ trì thực hiện 06 đề tài NCKH SV cấp cơ sở với sự tham gia của 29 SV, đạt 01 giải thưởng SV NCKH cấp Học viện. Tổng kinh phí chi cho hoạt động NCKH của SV toàn Học viện tăng từ 140 triệu đồng năm 2016 lên 638 triệu đồng năm 2019. Năm 2020, Học viện đã dự trù cấp 979 triệu đồng cho hoạt động NCKH của SV (trung bình chi 5 triệu đồng/đề tài). Trong giai đoạn đánh giá, Học viện đã chi khoảng 25 triệu đồng cho hoạt động NCKH của SV thuộc ngành đào tạo; đã đối sánh kết quả NCKH của SV ngành học với SV ngành Quan hệ công chúng, Xuất bản, Quảng cáo của Học viện.

2. Điểm tồn tại

Quy định về loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của SV chưa đa dạng (mới chỉ quan tâm đến việc chủ trì/tham gia đề tài NCKH SV, tham gia các hội nghị hội thảo) và quy định mỗi lớp SV từ năm thứ hai trở lên được đăng ký 01 đề tài NCKH SV cấp Học viện là hơi ít. Chi thưởng cho SV có thành tích xuất sắc trong NCKH ở mức 500.000đ là thấp nên khó khuyến khích được SV tích cực tham gia (số 1366/QĐ-HVBC&TT ngày 11/03/2021). Số lượng các ngành học trong Học viện được lựa chọn để đối sánh kết quả NCKH của SV còn ít và việc đối sánh với SV cùng ngành của các

trường đại học khác trong cả nước chưa được thực hiện (hiện có khá nhiều trường đại học đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh).

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện nên có quy định chi tiết về số lượng và các loại hình NCKH của SV như bổ sung thêm các loại hình: Tham gia đề tài NCKH của GV, thực hiện các dự án, công bố kết quả nghiên cứu, tham gia các cuộc thi ý tưởng sáng tạo, tham dự các cuộc thi NCKH SV các cấp...Nên điều chỉnh quy định về số lượng đề tài NCKH SV hằng năm theo hướng mở rộng và tăng mức thưởng với những đề tài có kết quả xuất sắc để khuyến khích được các lớp, các ngành có phong trào NCKH tốt. Định kỳ nên tổ chức các cuộc thi ý tưởng sáng tạo và khởi nghiệp trong SV ở cấp Khoa/Học viện; cần quan tâm hơn đến hoạt động đối sánh kết quả NCKH của SV ngành học với SV các ngành đào tạo khác của Học viện và với SV cùng ngành của các trường đại học khác trong nước làm cơ sở cho những cải tiến để thúc đẩy hoạt động NCKH trong SV.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Điểm mạnh

Trung tâm KT&KĐCLGD được thành lập vào năm 2012 có nhiệm vụ chủ trì thực hiện hoạt động khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan và các ban/khoa là đơn vị phối hợp thực hiện (số 4237/QĐ-HVBC&TT ngày 30/9/2019). Để khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan, Học viện đã ban hành Quy chế lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chất lượng đào tạo (số 3901/QĐ-HVBC&TT ngày 31/8/2019). Có 05 hình thức khảo sát: Khảo sát ý kiến của các bên liên quan về CTĐT; khảo sát ý kiến của SV về chất lượng giảng dạy học phần; khảo sát GV, NV và SV năm cuối, cựu SV, nhà SDLĐ về chất lượng đào tạo, khảo sát tình trạng việc làm của SV tốt nghiệp...Phương pháp khảo sát tương đối đa dạng gồm khảo sát online qua phần mềm quản lý đào tạo, Google form, gửi phiếu khảo sát qua email, gửi phiếu khảo sát trực tiếp, gọi điện thoại. Kết quả mỗi đợt khảo sát đều được tổng hợp báo cáo lãnh đạo Học viện và gửi đến các đơn vị có liên quan để nghiên cứu xây dựng biện pháp cải tiến chất lượng. Ngoài việc khảo sát qua phiếu hỏi, Học viện còn thường niên tổ chức đối thoại giữa lãnh đạo Học viện với SV để lắng nghe và giải quyết kịp thời những đề xuất của SV.

Học viện đã khảo sát sự hài lòng của SV về nội dung của CTĐT, về phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá, về hoạt động hỗ trợ người học; khảo sát cựu người học về CTĐT, về hoạt động hỗ trợ đào tạo và tư vấn hỗ trợ việc làm; khảo

sát sự hài lòng của GV về các chính sách và cơ sở vật chất phục vụ cho công tác đào tạo và NCKH của GV; khảo sát sự hài lòng của nhà SDLĐ về nội dung CTĐT; đã khảo sát mức độ hài lòng của SV năm cuối về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng nghiên cứu, kỹ năng ngoại ngữ và tin học...

Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập và đối sánh sau mỗi đợt khảo sát như: Mức độ hài lòng của SV về phương pháp giảng dạy trong các năm 2017 đến năm 2021 tương ứng là 38,0%, 33,3%, 74,9%, 89,5%, 89,9%, hài lòng về đội ngũ hỗ trợ đào tạo là 48,1%, 39,6%, 62,5%, 79,5%, 87,7%, mức độ hài lòng của cựu người học khảo sát năm 2020, 2021 về hoạt động tư vấn hỗ trợ việc làm là 84,0% và 88,9%; mức độ hài lòng của GV về CSVC phục vụ đào tạo và NCKH trong các năm 2019, 2020, 2021 là 53,0%, 65,7%, 80,0%... Nhìn chung, mức độ hài lòng của SV về một số lĩnh vực khảo sát có xu hướng tăng dần thể hiện Học viện đã có nhiều cải tiến để nâng cao chất lượng.

2. Điểm tồn tại

Hồ sơ minh chứng chưa thể hiện rõ việc Khoa đã phân tích kỹ càng kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan, chưa thường niên đối sánh kết quả khảo sát với các CTĐT khác ở trong và ngoài Học viện để xây dựng các biện pháp cải tiến chất lượng. Mức độ hài lòng của SV năm cuối (báo cáo ngày 15/10/2020) về một số mặt còn thấp như về khả năng tư duy phản biện (68,4%), về khả năng tin học (68,2%), về tài liệu trong thư viện (68,4%). Chưa thường xuyên khảo sát mức độ hài lòng của nhà SDLĐ, của GV về chất lượng SV tốt nghiệp; chưa tổ chức các hội nghị chuyên đề về công tác khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan để đánh giá về chất lượng, hiệu quả, độ tin cậy của công cụ và phương pháp khảo sát.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Trung tâm KT&KĐCLĐT cần cập nhật điều chỉnh bộ phiếu khảo sát để phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo trong mỗi năm học như bổ sung phần nêu các điểm hạn chế lớn của CTĐT trong phiếu khảo sát SV năm cuối; cần đa dạng hình thức khảo sát mức độ hài lòng của nhà SDLĐ và của GV về chất lượng SV sau tốt nghiệp (ngoài các hình thức đã thực hiện cần tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo); cần khảo sát theo khoá SV tốt nghiệp để có thêm cơ sở dữ liệu phục vụ đánh giá mức độ đạt được CDR của CTĐT; cần định kỳ tổ chức tổng kết, đánh giá hiệu quả và tác động của hoạt động khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan đến việc nâng cao chất lượng SV tốt nghiệp.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 11:

1. Điểm mạnh cơ bản của CTĐT

Tỷ lệ SV thôi học, tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn, thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành học được xác lập, giám sát và cập nhật hằng năm. Kết quả thống kê tỉ lệ SV thôi học, tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn, thời gian tốt nghiệp trung bình đã được Học viện/Khoa phân tích, đối sánh với các CTĐT khác trong Học viện để cải tiến chất lượng. Công tác hỗ trợ, tư vấn hướng nghiệp giúp SV tìm kiếm việc làm sau tốt nghiệp được quan tâm thông qua kết nối với các cơ sở ngoài Học viện để gửi SV đi tham quan/thực tập, tìm kiếm và cập nhật thông tin tuyển dụng để thông báo cho SV. Tỉ lệ SV tốt nghiệp có việc làm cao (84,5%). Công tác NCKH của SV được quan tâm thông qua việc ban hành chính sách khuyến khích và cấp kinh phí để thực hiện đề tài NCKH SV cấp cơ sở. Hoạt động khảo sát sự hài lòng của SV năm cuối và cựu người học được thực hiện khá tốt và hoạt động này được triển khai định kỳ hằng năm, có cải tiến về quy trình, phương thức khảo sát, công cụ khảo sát và kết quả khảo sát đã được Khoa và các đơn vị sử dụng tương đối hiệu quả để cải tiến chất lượng.

2. Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT

Học viện chưa có văn bản quy định chi tiết về công tác giám sát, thống kê tình hình SV thôi học, SV tốt nghiệp của các CTĐT theo khoá học. Tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn còn hơi thấp. Công tác đối sánh tỉ lệ SV thôi học, tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn, thời gian tốt nghiệp trung bình, tình trạng việc làm của SV, kết quả NCKH của SV với SV cùng ngành của các trường đại học khác còn hạn chế. Việc khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng SV tốt nghiệp có được thực hiện nhưng chưa bài bản.

3. Khuyến nghị đối với CTĐT

Học viện cần ban hành quy định chi tiết về công tác giám sát, thống kê, phân tích đối sánh tỉ lệ SV thôi học, tốt nghiệp đúng hạn và tính thời gian tốt nghiệp trung bình của SV các khoá đào tạo và hoàn thiện phần mềm quản lý đào tạo để thuận lợi cho các đơn vị triển khai thực hiện; cần đặc biệt quan tâm đến các giải pháp để tăng số SV tốt nghiệp đúng hạn và tăng cường chất lượng NCKH của SV. Hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá năng lực SV tốt nghiệp để từ đó thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của nhà SDLĐ, GV, cựu người học về kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, trách nhiệm xã hội của SV sau tốt nghiệp làm cơ sở triển khai đánh giá mức độ đạt được CDR của CTĐT. Nâng cao hiệu quả của hoạt động đối sánh trong việc cải tiến chất lượng và khảo sát chất lượng SV tốt nghiệp. Hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá năng lực SV tốt nghiệp để từ đó thực

hiện khảo sát mức độ hài lòng của nhà SDLĐ, GV, cựu người học về kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, trách nhiệm xã hội của SV sau tốt nghiệp làm cơ sở triển khai đánh giá mức độ đạt được CĐR của CTĐT.

Phần III. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

1. Kết luận:

Đoàn ĐGN đã bỏ phiếu thống nhất kết quả đánh giá mức đạt của CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh như sau:

- Số tiêu chí đạt mức 4 trở lên: 44 tiêu chí, đạt 88%;
- Số tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu: 11 tiêu chuẩn, đạt 100%;
- Đã có 13 khóa sinh viên tốt nghiệp.

Chiếu theo khoản 1 (Đã có ít nhất một khóa sinh viên tốt nghiệp tại thời điểm hoàn thành báo cáo tự đánh giá) và khoản 4 (chương trình đào tạo có ít nhất 80% số tiêu chí đạt yêu cầu, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu theo kết quả đánh giá chất lượng giáo dục của Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục) Điều 23 của Thông tư 38/2013/TT-BGDĐT ngày 19/11/2013 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng CTĐT của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp thì CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh của Học viện Báo chí và Tuyên truyền giai đoạn 2017 - 2022 đủ điều kiện xét công nhận đạt đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Kiến nghị

Đề nghị Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh tiến hành các thủ tục tiếp theo để xét công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cho CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

**PHÊ DUYỆT CỦA GIÁM ĐỐC TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ NGOÀI
TRUNG TÂM KĐCLGD**


Trần Đình Quang



Bùi Duy Cam

Phần IV. PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Giới thiệu tóm tắt về Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Khoa Ngoại ngữ

Phụ lục 2. Tóm tắt kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo

Phụ lục 3. Quyết định thành lập Đoàn đánh giá ngoài

Phụ lục 4. Lịch trình đánh giá ngoài

Phụ lục 5. Công văn phản hồi của CSGD có chương trình đào tạo được đánh giá về dự thảo báo cáo đánh giá ngoài

Phụ lục 1.

Giới thiệu tóm tắt về Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Khoa Ngoại ngữ

1. Giới thiệu tóm tắt về Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Học viện Báo chí và Tuyên truyền thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh được thành lập ngày 16 tháng 01 năm 1962 theo Nghị quyết số 36 NQ/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khoá II. Ngày 20/11/1990, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đã ra Quyết định số 406 - HĐBT công nhận trường là trường Đại học. Từ thời điểm này, Học viện vừa là một trường Đảng trực thuộc Ban Bí thư Trung ương, đồng thời là trường đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân. Các hoạt động chuyên môn của Học viện đều được thực hiện theo quy chế của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Luật Giáo dục. Năm 2015, Học viện được Thủ tướng chính phủ phê duyệt là trường Đại học trọng điểm của mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Học viện Báo chí và Tuyên truyền có sứ mệnh “*NCKH, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí, truyền thông và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác.*”

Tầm nhìn của HVBC&TT đến năm 2050: “*trở thành cơ sở hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông. Học viện không ngừng phấn đấu trở thành trường đại học có uy tín học thuật trong khu vực và trên thế giới... Học viện phấn đấu trở thành:*

Trường đại học là lựa chọn số một của sinh viên trong các ngành học thuộc lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông

Trung tâm nghiên cứu trong lĩnh vực tư vấn chính sách, công tác tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông hàng đầu, nơi tập hợp đội ngũ chuyên gia đầu ngành có tầm ảnh hưởng trong nước và khu vực.

Trường đại học vận hành theo các tiêu chuẩn quốc tế, có tầm ảnh hưởng về báo chí và truyền thông ở khu vực Đông Nam Á trước năm 2030; cơ sở đào tạo và nghiên cứu báo chí và truyền thông có uy tín ở châu Á - Thái Bình Dương trước năm 2050.

Các giá trị cốt lõi mà Học viện Báo chí và Tuyên truyền cam kết bao gồm: *Đoàn kết, Dân chủ, Đổi mới, Chất lượng và Cống hiến.*

Triết lý giáo dục của Học viện Báo chí và Tuyên truyền theo triết lý giáo dục của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “*Học để làm việc, làm người, làm cán bộ. Học để phụng sự Đoàn thể, giai cấp và nhân dân, Tổ quốc và nhân loại*”¹

¹ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.6, tr.208.

Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ, GV, NV của HVBC&TT:

Cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền bao gồm: Đảng ủy – Hội đồng Trường - Ban Giám đốc –Hội đồng Khoa học và Đào tạo, các Khoa, và các đơn vị chức năng - Bộ môn. Học viện hiện nay có 29 đơn vị trực thuộc gồm: 16 khoa đào tạo (Khoa Triết học, Khoa Kinh tế chính trị, Khoa Chủ nghĩa xã hội khoa học, Khoa Lịch sử Đảng, Khoa Xây dựng Đảng, Khoa Tư tưởng Hồ Chí Minh, Khoa Tuyên truyền, Khoa Chính trị học, Khoa Nhà nước - Pháp luật, Khoa Báo chí, Khoa Phát thanh - Truyền hình, Khoa Quan hệ quốc tế, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo, Khoa Xã hội học và Phát triển, Khoa Xuất bản, Khoa Ngoại ngữ và Khoa Giáo dục đại cương và Nghiệp vụ sư phạm); 06 ban (Ban Quản lý đào tạo, Ban Quản lý Khoa học, Ban Tổ chức cán bộ, Ban Hợp tác Quốc tế, Ban Thanh Tra, và Ban Kế hoạch- Tài chính); 01 Văn phòng (Văn phòng Học viện); 02 phòng (Phòng Quản trị và Quản lý KTX, Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên,), 03 trung tâm (Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo, Trung tâm thông tin Khoa học và Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học), 01 viện (Viện Báo chí), 1 tạp chí (Tạp chí Lý luận chính trị & truyền thông).

Tính đến tháng 3/2022, Học viện có tổng số 386 cán bộ GV, NV, trong đó có 28 Phó Giáo sư, 103 Tiến sĩ, 205 Thạc sĩ, 35 cử nhân; có 20 ngành đào tạo trình độ đại học, 12 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và 6 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ.

2. Giới thiệu về Khoa Ngoại ngữ

Khoa Ngoại ngữ (NN) tiền thân là Tổ Ngoại ngữ, Bộ môn Ngoại ngữ của Trường Đại học Tuyên giáo, có nhiệm vụ giảng dạy ngoại ngữ đại cương cho các hệ, các bậc đào tạo trong toàn trường. Tháng 9 năm 2005 Bộ GDĐT ra Quyết định số 512/QĐ-BGDĐT ngày 02/02/2005 về việc giao cho HVBC&TT đào tạo hệ chính quy ở trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh. Trên cơ sở đó, Khoa Ngoại ngữ được thành lập ngày 06/3/2006 theo Quyết định số 304/QĐ-HVCTQG của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Hiện nay, Khoa có 3 tổ bộ môn gồm tổ bộ môn Tiếng Trung, Tiếng Anh cơ bản và Ngôn ngữ Anh. Đội ngũ CB viên chức đương nhiệm của khoa hiện nay có 33 người trong đó có 1 PGS.TS, 5 TS, 27 ThS. Hàng năm Khoa đều có kế hoạch bồi dưỡng các cán bộ tập sự và bồi dưỡng kết nạp đảng viên mới với mục tiêu phát triển đội ngũ các bộ vừa giỏi trình độ kiến thức, vừa có trình độ nhận thức cao phù hợp với đường lối của Đảng.

Bên cạnh đội ngũ GV cơ hữu, Khoa Ngoại ngữ còn mời các chuyên gia, GV, nhà báo, biên dịch viên từ các cơ quan, tổ chức có uy tín trong nước. Chuyên môn và kinh nghiệm thực tế của các cộng tác viên giúp nâng cao chất lượng dạy và học tại Khoa.

Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ quản lý của Khoa Ngoại ngữ và HVBC&TT đều là những người đã tham gia nhiều chương trình đào tạo cán bộ ở nhiều bậc học lý luận, chính trị, giáo dục của HVBC&TT.

Khoa Ngoại ngữ bắt đầu đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh từ năm học 2005 - 2006. Để đáp ứng yêu cầu đổi mới công tác đào tạo, Khoa đã xây dựng các chương trình 4 năm cho đào tạo đại học theo chương trình khung của Bộ GD&ĐT. Khoa luôn củng cố và mở rộng quan hệ đào tạo và liên kết với các cơ sở đào tạo về ngành Ngôn ngữ Anh và với các cơ quan báo chí nhằm tận dụng tốt nhất mối quan hệ hợp tác đào tạo và liên hệ sinh viên đi thực hành, thực tế, kiến tập, thực tập, gắn đào tạo lý thuyết với thực hành.

Hiện nay, số lượng sinh viên đang theo học ngành Ngôn ngữ Anh của Khoa là khoảng 200 sinh viên. Kết quả học tập của sinh viên trong Khoa ngày càng được nâng cao. Công tác quản lý theo dõi quá trình học tập và rèn luyện của sinh viên được quan tâm sâu sắc. Hoạt động học tập, rèn luyện của sinh viên được Khoa quan tâm ủng hộ về cả vật chất và tinh thần, cụ thể thông qua các hoạt động như: Tổ chức Hội thảo hướng nghiệp cho sinh viên; Định hướng nghề nghiệp, kế hoạch học tập cho sinh viên từ năm thứ nhất; xin tài trợ các đơn vị khác ngoài Học viện, tìm kiếm nguồn tài trợ cho sinh viên nghèo vượt khó...

Song song với nhiệm vụ chính là giảng dạy, NCKH là hoạt động không thể thiếu đối với mỗi cơ sở giáo dục đại học. Khoa Ngoại ngữ luôn xác định nâng cao chất lượng đội ngũ GV phải đi đôi với việc tăng cường năng lực NCKH. NCKH góp phần tích lũy, cập nhật kiến thức, nâng cao năng lực và chất lượng giảng dạy, đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy.

Hoạt động NCKH của Khoa ngày càng được đề cao và phát triển mạnh thông qua số lượng ngày một tăng các công trình nghiên cứu. Trong vòng 5 năm trở lại đây tính từ năm học 2017, khoa đã tham gia 2 đề tài NCKH cấp Bộ, thực hiện được 38 đề tài khoa học cấp cơ sở, tham gia 22 hội thảo/toạ đàm thông tin khoa học, công bố hơn 150 công trình nghiên cứu bao gồm cả sách, chương sách, bài báo khoa học, bài tham luận hội thảo trong nước và quốc tế.

Khoa thường xuyên tổ chức, tham gia nhiều buổi thông tin, tọa đàm khoa học và tham dự đầy đủ các sinh hoạt khoa học cho cán bộ, GV, SV do HVBC&TT cũng như các đối tác bên ngoài tổ chức có nội dung liên quan đến chuyên ngành đào tạo. Hoạt động khoa học trên đã hỗ trợ đắc lực cho việc hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn của Khoa, nâng cao trình độ mọi mặt cho các GV và giúp SV có định hướng trong hoạt động NCKH.

Đến năm 2035, Khoa Ngoại ngữ kỳ vọng trở thành Khoa có uy tín trong đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh với định hướng phát triển là:

- Lựa chọn đáng tin cậy của người học về Ngôn ngữ Anh nói chung và BDNNA nói riêng;
- Nơi tập hợp đội ngũ GV, chuyên gia uy tín về giảng dạy và NCKH, đặc biệt trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh và BDNNA, có khả năng tham gia giảng dạy các chương trình quốc tế;
- Đào tạo và nghiên cứu, tư vấn chính sách trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh và Biên dịch Tiếng Anh.

Phụ lục 2. Tóm tắt kết quả Tự đánh giá chương trình đào tạo

CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh do Khoa Ngoại ngữ quản lí. Khoa và Học viện đã thực hiện TĐG theo thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT và công văn 2085/QLCL-KĐCLGD của Bộ GD&ĐT.

1. Quá trình thực hiện TĐG từ tháng 7/2021 đến tháng 10/2022. Nội dung chính của Báo cáo TĐG CTĐT Ngôn ngữ Anh được thực hiện theo 11 tiêu chuẩn với 50 tiêu chí. Trong đó, các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4 tập trung vào mục tiêu, CDR, bản mô tả CTĐT, cấu trúc, nội dung và phương pháp tiếp cận trong dạy-học; tiêu chuẩn 5 về đánh giá KQHT của NH; tiêu chuẩn 6 và 7 hướng đến việc TĐG về đội ngũ CB, GV, nghiên cứu viên và đội ngũ NV; tiêu chuẩn 8 mô tả công tác tuyển sinh và hỗ trợ NH; tiêu chuẩn 9 tập trung đánh giá CSVC, trang thiết bị và môi trường học thuật; tiêu chuẩn 10 mô tả các quy trình nâng cao chất lượng CTĐT; tiêu chuẩn 11 đánh giá về kết quả đầu ra.

2. Mục đích, quy trình, phương pháp và công cụ TĐG CTĐT

Mục tiêu của việc TĐG: thể hiện tính tự chủ và trách nhiệm giải trình về các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường. Trên cơ sở các kết quả đánh giá, Trường/Khoa nhận dạng những điểm mạnh để phát huy, điểm yếu cần khắc phục, từ đó đề ra các biện pháp và lập kế hoạch điều chỉnh nhằm cải thiện hơn nữa chất lượng đào tạo; thực hiện mục tiêu đào tạo nhân lực ngành Ngôn ngữ Anh chất lượng tốt, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động.

Báo cáo TĐG còn là cơ sở cho công tác ĐGN CTĐT, hướng tới mục tiêu kiểm định chất lượng CTĐT, khẳng định mong muốn và cam kết của Trường với NH, với xã hội, với thị trường lao động. Dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục, Trường đã trình bày hiện trạng các điều kiện ĐBCL, chất lượng đào tạo, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH... cũng như các vấn đề liên quan khác; từ đó tiến hành điều chỉnh nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Phạm vi TĐG bao gồm toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động hỗ trợ khác cho CTĐT ngành ĐTH giai đoạn 2017-2022.

Công cụ TĐG là bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT quy định tại Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT cùng các công văn Số 1669/QLCL-KĐCLGD và Số 2085/QLCL-KĐCLGD của giáo dục ĐH của Bộ GD&ĐT.

Hội đồng TĐG được thành lập theo Quyết định số 6871/QĐ-HVBCTT ngày 01/12/2021, với 23 thành viên. Hội đồng có Ban thư kí gồm 17 thành viên và 6 nhóm công tác chuyên trách.

Quy trình TĐG: thực hiện theo các bước như hướng dẫn tại công văn số 2085 và 774/QLCL-KĐCLGD của Bộ GD&ĐT. Đối với mỗi tiêu chí, nội dung đánh giá bao gồm: phân mô tả thực trạng phân tích, giải thích, so sánh nêu ra những nhận định đánh giá, chỉ ra điểm

mạnh, điểm yếu; từ đó, lên kế hoạch hành động nhằm phát huy điểm mạnh, khắc phục hạn chế để cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT; cuối cùng là phần TĐG theo từng tiêu chí.

Báo cáo TĐG do Ban thư kí mà chủ yếu là các CB, GV của Khoa Ngoại ngữ triển khai thực hiện với sự hỗ trợ cung cấp minh chứng từ các đơn vị chức năng của Trường. Từng nhóm tiến hành họp và phân công nhiệm vụ nghiên cứu các tiêu chuẩn, tiêu chí, văn bản hướng dẫn; xác định minh chứng cần có; phân tích minh chứng để từ đó xác định cách viết Báo cáo và tiến hành viết báo cáo. Báo cáo TĐG có sự tham gia đánh giá, đóng góp ý kiến của các phòng ban chức năng, các nhóm người học và cựu NH, các doanh nghiệp và tổ chức sử dụng lao động.

Báo cáo cũng đề xuất kế hoạch, biện pháp khắc phục tồn tại, phát huy điểm mạnh; định hướng trọng tâm phát triển và cải tiến chất lượng CTĐT trong giai đoạn tiếp theo.

3. Kết quả TĐG có thể tóm tắt như sau:

- Số tiêu chí đạt từ mức 4 trở lên: 50 (100%);
 - + Số tiêu chí đạt mức 2: 0
 - + Số tiêu chí đạt mức 3: 0
 - + Số tiêu chí đạt mức 4: 04
 - + Số tiêu chí đạt mức 5: 46
 - + Số tiêu chí đạt mức 6: 0
 - + Số tiêu chí đạt mức 7: 0
- Số tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí được đánh giá từ mức đạt trở lên: 11;
- Số tiêu chuẩn có mức đánh giá trung bình đạt từ mức 4 trở lên: 11 (100%);
- Tỷ lệ số tiêu chí đạt (mức 4 trở lên): 100% (50 tiêu chí);
- Điểm trung bình chung: 4,90.

Phụ lục 3. Quyết định thành lập Đoàn đánh giá ngoài

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG
GIÁO DỤC - TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 526/QĐ-KĐCLV

Nghệ An, ngày 30 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh danh sách Đoàn chuyên gia Đánh giá ngoài
03 chương trình đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC - TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Thông tư số 61/2012/TT-BGDĐT ngày 28/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định điều kiện thành lập và giải thể, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 4589/QĐ-BGDĐT ngày 01/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 1474/QĐ-BGDĐT ngày 17/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cấp phép hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục đối với Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-KĐCLĐHV ngày 30/10/2018 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh ban hành Quy định đối với kiểm định viên thực hiện đánh giá ngoài cơ sở giáo dục, chương trình đào tạo;

Căn cứ Công văn số 3997-CV/HVBCTT ngày 30/9/2022 của Học viện Báo chí và Tuyên truyền về việc phân hời thông báo thay đổi thành viên Đoàn đánh giá ngoài 03 chương trình đào tạo của Nhà trường;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đánh giá và Công nhận chất lượng giáo dục.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh danh sách các Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài 03 chương trình đào tạo trình độ đại học của Học viện Báo chí và Tuyên truyền tại các Quyết định số 515, 516, 517/QĐ-KĐCLV ngày 25/8/2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất

lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh về việc thành lập Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài 03 chương trình đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày kí.

Các phòng chức năng, các ông, bà có tên tại Điều 1, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *nk*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Cục QLCL-Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Hiệu trưởng Trường ĐH Vinh (để b/c);
- Lưu: HC-DV, ĐGCN.





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH ĐOÀN CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ NGOÀI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÔN NGỮ ANH
CỦA HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**

*(Kèm theo Quyết định số: 526/QĐ-KĐCLV ngày 30 tháng 9 năm 2022
của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh)*

TT	Họ và tên	Số thẻ/Chứng chỉ kiểm định viên	Chức vụ trong Đoàn
I	Chuyên gia		
1	PGS.TS. Bùi Duy Cam	2017.01.244	Trưởng đoàn
2	TS. Phan Hùng Thư	2017.01.323	Thư ký
3	TS. Trần Đình Quang	2017.01.313	Thành viên thường trực
4	TS. Nguyễn Thị Thu Hà	2014.02.066	Thành viên
5	TS. Trần Ái Cẩm	2016.01.146	Thành viên
6	TS. Nguyễn Duy Mộng Hà	2014.1.019	Thành viên
7	PGS.TS. Nguyễn Thị Nhị	2017.01.301	Thành viên
II	Giám sát		
8	ThS. Nguyễn Thị Minh	KĐV-VNU0701	Giám sát viên

Ấn định danh sách gồm 08 người.

Phụ lục 4. Lịch trình Đánh giá ngoài

KẾ HOẠCH
KHẢO SÁT CHÍNH THỨC Học viện BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

1. CN Ngôn ngữ Anh

2. CN Quảng cáo

3. CN Xuất bản – Chuyên ngành Biên tập xuất bản

Thời gian: từ ngày 21/10/2022 đến ngày 25/10/2022

Địa điểm: Học viện Báo chí tuyên truyền

Số 36, đường Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Thời gian	Nội dung	Đối tượng, thành phần, địa điểm làm việc		
		NN ANH	QUẢNG CÁO	XB-CN BTXB
Ngày làm việc thứ nhất (Thứ Sáu, ngày 21 tháng 10 năm 2022)				
8:00 - 8:30	Họp đoàn, Trưởng đoàn phân công nhiệm vụ cho các thành viên	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)		
8:30 – 10:30	Đoàn làm việc nội bộ			
10:30 - 12:00	Khai mạc Khảo sát chính thức (Có chương trình chi tiết kèm theo)	<ul style="list-style-type: none"> - Đoàn chuyên gia ĐGN; - Đại diện Lãnh đạo Trung tâm KĐCLGD - Trường ĐH Vinh; - Lãnh đạo Học viện; - Lãnh đạo Khoa có CTĐT được đánh giá; - Các Hội đồng Tự đánh giá; - Cán bộ, giảng viên, sinh viên các ngành có CTĐT được đánh giá (do Nhà trường điều động). <p style="text-align: center;">(Hội trường)</p>		
12:00 - 13:30	Nghỉ trưa			
13:30 -14:00	Đoàn nghiên cứu hồ sơ minh chứng và làm việc trực tiếp với cán bộ phụ trách các mảng của CTĐT: Đào tạo, Khảo thí; CTSV, ĐBCL, TTrGD; NCKH, Tài chính, Tuyển sinh, Hợp tác doanh nghiệp, Quản trị, Thư viện, CNTT...	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn) (Cán bộ Nhà trường làm việc bình thường, khi Đoàn cần, có mặt sau 15 phút)		
14:00 - 17:00	Quan sát thực tế văn phòng bộ môn; phòng học, phòng thực hành, phòng thí nghiệm, phòng	Nhóm 1		

	máy tính và phòng tư liệu các khoa phụ trách 03 CTĐT.	Nhóm 2		
	Quan sát thực tế thư viện, y tế, phòng làm việc các phòng, ban chức năng liên quan, khuôn viên nhà trường và cơ sở vật chất khác.			
17:00 - 17:30	- Đoàn làm việc nội bộ; - Cán bộ, giảng viên, nhân viên, sinh viên tự do tiếp xúc với Đoàn (nếu có nhu cầu)	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)		
Ngày làm việc thứ hai (Thứ Bảy, ngày 22 tháng 10 năm 2022)				
8:00 – 11:00	Đoàn nghiên cứu hồ sơ minh chứng và làm việc trực tiếp với cán bộ phụ trách các mảng: Đào tạo, Khảo thí; CTSV, ĐBCL, TTrGD; NCKH, Tài chính, Tuyển sinh, Hợp tác doanh nghiệp, Quản trị, Thư viện, CNTT...	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn) (Cán bộ Nhà trường làm việc bình thường, khi Đoàn cần, có mặt sau 15 phút)		
11:00 – 12:00	Đoàn làm việc nội bộ (Họp đoàn)	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)		
12:00 - 13:30	Nghỉ trưa			
		NN ANH	QUẢNG CÁO	XB-CN BTXB
13:30 - 14:30	Phòng vấn nhóm Phụ trách chuyên môn (Trưởng/ phó Khoa, trưởng/ phó Bộ môn phụ trách chuyên môn CTĐT được đánh giá)	Phòng PV1	Phòng PV2	Phòng PV3
14:30 -14:45	Đoàn hội ý chuyên môn	Phòng hội ý		
14:45 - 15:45	Phòng vấn nhóm Cán bộ hỗ trợ và cán bộ Đoàn thể của cả 03 CTĐT	Phòng PV 03		
15:45 - 16:00	Đoàn hội ý chuyên môn	Phòng hội ý		
16:00 - 17:00	Phòng vấn nhóm Giảng viên	Phòng PV1	Phòng PV2	Phòng PV3
17:00 - 17:30	Đoàn làm việc nội bộ	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)		
Ngày làm việc thứ ba (Chủ Nhật ngày 23 tháng 10 năm 2022)				
8:00 - 8:15	Đoàn làm việc nội bộ			
8:15 - 9:15	Phòng vấn nhóm Nhà sử dụng lao động theo từng CTĐT	Phòng PV1	Phòng PV2	Phòng PV3
9:15 - 9:30	Đoàn hội ý chuyên môn	Phòng hội ý		

9:30 - 10:30	Phỏng vấn nhóm Cựu sinh viên	Phòng PV1	Phòng PV2	Phòng PV3
10:30 - 10:45	Đoàn hội ý chuyên môn	Phòng hội ý		
10:45 - 11:45	Phỏng vấn nhóm Sinh viên	Phòng PV1	Phòng PV2	Phòng PV3
8:00 - 12:00	<i>Phỏng vấn qua điện thoại tình hình SV tốt nghiệp năm 2020 và 2021</i>	<i>Các phòng PV có lắp điện thoại</i>		
12:00 – 13:30	<i>Nghỉ trưa</i>			
13:30 - 16:00	Đoàn nghiên cứu hồ sơ minh chứng và làm việc trực tiếp với cán bộ phụ trách các mảng của CTĐT: Đào tạo, Khảo thí; CTSV, ĐBCL, TTrGD; NCKH, Tài chính, Tuyển sinh, Hợp tác doanh nghiệp, Quản trị, Thư viện, CNTT...	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn) <i>(Cán bộ Nhà trường làm việc bình thường, khi Đoàn cần, có mặt sau 15 phút)</i>		
16:00 - 17:30	Đoàn làm việc nội bộ (Họp đoàn)	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)		
<i>Ngày làm việc thứ 4 (Thứ 2, ngày 24 tháng 10 năm 2022)</i>				
8:00 - 10:00	Các thành viên trình bày báo cáo kết quả đánh giá theo công việc được phân công	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)		
	Thảo luận về những điểm cần làm rõ trong kết quả đánh giá của các thành viên			
10:00 - 11:30	Đoàn làm việc với Lãnh đạo Học viện và Lãnh đạo Khoa có CTĐT được đánh giá	<ul style="list-style-type: none"> - Đoàn chuyên gia ĐGN; - Lãnh đạo Học viện; - Lãnh đạo các Khoa có CTĐT được đánh giá; - Hội đồng tự đánh giá. <i>(Phòng họp)</i>		
11:30 - 12:00	Đoàn làm việc nội bộ	Phòng làm việc của Đoàn		
12:00 - 13:30	<i>Nghỉ trưa</i>			
13:30 - 15:30	<ul style="list-style-type: none"> - Các thành viên chuẩn bị slide báo cáo sơ bộ kết quả đánh giá các tiêu chuẩn được phân công; - Trưởng đoàn tổng hợp báo cáo kết quả đánh giá sơ bộ; - Thư kí tổng hợp Dự thảo Biên bản kết thúc đợt khảo sát chính thức. 	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)		

15:30 - 17:00	Các thành viên hoàn thiện báo cáo kết quả đánh giá theo Phụ lục 14, 15.	
17:00 - 17:30	- Đoàn làm việc nội bộ; - Cán bộ, giảng viên, nhân viên, sinh viên tự do tiếp xúc với Đoàn (<i>nếu có nhu cầu</i>)	
Ngày làm việc thứ năm (Thứ Ba ngày 25 tháng 10 năm 2022)		
8:00 - 8:30	Đoàn làm việc nội bộ	Đoàn ĐGN (<i>Phòng làm việc của Đoàn</i>)
8:30 - 11:30	Bế mạc đợt khảo sát chính thức (<i>có chương trình chi tiết kèm theo</i>)	- Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài; - Đại diện lãnh đạo Trung tâm KĐCLGD-ĐHV; - Lãnh đạo Học viện; - Lãnh đạo các Khoa có CTĐT được đánh giá;
11:30 - 12:00	Kí biên bản hoàn thành đợt khảo sát chính thức giữa Đoàn ĐGN, Học viện BC&TT và Trung tâm KĐCLGD-Trường ĐHV.	- Các Hội đồng Tự đánh giá; - Đại diện các đơn vị trong Học viện; - Đại diện cán bộ, giảng viên, sinh viên các ngành có CTĐT được đánh giá. (<i>Hội trường</i>)

Phụ lục 5.**Công văn phản hồi của CSGD có CTĐT được đánh giá về dự thảo báo cáo ĐGN**

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số: 6157/ CV-HVBC TT
v/v phản hồi về dự thảo báo cáo
đánh giá ngoài cấp CTĐT

Hà Nội, ngày 07 tháng 12 năm 2022

Kính gửi: - Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Trường Đại học Vinh;
- Đoàn Đánh giá ngoài 03 Chương trình đào tạo các ngành Ngôn ngữ Anh; Quảng Cáo; Xuất bản - Biên tập xuất bản

Căn cứ trên công văn số 548/KĐCLV của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Trường Đại học Vinh ngày 05 tháng 12 năm 2022 về việc gửi dự thảo Báo cáo đánh giá ngoài 03 chương trình đào tạo các ngành Ngôn ngữ Anh, Quảng Cáo, Xuất bản - Biên tập xuất bản, Nhà trường có ý kiến phản hồi như sau:

Đoàn chuyên gia đã triển khai các hoạt động đánh giá ngoài đúng qui trình, đảm bảo tính chính xác, khách quan, trung thực, công bằng, độc lập và dựa vào các minh chứng cụ thể của Nhà trường.

Học viện Báo chí và Tuyên truyền đồng ý với kết quả đánh giá của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài (trong 03 Dự thảo Báo cáo Đánh giá ngoài) của 03 chương trình đào tạo nêu trên.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: VT, TTKT&ĐBCLĐT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



(Handwritten signature)

Trần Thanh Giang